

Khoa Mác Lê Nin

Đạo Đức Học

Tác giả: Đinh Lê Nguyên

Lời nói đầu

Đạo đức là một hiện tượng đặc trưng cho đời sống con người. Xã hội càng phát triển càng khẳng định vai trò to lớn của đạo đức. Hồ Chủ Tịch luôn đề cao vai trò của đạo đức. Theo Người, nhân cách bao gồm Đức và Tài, trong đó Đức là gốc, Tài là quan trọng. Trong công cuộc đổi mới, vấn đề giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa cho thế hệ trẻ là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm trong chiến lược phát triển con người.

Với tinh thần đó, từ năm học 1991 - 1992, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo chính thức đưa bộ môn đạo đức học vào giảng dạy ở các trường Đại học và Cao đẳng. Tuy nhiên tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy đạo đức học cho đến nay hầu như còn rất ít. Trường Đại học An Giang là một trường đa cấp, đa hệ nên chương trình đạo đức học khác nhau ở các hệ và các lớp. Vì vậy, việc biên soạn tài liệu giảng dạy môn đạo đức học phù hợp với yêu cầu của từng hệ khác nhau và từng đối tượng khác nhau là điều cần thiết.

Tài liệu này được biên soạn đúng với chương trình do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo hướng dẫn nhằm cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống những tri thức căn bản về đạo đức học. Đây là chương trình đạo đức học 60 tiết, được sử dụng trực tiếp cho các lớp Đại học sư phạm đào tạo giáo viên dạy môn Giáo dục công dân trong giai đoạn đại cương. Ngoài ra nó cũng phục vụ trực tiếp cho các lớp cao đẳng đào tạo giáo viên dạy môn giáo dục công dân vào giai đoạn chuyên ban. Đồng thời tài liệu này giúp cho sinh viên các ngành khác khi học chương trình Đạo đức học 30 tiết có thêm tài liệu để nâng cao kiến thức.

Do nội dung có nhiều vấn đề rộng lớn và còn tiếp tục hoàn thiện nên trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Rất mong được nhiều ý kiến đóng góp. Chân thành cảm ơn.

Tác giả Đinh Lê Nguyên

Chương I : Nhập môn đạo đức học Macxit

Một số nét khái quát về đạo đức

“Đạo đức” là từ Hán Việt, trong đó “Đạo” là con đường để theo đó ta đi, cũng có nghĩa là lẽ phải, là đạo lý theo đó ta hành động. “Đức” là toàn bộ những hành vi đối nhân xử thế của con người, mà những phẩm chất của hành vi đó tốt hay xấu là do con người có biết và có thực hiện được đạo lý hay không.

- Đạo đức có gốc từ trong tiếng Hilạp cổ là Ethos có nghĩa truyền thống, phong tục, đặc tính, loại hình tư tưởng.

1.1. Nguồn gốc, bản chất của đạo đức :

a/ Nguồn gốc của đạo đức.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội có nguồn gốc từ trong tồn tại xã hội, từ những quan hệ của con người với tự nhiên và quan hệ giữa người với nhau trong cuộc sống

- Đạo đức là hệ thống những quan điểm, quan niệm, những nguyên tắc, chuẩn mực, những giá trị của xã hội nên đạo đức thuộc lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội, nó phản ánh tồn tại xã hội. Đạo đức ra đời và phát triển là do nhu cầu phải điều tiết mối quan hệ giữa các cá nhân và hoạt động chung của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Quan hệ đạo đức biểu hiện quan hệ của con người trước tiên là quan hệ trong sản xuất Cơ sở kinh tế của xã hội như thế nào thì ý thức đạo đức của xã hội như thế ấy. Khi đời sống vật chất của xã hội biến đổi, xã hội ngày càng tiến bộ thì những quan niệm đạo đức, những nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức cũng biến đổi theo và ngày càng được hoàn thiện . Do vậy đạo đức là hiện tượng có tính lịch sử xã hội. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, ở mỗi giai cấp khác nhau thì có các quan điểm khác nhau về cái tốt, cái xấu; cái thiện, cái ác, hạnh phúc và bất hạnh ; về lương tâm và vô lương tâm cũng như về nghĩa vụ, trách nhiệm.v.v. Trong lịch sử, có đạo đức của xã hội nguyên thủy, của xã hội chiếm hữu nô lệ, đạo đức của xã hội phong kiến, đạo đức của xã hội tư bản chủ nghĩa và đạo đức của xã hội cộng sản chủ nghĩa .
- Trong xã hội có đối kháng giai cấp thì đạo đức cũng có tính giai cấp, nghĩa là tùy thuộc vào vị trí xã hội, địa vị xã hội và lợi ích giai cấp khác nhau mà các quan điểm về đạo đức cũng khác nhau. Đạo đức của giai cấp bóc lột thường đối lập với đạo đức của quần đại quần chúng lao động và toàn xã hội.
- Đạo đức cũng có tính kế thừa. Lênin nói rằng tính kế thừa của đạo đức phản ánh “ những luật lệ đơn giản và cơ bản của bất kỳ cộng đồng người nào”. Mọi thời đại đều lên án cái ác, tính tàn bạo, tham lam, hèn nhát, phản bội vv. và biểu dương cái Thiện, sự dũng cảm, chính trực, độ lượng, khiêm tốn...
- Trong xã hội không có giai cấp hoặc không có đối kháng giai cấp thì đạo đức xã hội phù hợp với đạo đức cá nhân. Xã hội đó sẽ có được một nền đạo đức thật sự nhân đạo, vượt lên trên mọi sự đối lập về giai cấp. Đó là trình độ của xã hội tương lai, xã hội cộng sản chủ nghĩa .

b/ Bản chất đạo đức.

Đặc trưng của đạo đức là năng lực ý thức và hành động tự nguyện, tự giác của con người vì cái Thiện.

- Lễ tất nhiên của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người đòi hỏi con người sống trong cộng đồng phải biết tuân thủ những nguyên tắc và những chuẩn mực do xã hội đề ra để điều chỉnh quan hệ của mình. Có nhiều loại chuẩn mực xã hội, trong đó những nguyên tắc chuẩn mực được thực hiện một cách tự giác nhằm điều chỉnh quan hệ giữa cá nhân này với cá nhân khác và với xã hội vì hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội được gọi là những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức
- Hoạt động đạo đức của con người là hoạt động bao gồm ý thức và hành vi vì cái Thiện. Đồng thời hoạt động đạo đức là hoạt động có tính tự giác và tự nguyện. Tự nguyện, tự giác là nét đặc trưng cho xã hội loài người. Tự giác ở đây có nghĩa là hiểu rõ công việc của mình có ích cho xã hội và sự khao khát được hành động vì lợi ích đó. Tự nguyện là thực hiện hành động không vì sự bắt buộc từ bên ngoài mà do sự tự giác của chủ thể. Con vật với hoạt động sống bản năng không thể có được tính xã hội và tính tự giác của con người. Tự nguyện và tự giác quan hệ chặt chẽ nhau tạo thành một trong những cơ sở của tự do của con người. Ý thức đạo đức về lương tâm, danh dự và lòng tự trọng, v.v... có tính tự nguyện và tự giác cao đem lại cho con người năng lực tự chủ, từ đó hành động một cách tự do. Đó là sức mạnh hữu hiệu của đạo đức.
- Mục đích cao cả nhất của con người và xã hội là được tự do và hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó con người không ngừng phấn đấu một cách tự nguyện tự giác vì lợi ích của người khác và lợi ích của xã hội. Mặt khác hạnh phúc còn đòi hỏi có sự hài hoà lợi ích giữa cá nhân và lợi ích của cộng đồng. Vì lẽ đó mà thước đo của đạo đức (tiêu chuẩn giá trị của đạo đức) là tất cả những gì tích cực phù hợp với lợi ích chân chính của con người và tiến bộ xã hội. Nói một cách khác tiêu chuẩn của đạo đức là cái thiện, đối lập với cái thiện là cái ác. Như vậy có thể định nghĩa một cách khái quát về đạo đức như sau:

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là sự tổng hợp những nguyên tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ xã hội trong mối quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân và xã hội.

1.2. Sự bao quát các mặt khác nhau của hiện tượng đạo đức:

Nhìn một cách toàn diện, ở góc độ triết học, đạo đức là một hình thái của ý thức xã hội; ở góc độ xã hội học, đạo đức là một loại quan hệ xã hội; ở góc độ tâm lý học, đạo đức là một loại hoạt động xã hội. Đạo đức học hiện đại hiểu và sử dụng khái niệm đạo đức theo cả 3 góc độ triết học, xã hội học và tâm lý học nói trên. Như vậy đạo đức là một hiện tượng gồm 3 mặt: quan hệ đạo đức, ý thức đạo đức và hoạt động đạo đức.

a/ Quan hệ đạo đức:

Quan hệ đạo đức là một loại quan hệ xã hội đặc biệt gồm các đặc điểm sau:

- Đó là quan hệ giữa 2 chủ thể về lợi ích và nghĩa vụ đối với nhau cho nên quan hệ đạo đức có tính khách quan. Ngoài ra quan hệ đạo đức còn chứa đựng nhận

thức và thái độ chủ quan của mỗi chủ thể. Vì thế, quan hệ đạo đức cũng có tính chủ quan.

- Quan hệ đạo đức được thực hiện một cách tự giác, tự nguyện.

b/ Ý thức đạo đức:

Ý thức đạo đức bao gồm tình cảm đạo đức, lý trí đạo đức và ý chí đạo đức.

- Tình cảm đạo đức: là những tình cảm làm động cơ cho hành vi đạo đức như tình cảm nghĩa vụ, lòng tự trọng, tình cảm gia đình, tình bạn, tình yêu, lòng yêu nước ... Mọi cảm xúc của con người nảy sinh trong quan hệ đạo đức cũng là những biểu hiện của tình cảm đạo đức. Ví dụ: sự cảm động, sự thông cảm, sự vui sướng, sự hối hận ... Trái lại, sự dửng dưng, lạnh nhạt, thờ ơ... là tình trạng thiếu tình cảm đạo đức của chủ thể.
- Lý trí đạo đức: là toàn bộ những nguyên tắc, chuẩn mực và những quy tắc do xã hội đề ra và được từng cá nhân tiếp thu, từ đó định hướng cho tình cảm và hành vi đạo đức của mình một cách đúng đắn. Những nguyên tắc đạo đức là yêu cầu cơ bản, khái quát nhất. Mỗi nguyên tắc đó sẽ được cụ thể hóa ra thành những chuẩn mực cụ thể hơn. Mỗi chuẩn mực lại được cụ thể hóa thành những quy tắc khác nhau. Các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức đều chứa đựng những giá trị đạo đức được xã hội thừa nhận.
- Ý chí đạo đức: Là năng lực xác định mục đích cho hành động và hướng hành động của mình khắc phục những khó khăn nhằm đạt mục đích đó; là sự thống nhất cao độ của lý trí và tình cảm đạo đức. Nó thể hiện niềm tin và sự quyết tâm cho nên nó là yếu tố quan trọng giúp con người vượt qua mọi thử thách của hoàn cảnh để giữ gìn nhân phẩm và danh dự của mình.

c/ Hoạt động đạo đức:

Hoạt động đạo đức là hoạt động được đánh giá về mặt đạo đức và được biểu hiện cụ thể bằng những hành vi đạo đức.

- Hành vi đạo đức bao gồm 2 mặt cơ bản :
- Mặt thứ nhất (về mặt chủ quan) : Đó là động cơ của hành vi. Động cơ của hành vi là nguyên nhân bên trong thúc đẩy chủ thể hành động để thỏa mãn một nhu cầu nào đó. Động cơ bao gồm nhiều loại : lợi ích, sở thích, tình cảm, lý tưởng và nhiều hiện tượng tâm lý khác. Động cơ của hành vi là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hành vi đạo đức.
- Mặt thứ hai (về mặt khách quan) : hành vi đó tạo ra một kết quả có lợi cho cuộc sống và sự phát triển của một chủ thể khác (cá nhân, tập thể hoặc xã hội).
- Đánh giá hành vi về mặt đạo đức là sự thẩm định giá trị đạo đức của hành vi dựa trên những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của xã hội. Đánh giá một hành vi đạo đức bao gồm sự đánh giá kết quả hành vi (tức là đánh giá yếu tố khách quan) và đánh giá cả động cơ của hành vi (tức là yếu tố chủ quan), trong đó động cơ của hành vi được xem là tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu .
Hành vi đạo đức là hành vi được quyết định bởi động cơ làm việc vì lợi ích của người khác và xã hội một cách vô tư, bởi sự đồng cảm và lòng nhân đạo. Đồng thời động cơ đạo đức có tính tự giác, tự nguyện.

Sự đánh giá động cơ của hành vi phức tạp hơn nhiều so với sự đánh giá kết quả của hành vi. Động cơ hành vi thường bị ẩn kín, thường không biểu hiện ra

một cách thực tại và trực quan, phải nhờ vào hoạt động của lý trí mới nhận ra được. Nhưng chúng ta chẳng có cách nào khác hơn là căn cứ vào việc làm cụ thể của con người để hiểu động cơ của họ. Bởi vì những ý định, những động cơ bên trong không tồn tại một cách cô lập với cái khách quan bên ngoài; nguyên nhân biểu hiện ở kết quả; bản chất và hiện tượng vừa mâu thuẫn vừa thống nhất nhau. V.I. Lênin đã đưa ra lời giải đáp rõ ràng về vấn đề này: Chúng ta sẽ phán đoán về “những ý đồ và tình cảm” của những cá nhân căn cứ vào những dấu hiệu nào? Rõ ràng là chỉ có một dấu hiệu thôi- những hành động của những cá nhân ấy.

1.3. Chức năng của đạo đức:

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, có nguồn gốc từ trong tồn tại xã hội đồng thời nó cũng tác động trở lại đối với sự phát triển của tồn tại xã hội. Nó góp phần quan trọng vào việc xây dựng mối quan hệ giữa người và người, giữa cá nhân và xã hội. Đạo đức giáo dục con người, giúp họ nhận thức và điều chỉnh suy nghĩ, hành động phù hợp với những yêu cầu xã hội. Đạo đức có những chức năng cơ bản sau đây:

a/ Chức năng giáo dục:

- Đạo đức có tác dụng hình thành ở con người những quan điểm về bản chất của đạo đức, những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức; nhờ đó con người hiểu được điều gì nên làm, điều gì không nên làm.
- Thông qua hoạt động đạo đức của bản thân, mỗi người tự mình càng hiểu rõ hơn vai trò to lớn của lương tâm, của danh dự và các phẩm chất đạo đức của cá nhân đối với sự tiến bộ của chính mình và sự tiến bộ của cộng đồng. Đó là những bài học đạo đức mà chủ thể tự rút ra được nên chúng có giá trị sâu sắc và lâu bền. Trên cơ sở đó, chủ thể đạo đức càng tin tưởng và tích cực làm điều thiện.
- Những tấm gương đạo đức cao cả cùng với những giá trị của nó có sức rung cảm mạnh mẽ làm thức tỉnh những tình cảm đạo đức trong tâm hồn con người, có sức lôi cuốn, thôi thúc con người học tập, rèn luyện vươn tới cái tốt đẹp, cái thiện. Thực tiễn đấu tranh cách mạng cho thấy những người cộng sản là những người sáng tạo nên những giá trị đạo đức cao cả. Đó là tinh thần chiến đấu dũng cảm, sự hy sinh quên mình... vì tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Những tấm gương ấy có sức thuyết phục và cổ vũ con người học tập, tu dưỡng để xứng đáng hơn nữa và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng xã hội mới.

Bác Hồ đã nêu tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng. Người coi đạo đức là cái gốc của cán bộ, đảng viên. Noi gương của Người, nhiều cán bộ, chiến sĩ đã lao động, chiến đấu quên mình, sẵn sàng hy sinh, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, vì lý tưởng cao đẹp của con người.

Như vậy, đạo đức không những giáo dục con người mà còn giúp con người nâng cao năng lực tự giáo dục mình. Do đó, công tác giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa góp phần quan trọng vào việc hình thành, phát triển nhân cách con người mới

b/ Chức năng nhận thức: (còn gọi là chức năng đánh giá).

Các quan điểm, tư tưởng đạo đức là kết quả của sự phản ánh đời sống xã hội, đồng thời chúng còn là công cụ giúp con người nhận thức về xã hội. Chức năng nhận thức của đạo đức thường tác động theo hai xu hướng :

- *Hướng thứ nhất:* Những quan điểm đạo đức tiến bộ, khoa học giúp con người nhận thức, đánh giá đúng đắn các hiện tượng đạo đức trong đời sống ; giúp con người đánh giá đúng cái gì là thiện, cái gì là ác; cũng như tự đánh giá một cách đúng đắn những suy nghĩ, hành vi của bản thân mình. Trên cơ sở đó con người định hướng một cách đúng đắn hành vi của mình trong thực tiễn. Đồng thời thực tiễn đạo đức của nhân dân lao động trong quá trình xây dựng xã hội mới có tác dụng nâng cao trình độ nhận thức và năng lực đánh giá đạo đức ở mỗi người ngày càng chính xác và sâu sắc hơn.
- *Hướng thứ hai:* Ngược lại, những quan điểm sai lầm về đạo đức không những làm cho hành động của con người dễ phạm sai lầm mà còn làm cho họ thất vọng, mất niềm tin vào cuộc sống và nhất định sẽ dẫn tới mức giảm sút ý chí cũng như năng lực nhận thức và hành động .

c/ Chức năng điều chỉnh hành vi:

- Trong xã hội, cần có các quy tắc, chuẩn mực nhằm kết hợp bằng cách này hay cách khác lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Cho nên điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội là một yêu cầu khách quan . Có nhiều quy tắc, chuẩn mực để điều chỉnh hành vi của con người : của pháp luật , của tôn giáo, của phong tục tập quán và của đạo đức.

Điều chỉnh hành vi bằng đạo đức có đặc điểm là tự điều chỉnh. Sức mạnh điều chỉnh hành vi bằng đạo đức là sức mạnh của lương tâm, sức mạnh của dư luận xã hội . Nhờ nắm được những quan điểm đạo đức tiến bộ, hiểu rõ vai trò của đạo đức, các chủ thể đạo đức luôn tự định hướng hoạt động của mình vào lợi ích chung, trên cơ sở đó mà họ cũng được thỏa mãn những nhu cầu đạo đức và những lợi ích chính đáng của mình. Để cho sự điều chỉnh có hiệu quả thì mỗi người không chỉ điều chỉnh từ trong tình cảm và nhận thức mà điều quan trọng hơn là biến những mong muốn tốt đẹp thành hoạt động thực tiễn. Trong đời sống, nhờ những mối quan hệ đạo đức được thiết lập mà con người hiểu rõ mình, hiểu sâu sắc thêm những giá trị đạo đức.

Chức năng giáo dục, chức năng nhận thức và chức năng điều chỉnh của đạo đức gắn bó mật thiết với nhau. ĐĐ hình thành ở con người năng lực nhận thức, đánh giá đúng đâu là thiện, đâu là ác. Trên cơ sở đó nâng cao năng lực tự giáo dục, biết được nghĩa vụ đđ của mình và tự giác điều chỉnh hành vi của mình vì cái thiện. Do vậy giáo dục đđ không những có vai trò to lớn trong việc hình thành nhân cách mà còn góp phần ổn định và phát triển xã hội .

Đạo đức học Macxit là một khoa học

2.1. Đối tượng, nhiệm vụ của đạo đức học Mácxit:

a/ Đối tượng:

Đạo đức học nghiên cứu những nguyên tắc đạo đức, chuẩn mực đạo đức ; tìm ra những quy luật phát sinh, phát triển của ý thức đạo đức, quan hệ đạo đức và

thực tiễn đạo đức ; làm sáng tỏ những đặc trưng, bản chất đạo đức. Tất cả những gì có liên quan đến đạo đức đều là đối tượng của đạo đức học(1).

Đối tượng nghiên cứu của đạo đức học Mácxit không chỉ nghiên cứu ý thức đạo đức mà còn chú ý nghiên cứu nội dung khách quan của những quan hệ đạo đức hiện thực ở tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Mặt khác ta thấy rằng, trong đời sống đạo đức, những giá trị đạo đức được con người sáng tạo ra không phải chỉ tồn tại trong ý thức, tư tưởng mà còn là một quá trình hiện thực hoá bằng hoạt động thực tiễn đạo đức của con người, của cộng đồng và của xã hội cụ thể. Vậy, đối tượng nghiên cứu của đạo đức học bao hàm các mặt của đạo đức là quan hệ đạo đức, ý thức đạo đức, thực tiễn đạo đức.

b/ Nhiệm vụ của đạo đức học Mácxit:

Xuất phát từ đối tượng nghiên cứu, bản chất và chức năng của môn học, nhiệm vụ của đạo đức học Mácxit bao gồm :

- Thứ 1 - Xác định ranh giới, sự khác nhau về bản chất của quan hệ đạo đức so với các quan hệ xã hội khác. Làm sáng tỏ bản chất của đạo đức và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Vạch ra những quy luật hình thành, tồn tại và phát triển của đạo đức.
- Thứ 2 - Làm sáng tỏ lịch sử phát triển đạo đức của loài người. Đó là lịch sử đấu tranh và thay thế đạo đức của các xã hội khác nhau, của các giai cấp khác nhau. Qua đó nghiên cứu lịch sử các học thuyết đạo đức phản ánh quá trình phát triển ấy.
- Thứ 3 - Phân tích cơ chế của hoạt động đạo đức, nghiên cứu đạo đức như một trong những mặt hoạt động xã hội của con người.
- Thứ 4 - Tổng kết và hệ thống hoá những nguyên tắc của đạo đức được quần chúng lao động xây dựng nên trong quá trình xây dựng xã hội mới, và luận chứng khoa học cho những nguyên tắc đó.
- Thứ 5 - Hình thành đạo đức mới, đạo đức tiến bộ ; vạch ra những yêu cầu, tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức phù hợp với những giá trị tốt đẹp, của xã hội để cá nhân lựa chọn, điều chỉnh hành vi ứng xử của mình trong quan hệ với người khác và với xã hội. Song song với quá trình rèn luyện, học tập, giáo dục là quá trình đấu tranh không khoan nhượng với những biểu hiện của đạo đức cũ, phản tiến bộ. Đấu tranh chống những khuynh hướng đạo đức lạc hậu, phản động, không lành mạnh trong xã hội góp phần to lớn xác lập củng cố và phát triển những phẩm chất đạo đức mới.

2.2. Đạo đức học Mácxit và một số khoa học khác :

a/ Đạo đức học và triết học:

Đạo đức học là khoa học nghiên cứu đạo đức trước hết với tư cách là một hình thái ý thức xã hội. Ý thức đạo đức là một bộ phận của thế giới quan của con người, vì vậy đạo đức học là triết học của đời sống đạo đức. Đạo đức học có đối tượng riêng, có một hệ thống tri thức riêng nhưng vẫn liên quan mật thiết qua lại với triết học. Đạo đức học dựa trên cơ sở của thế giới quan, phương pháp luận của triết học để phát triển sâu thêm sự nghiên cứu của mình. Chủ

nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là phương pháp luận duy nhất đúng của tư duy khoa học. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học của triết học Mác-Lênin là cơ sở khoa học cho việc xác lập hệ thống nguyên tắc, hệ thống phạm trù, những quy luật phát sinh, phát triển của đạo đức và cho việc lý giải một cách khoa học các hiện tượng đạo đức.

b/ Đạo đức học và tâm lý học:

Tâm lý học nghiên cứu những hiện tượng tinh thần của con người. Tri thức về những điều này rất cần thiết cho sự nghiên cứu đạo đức. Năng lực cư xử đạo đức có căn cứ ở những hiện tượng tinh thần như tình cảm lý trí, và ý chí. Những bộ phận khác nhau đó của ý thức con người được tâm lý học nghiên cứu. Vì vậy, tâm lý học là cơ sở để nghiên cứu đạo đức ở góc độ tâm lý .

c/ Đạo đức học và Giáo dục học:

Giáo dục học nghiên cứu những nguyên tắc, hình thức và phương pháp giáo dục. Một trong những hình thức giáo dục quan trọng là giáo dục đạo đức. Giáo dục đạo đức yêu cầu sự nghiên cứu toàn diện những quy luật của đạo đức. Do đó đạo đức học là cơ sở cho một bộ phận lý thuyết của giáo dục học . Còn giáo dục học là phương tiện để thực hiện những chức năng thực hành của đạo đức học. Ngoài ra sự nghiên cứu những quy luật của sự giáo dục đạo đức cung cấp những tư liệu cần thiết cho việc nghiên cứu và khái quát hóa khoa học những hiện tượng đạo đức. Nói một cách khác, giáo dục học và đạo đức học có tác động thuận lợi cho nhau .

Dù ở góc độ tương quan nào, đạo đức học vẫn giữ một chức năng riêng, chức năng nghiên cứu những quy luật, chuẩn mực sáng tạo điều thiện và được coi như những tiêu chuẩn cho tư tưởng về chân, thiện, mỹ.

2.3. Sự ra đời của đạo đức học Mácxít là một bước ngoặt trong sự phát triển lý luận về đạo đức:

Để trở thành một khoa học thật sự, Đạo đức học đã phải trải qua một lịch sử đấu tranh phức tạp và lâu dài.

Dựa trên phương pháp luận duy vật về lịch sử C.Mác, Ph.Angghen đã giải quyết một cách khoa học những vấn đề cơ bản quan trọng của đạo đức. Ý nghĩa cách mạng trong đạo đức học Mácxít được biểu hiện ít nhất ở các vấn đề sau:

- Một là : Lần đầu tiên trong lịch sử C.Mác, Ph.Angghen đã nghiên cứu con người hiện thực trong sự phát triển lịch sử của nó. Chính điều đó đã đem lại cho đạo đức học cơ sở đúng đắn để thực sự trở thành một khoa học. Đặc trưng của chủ nghĩa Mác là không triết lý suông về số phận con người mà còn vạch ra con đường và phương pháp khoa học cho việc giải phóng con người. Chính trên ý nghĩa đó vấn đề đạo đức được đặt ra không phải trên sự tranh cãi mang tính chất thuần túy lý luận mà được đặt ra trong thực tiễn. Với C.Mác, lịch sử không phải được sáng tạo ra ở bên ngoài sự hoạt động của con người, bên ngoài những cá nhân hiện thực. Chủ nghĩa Mác không đối lập cá nhân với xã hội. Chủ nghĩa Mác cho rằng con người hiện thực có giá trị cao nhất và là chủ thể sáng tạo ra lịch sử của chính mình. Con người bao giờ cũng gắn bó nhau với nhiều mối quan hệ qua lại trong đó quan hệ sản xuất là quan hệ chủ yếu. Quan hệ sản

xuất quyết định các quan hệ khác. Đạo đức là một trong những hình thức quan hệ xã hội. Vì vậy, cần phải tìm hiểu nguồn gốc của đạo đức ở trong tồn tại xã hội, trong những điều kiện vật chất của đời sống con người, trong quan hệ sản xuất. Cần phải tìm hiểu nguyên nhân của sự thay đổi và sự phát triển của đạo đức trong sự biến đổi của tồn tại xã hội.

Ngược lại tất cả các nhà triết học trước Mác đều có hạn chế là cố gắng tìm kiếm bản chất của con người trong khuôn khổ của một con người riêng lẻ, tách con người ra khỏi các mối quan hệ hiện thực. Nhà triết học duy vật nổi tiếng Phơ-Bách đã có nhiều đóng góp xuất sắc về vấn đề bản chất con người, nhưng vẫn bộc lộ những hạn chế của chủ nghĩa nhân bản trừu tượng. Chủ nghĩa duy tâm thần học và tôn giáo không xuất phát từ những điều kiện và ý nghĩa của hiện thực cuộc sống vật chất để nhìn nhận nguồn gốc và bản chất của đạo đức. Họ cho rằng, sự điều chỉnh hành vi, cách ứng xử của đạo đức con người trong đời sống xã hội là do sự sắp đặt, an bài của Thượng đế; cái thiện, cái ác là hiện thân của đấng tối cao, là quyền uy của Chúa trời; cái ác, cái vô lương tâm lại bắt nguồn từ tội tổ tông. Thậm chí, không ít các nhà đạo đức học phương Tây hiện đại cũng mắc sai lầm căn bản là tìm cội nguồn và bản chất của đạo đức trong bản năng sinh vật, trong tâm lý cá nhân một cách cực đoan, hoặc trong cái tôi tuyệt đối tự do.

- Hai là : Trong xã hội có giai cấp, đạo đức có tính giai cấp

Trước Mác, đạo đức học chỉ thấy tính nhân loại của đạo đức mà không thừa nhận tính giai cấp. Đạo đức học Mác-xít chẳng những thừa nhận đạo đức có tính nhân loại đồng thời thừa nhận đạo đức có tính giai cấp trong xã hội có giai cấp.

Mỗi giai cấp có quan điểm đạo đức riêng. Họ thường giữ lại những quan điểm đạo đức của thời đại trước đó, cải biến nó đi cho phù hợp với địa vị xã hội và lợi ích của giai cấp của mình.

- + Giai cấp thống trị luôn ủng hộ các hoạt động bóc lột và chủ nghĩa ích kỷ.
- + Giai cấp bị áp bức, quần chúng lao động bao giờ cũng có thái độ bất bình đối với áp bức. Thái độ đó tác động tích cực đến sự phát triển của tinh thần tương trợ, đoàn kết giữa những người lao động với nhau.

- Ba là : Đạo đức học Mác-xít góp phần cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới:

Đạo đức học Mác-xít chỉ rõ tác động lớn lao của đạo đức trong tiến trình thực tiễn cải tạo xã hội, do vậy nó không chỉ giải thích các hiện tượng đạo đức mà còn hướng tới sự khẳng định một cách tích cực cái mới, cái tiến bộ trong xã hội.

2.4. Phương pháp nghiên cứu của đạo đức học Mác-xít:

a/ Đạo đức học dựa trên phương pháp biện chứng của triết học Mác-Lênin.

Các quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là phương pháp luận khoa học cho đạo đức học khái quát những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức. Đó là các quan điểm khách quan (đạo đức học Mác-xít khái quát những quy luật đạo đức dựa vào sự nghiên cứu khách quan những sự

kiện của đời sống đạo đức của cá nhân và tập thể cũng như của giai cấp, dân tộc và xã hội), quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm thực tiễn

b/ Đạo đức học Mácxit nghiên cứu đạo đức gắn liền với nghiên cứu những quy luật tâm lý giáo dục, tâm lý xã hội.

c/ Đạo đức học cũng sử dụng phương pháp quan sát, điều tra của xã hội học về thực tiễn đạo đức.

2.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đạo đức học:

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội nhằm hướng con người tới cái thiện, chống lại cái ác để con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình trong quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân và xã hội, phù hợp với sự tiến bộ xã hội. Cho nên thời đại nào, xã hội nào, giai cấp nào cũng quan tâm đến đạo đức để phục vụ lợi ích của xã hội và giai cấp mình. Do vậy việc nghiên cứu đạo đức có ý nghĩa to lớn :

- Một là : Làm nền móng cho việc hoàn thiện các quan điểm, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức và nâng cao trách nhiệm xã hội trong việc giáo dục đạo đức
- Hai là : Trên cơ sở khẳng định các giá trị đạo đức của xã hội, đạo đức học góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc thực hiện nhất quán hơn các biện pháp giáo dục đạo đức trong xã hội, góp phần hoàn thiện nhân cách. Từ đó tăng cường khả năng ngăn ngừa cái Ác, làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.
- Ba là : Thực tiễn cách mạng của nước ta đang đòi hỏi phát triển, hoàn thiện và nghiên cứu nghiêm túc bộ môn đạo đức học. Trong quá trình tiếp tục sự nghiệp đổi mới đất nước, việc nghiên cứu, học tập, rèn luyện để xây dựng đạo đức mới, con người mới trong điều kiện nền kinh tế thị trường là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp thiết. Phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, kết hợp với những nguyên tắc, phẩm chất đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân và những giá trị đạo đức tiến bộ của thời đại là yêu cầu thường xuyên đối với mỗi người dân yêu nước.

Từ ý nghĩa quan trọng của đạo đức học như vậy, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đặc biệt đến giáo dục đạo đức. Bác luôn mong muốn: “Đạo đức học phải là một ngành khoa học xã hội mà những người có trách nhiệm phải đi sâu nghiên cứu chuyên cần hơn nữa, phải trở thành một môn học không thể thiếu được trong các trường đại học và phổ thông”.

Đảng ta khẳng định một trong những nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là: Giáo dục nếp sống, đạo đức và phong cách ứng xử có văn hóa cho mọi người. Phát triển văn hóa dân tộc đi đôi với mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới. Kiên quyết chống những hiện tượng và hành vi thô bạo, lai căng, phản văn hóa, phi đạo đức và phi nhân tính. Kế thừa, phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình, thuần phong mỹ tục đi đôi với bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội khác

Thực hiện được nhiệm vụ lớn lao đó, việc học tập đạo đức học góp phần to lớn cho việc tạo ra con người có nhân cách mới - nhân cách xã hội chủ nghĩa. Các phẩm chất đạo đức và các quan hệ đạo đức xã hội chủ nghĩa sẽ là những nhân tố tích cực tham gia vào quá trình đổi mới đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chương II : Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là sự phản ánh tồn tại xã hội, là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng nên đạo đức không thể tồn tại một cách biệt lập mà có quan hệ chặt chẽ với các hình thái ý thức xã hội khác. Do vậy để hiểu rõ bản chất của đạo đức, chúng ta cần phải hiểu đạo đức trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác.

Đạo đức và chính trị

1.1 Khái niệm chính trị:

Chính trị là sự phản ánh tồn tại giai cấp và các quan hệ giai cấp. Chính trị thể hiện tập trung nhất lợi ích kinh tế của con người trong xã hội có giai cấp. Nó là hệ thống những mục đích, phương tiện của giai cấp, của những tập đoàn người khác nhau trong xã hội. Trong xã hội có giai cấp thường tồn tại một hệ thống chính trị gồm Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, đoàn thể quần chúng.

1.2. Quan hệ giữa đạo đức và chính trị :

a- Đạo đức và chính trị thống nhất nhau vì chúng cùng chịu sự chi phối của một cơ sở kinh tế nhất định, mang tính giai cấp trong xã hội có giai cấp.

b- Đạo đức và chính trị đan xen nhau. Đạo đức phục vụ cho chính trị. Nhiệm vụ chính trị chi phối những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức :

Trong xã hội có giai cấp, đạo đức phục vụ cho lợi ích giai cấp. Bất kỳ xã hội có giai cấp nào cũng hình thành hai loại đạo đức: đạo đức của giai cấp thống trị và của giai cấp bị thống trị. Nếu hệ thống chính trị của xã hội là hệ thống tiến bộ thì những yếu tố đạo đức lành mạnh của quần chúng lao động sáng tạo ra được phổ biến và phát triển. Ngược lại nếu hệ thống chính trị lỗi thời, phản động thì nó sẽ cản trở và xung đột gay gắt với những yếu tố đạo đức tiến bộ của quần chúng. Trong trường hợp đó thường diễn ra sự đấu tranh của quần chúng chống lại đạo đức và chính trị của giai cấp phản động.

Từ xưa Aristote đã nói rằng: nhiệm vụ của đạo đức là tác động thuận lợi tới hạnh phúc của xã hội, còn chính trị và khoa học là nghệ thuật mưu cầu hạnh phúc cho xã hội. Theo ông mọi tri thức và nghệ thuật, trong đó có đạo đức học phải phục tùng chính trị. chính trị là khoa học có tính chất giềng mối, quyết định tính chất và nội dung của đạo đức.

Helvetius viết: “Đạo đức học sẽ không có nội dung nếu nó không hòa lẫn với chính trị và pháp chế”.

Đối với giai cấp vô sản thì cái gì phục vụ cho sự nghiệp giải phóng giai cấp khỏi áp bức thì cái ấy là đạo đức.

c- Đạo đức và chính trị bổ sung nhau : sự đánh giá hành động ở khía cạnh chính trị trước hết là làm sáng tỏ lợi ích của hành động đó đối với xã hội, đối với giai cấp. Sự đánh giá của đạo đức căn cứ vào sự xác định dụng ý và động cơ của hành động. Hành vi mang tính chất đạo đức thì xét đến cùng bao giờ cũng bị chi phối bởi động cơ làm lợi cho xã hội và động cơ này trong thực tiễn được thực hiện bằng sự sáng tạo một giá trị nào đó. Kết quả và động cơ của hành động xét về lĩnh vực chính trị thực tiễn cũng quan trọng như nhau. Do vậy đạo đức và chính trị bổ sung cho nhau.

d- Trong mỗi con người, học thuyết chính trị tác động tới những quan niệm về ý nghĩa cuộc sống và lý tưởng cao nhất của người đó. Con người là một sinh thể có ý thức và trước tiên con người phải hiểu được ý nghĩa cuộc sống của họ. Chỉ có con vật mới không biết đến ý nghĩa cuộc sống của nó. Con người có ý thức đầy nhưng nó sẽ không giác ngộ, không tự giác nếu họ thiếu ý thức chính trị, không rõ vị trí và nhiệm vụ của họ trong toàn bộ các quan hệ của họ. Sự giác ngộ ý thức hệ của giai cấp cách mạng góp phần to lớn vào tính tự nguyện, tự giác của con người.

Đạo đức và pháp luật

Giữa đạo đức và pháp luật có sự khác nhau đồng thời cũng quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.

2.1. Sự khác nhau:

a/ Về lĩnh vực của sự đánh giá :

- Pháp lý đánh giá hành vi của con người chủ yếu dựa vào kết quả khách quan của hành động. Nếu không có hành động, không có kết quả thì vấn đề đánh giá pháp lý không đặt ra. Pháp lý không xét xử con người chỉ bằng vào việc trong tâm hồn nó có những dụng ý xấu.
- Sự đánh giá đạo đức chỉ chú trọng đến những kết quả của hành động, chủ yếu nó chỉ trăn đến những động cơ và dụng ý của con người. Để đánh giá về hành vi của con người, chỉ biết những kết quả khách quan của hành vi thôi chưa đủ. Cần phải biết thái độ của người đó đối với hành vi của chính họ: phải xem họ có thấy trước những kết quả có thể xảy ra của hành vi không, và có muốn cho những kết quả ấy xảy ra không. Không làm sáng tỏ mục đích và động cơ của hành động thì không thể đánh giá hành vi của cá nhân, trách nhiệm và tội của họ. Yếu tố chủ quan của hành động có một ý nghĩa cốt yếu là vì liên hệ giữa yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan của hành động không phải lúc nào cũng trùng hợp với nhau. Có khi chúng mâu thuẫn với nhau: kết quả có ích, việc tốt có thể là hậu quả của ác ý và ngược lại hậu quả của thiện ý có thể là những kết quả tai hại, là việc xấu. Đôi khi giữa kết quả và động cơ của hành vi chẳng có liên quan

nào cả. Việc tốt ngẫu nhiên không có giá trị đạo đức cũng như việc xấu ngẫu nhiên ta không thể coi là vô đạo đức.

b/ Khác nhau về phương pháp điều chỉnh hành vi và phạm vi điều chỉnh:

- Pháp luật xác định những giới hạn tự do của hành động của con người và xác lập mức độ trừng phạt cho những trường hợp vi phạm những giới hạn tự do đó. Đạo đức xác định giá trị cho hành động tự nguyện, tự giác của con người, xác định những hình thức của thiện, ác cho phẩm chất đạo đức và phẩm chất vô đạo đức đồng thời điều chỉnh hành vi thông qua dư luận xã hội và lương tâm. Trong cuộc sống, ta thường thấy có khi người ta không vi phạm pháp luật nhưng chưa hẳn họ có đạo đức vì hành vi ấy có thể do sự sợ hãi bị trừng trị mà không xuất phát bởi khát vọng tự nguyện vì công bằng cho xã hội.

- Về phạm vi thì đạo đức có nội dung bao quát và rộng lớn hơn pháp luật: Pháp luật dù cặn kẽ, chi tiết đến đâu cũng không thể nào bao quát được hết ý chí và hành vi của con người trong mọi lĩnh vực xã hội. Đặc biệt nhất là lĩnh vực tình cảm của con người: tình bạn, tình yêu, tình thầy trò, đồng chí, anh chị em.v.v...Đó là những tình cảm cần phải có ý thức trách nhiệm và tính tự giác cao.

c/ Khác nhau về cấp độ giá trị:

- Những chuẩn mực pháp lý của hành vi có yêu cầu tối thiểu: hành vi phải làm, hành vi không thể chấp nhận được, hành vi có thể làm, được phép làm.
- Những chuẩn mực đạo đức của hành vi có yêu cầu tối đa: hành vi không nên làm, hành vi nên làm. Rõ ràng là trước tiên cần tôn trọng những chuẩn mực về hành vi phải làm và hành vi không thể chấp nhận được như là điều kiện tối thiểu của đời sống và trật tự xã hội. Những chuẩn mực nên làm, không nên làm không cần đến sự bảo đảm thực hiện bằng sự cưỡng chế của Nhà nước. Chống lại sự vi phạm những chuẩn mực này không cần đến sự cưỡng bức hoặc trừng trị, đã có sự chê trách của dư luận xã hội và bởi lương tâm, bởi những tập quán và truyền thống. Vì vậy hành động nên làm, không nên làm có yêu cầu cao về sự tự nguyện, tự giác của cá nhân chúng có ý nghĩa xã hội sâu sắc, lâu bền, có tiêu chuẩn giá trị xã hội cao.

2.2. Đạo đức và pháp luật quan hệ nhau:

a/ Sự hiểu biết về động cơ cũng có ý nghĩa lớn đối với sự đánh giá hành động về mặt pháp lý.

Pháp luật không thừa nhận quy tắc quy tội đơn thuần căn cứ vào khách quan. Trong kết cấu của tội ác, phương diện chủ quan của hoạt động được chú ý đúng mức. Sự thực hiện có ý thức tội ác được diễn đạt bằng khái niệm lỗi. Để xác định lỗi và trách nhiệm, cần biết cả những kết quả khách quan lẫn những mặt chủ quan (động cơ) của hành động.

Xét các yếu tố của trách nhiệm thì quan điểm đạo đức và quan điểm pháp lý giống nhau: đối với cả 2 quan điểm yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan đều cần thiết và yếu tố chủ quan là yếu tố có ý nghĩa nguyên tắc.

Cái chung giữa đạo đức và pháp luật là ở chỗ: sự đánh giá đạo đức và sự đánh giá pháp lý đều có liên quan đến hành vi có tính chất tự giác và đụng chạm đến lợi ích của những cá nhân, của xã hội.

b- Đạo đức và pháp luật có vai trò tương hỗ nhau nhằm điều chỉnh hành vi con người trong xã hội.

Xưa nay, pháp luật bao giờ cũng là một trong những biện pháp để khẳng định các chuẩn mực đạo đức và biến chúng thành thói quen. Trong xã hội có giai cấp, nếu giai cấp thống trị tiến bộ, thì phần lớn luật pháp của họ đáp ứng yêu cầu chung của nền đạo đức tiến bộ của xã hội, bênh vực cái thiện, chống cái ác, xây dựng cái đẹp, nâng cao phẩm giá con người. Ngược lại nếu giai cấp thống trị đã lỗi thời thì thường luật pháp của họ làm cản trở sự tiến bộ của đạo đức xã hội. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, đạo đức và pháp luật có sự thống nhất nhằm phục vụ cho con người và sự phát triển của xã hội. Pháp luật xã hội chủ nghĩa bảo vệ và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân lao động. Xã hội càng tiến bộ, vai trò đạo đức càng được đề cao và lương tâm càng được củng cố vững mạnh thì sự áp dụng pháp luật, việc thi hành sự trừng giới bên ngoài ngày càng trở nên không cần thiết. Tính tự nguyện tự giác thay dần cho sự cưỡng chế bằng pháp luật.

Đạo đức và nghệ thuật

Tương quan giữa đạo đức và nghệ thuật được quy định bởi sự thống nhất giữa cái thiện và cái đẹp:

3.1. Cái thiện là cội nguồn của cái đẹp:

Trong triết học Hy Lạp cổ đại, Platon cho rằng: cái thiện cao nhất và cái đẹp cao nhất trong bản chất liên hệ mật thiết với nhau. Cái đẹp là một dạng đặc biệt của cái thiện và chỉ cái gì là thiện thì cái đó mới có thể đẹp. Cái thiện là nguyên nhân của cái đẹp, soi đường cho cái đẹp cũng như mặt trời soi đường cho con người.

Đạo đức đặt ra cho nghệ thuật nhiệm vụ quan trọng là giáo dục và hoàn thiện nhân cách con người. Cho nên tác giả, tác phẩm nào đề cập đến những vấn đề đạo đức, tình yêu, tự do, lòng dũng cảm...thì giá trị của nó được lưu truyền mãi. Cái thiện là động lực to lớn thúc đẩy con người sáng tạo cái đẹp. Các nhà thơ, văn đã từng nói: phải biết yêu hết mình, nhớ đến cháy lòng, ghét đến cay đắng, căm thù đến tận xương tuỷ mới ra thơ, văn. Chính đời sống đạo đức của nhân dân là cội nguồn làm cho văn nghệ sĩ giàu tình yêu cuộc sống hơn, nó là cội nguồn của sự sáng tạo cái đẹp không ngừng, không nghỉ.

3.2 Cái đẹp có tác dụng giáo dục đạo đức:

a/ Nghệ thuật chân chính giáo dục tình cảm đạo đức:

Tác phẩm nghệ thuật giáo dục và nâng cao đạo đức của con người không những vì nó truyền cho con người khoái cảm thẩm mỹ, nó gợi nhắc những chuẩn mực của đạo đức lành mạnh và truyền cho họ lòng yêu quý đức hạnh. Mỗi tác phẩm nghệ thuật ít nhiều đều có tác động thuận lợi tới sự phát triển tình cảm đạo đức của con người. Tình cảm đạo đức là ngọn nguồn của cái thiện

b/ Nghệ thuật chân chính giáo dục ý thức đạo đức:

Tình cảm đạo đức là một trong những điều kiện của đạo đức, nhưng điều kiện này chưa đủ. Tình cảm đạo đức là xu hướng vươn tới cái thiện nhưng chưa phải là bản thân cái thiện. Ngoài tình cảm đạo đức, con người phải có quan

niệm rõ ràng về nghĩa vụ của mình, đó là ý thức đạo đức. Chúng ta cần phải quan niệm rõ ràng những hậu quả có thể xảy ra với hành vi của mình. Nếu chỉ hành động theo sự thôi thúc của tình cảm có thể dẫn đến sai lầm.

Nghệ thuật đem lại cho con người một loại “tri thức” mà không một khoa học nào có thể đem lại. Đó là tri thức về cuộc đời, sự khám phá những điều bí ẩn của con người.... Nghệ thuật giúp con người hiểu và thể nghiệm những bí ẩn này. Thông qua những tình huống và hình tượng phong phú, nghệ thuật có thể khái quát những quy luật của cuộc sống.

Nghệ thuật dạy cho chúng ta hiểu được ý nghĩa cuộc sống con người, sứ mệnh và nghĩa vụ con người.

Trong đời sống xã hội, nền nghệ thuật chân chính luôn luôn biểu hiện rõ thái độ của người nghệ sĩ phê phán những hiện tượng sai trái trong xã hội. Đồng thời họ cũng ca ngợi những tấm gương tiêu biểu, những con người tận tụy vì sự tiến bộ của con người.

c/ Nghệ thuật tác động đến ý chí đạo đức của con người:

Nghệ thuật giúp cho con người vượt lên trên những ham mê cá nhân chật hẹp, đưa con người đến những khát vọng có ý nghĩa nhân loại phổ biến. Nghệ thuật giáo dục, bồi dưỡng nghị lực con người để dũng cảm làm điều thiện, chống cái ác. (Chẳng hạn như bài thơ “Người đi tìm hình ảnh của Nước” của Chế Lan Viên)

Nghệ thuật chân chính luôn luôn gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh của giai cấp tiên tiến chống lại những thế lực lạc hậu, phản tiến bộ và những thói hư, tật xấu khác như sự lười biếng, thói kiêu ngạo, vị kỷ, sự phản bội, giả dối.v.v...

Aristote đã viết về vai trò của âm nhạc: Âm nhạc không giới hạn ở chức năng thẩm mỹ và chức năng trí tuệ. Không những nó gây khoái cảm cho con người những lúc nghỉ ngơi và giải trí, không những nó giúp cho tư duy phát triển, nó còn tác động tới đạo đức của con người: âm nhạc phát triển ở con người năng lực vui mừng và buồn phiền đối với những điều đáng buồn phiền.

3.3. Sự tiến bộ của nghệ thuật gắn liền với sự tiến bộ của đạo đức:

Xã hội càng phát triển cao, con người càng dành nhiều thời gian quan tâm đến nghệ thuật thì ảnh hưởng của nghệ thuật tới đạo đức càng mạnh. Cho dù khoa học có phát triển đến đâu đi nữa, con người vẫn vượt lên trên những tư tưởng “lạnh lùng” và kỹ thuật “vô hồn”. Tư tưởng và cảm xúc, chân lý và cái đẹp mãi mãi sẽ đi với nhau mở lối cho cái thiện trong đời sống .

Nền nghệ thuật xã hội chủ nghĩa ở nước ta dựa trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin đã và đang kế thừa những tinh hoa của nghệ thuật truyền thống dân tộc đồng thời phản ánh những giá trị hiện đại trên bước đường đổi mới hiện nay. Những tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao góp phần giáo dục, động viên mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng đất nước.

Đạo đức và tôn giáo

Vấn đề tương quan giữa đạo đức và tôn giáo cũng là vấn đề tương quan giữa tư duy đạo đức và tư duy tôn giáo. Ở đây chúng ta giới hạn sự xem xét ở vấn đề : phải chăng những nguyên tắc căn bản của tôn giáo là một học thuyết đạo đức? Tôn giáo và đạo đức đều đề cập đến vấn đề hạnh phúc, nghĩa vụ, lương tâm, số phận con người...Tôn giáo và đạo đức đều hướng con người tới lý tưởng sống thiện, nhân đạo...Đó là những nhu cầu đạo đức của nhân loại được phản ánh ít nhiều trong các giáo lý tôn giáo. Nhưng về nguyên tắc giáo lý tôn giáo không phải là một học thuyết đạo đức. Nghiên cứu những nguyên tắc căn bản của tôn giáo chúng ta sẽ thấy rõ điều đó.

4.1 Nguyên tắc căn bản của tôn giáo :

a/ Nền tảng của mọi tôn giáo là lòng tin ở cuộc sống sau khi chết. Tôn giáo là con đường cứu rỗi linh hồn con người khỏi sự đau khổ. Nếu sự cứu vớt và sự giải thoát không thực hiện được trên cõi đời này thì những sự việc ấy sẽ được thực hiện sau khi chết.

b/ Lý tưởng của bất cứ tôn giáo nào cũng đều đặt trên cơ sở khước từ cuộc sống hiện thực trên trần gian và hướng vào cuộc sống hư ảo. Các tôn giáo đều bắt nguồn từ giả định về tội lỗi , về sự phụ thuộc của con người trước đấng tối cao. Với quan điểm này tôn giáo đã hạ thấp giá trị của con người.

c/ Một nguyên tắc quan trọng khác của tôn giáo là con người phải biết chịu đựng đau khổ, phải giữ được mình, không lao vào sự hưởng lạc thì mới sớm rút bỏ được sự trói buộc của cuộc sống ở trần thế.

4.2. Nguyên tắc cơ bản của tôn giáo không phải là một học thuyết đạo đức:

a/ Nguyên tắc cơ bản của tôn giáo đi ngược lại xu hướng phát triển khách quan của xã hội loài người. Bởi vì con người thường không cam chịu đau khổ, con người luôn vươn tới thịnh vượng và tự do.

b/ Bản thân nguyên tắc hướng thiện của tôn giáo xét cho cùng không phải là giá trị riêng của tôn giáo mà thực chất đó là giá trị đạo đức chung của nhân loại được chắt lọc qua nhiều thế hệ và được tôn giáo kế thừa. Mặt khác tôn giáo đã quan niệm cái thiện, cái ác là ý chí của đấng tối cao.

c/ Rõ ràng tôn giáo ra đời và tồn tại có cơ sở của nó, trong đó có nguyên nhân xã hội. Tất nhiên, những lời khuyên dạy , những điều răn mang tính đạo đức chung chung của tôn giáo có tác dụng tích cực trong việc giáo dục, rèn luyện đức tính tốt ở con người đáng được chúng ta trân trọng. Hơn thế nữa, trong xu thế đổi mới, ngày nay tôn giáo đã chú ý nhiều hơn đến “việc đời” và muốn bằng hành động tu nhân, tích đức trong đời sống ở trần thế để tỏ lòng ngưỡng mộ và sùng đạo. Do vậy để đoàn kết toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, Đảng ta thừa nhận tôn giáo là nhu cầu tinh thần của bộ phận nhân dân có đạo và đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với xã hội mới. Nhưng không vì thế mà nhất thiết phải cần tôn giáo để xác lập những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức. Khi nào nhân loại tự do có đủ năng lực chinh phục tự nhiên và tạo ra được hạnh phúc trong cuộc sống trần gian này thì con người sẽ không quan tâm đến những ảo tưởng về sự giải thoát ở thế giới bên kia nữa. Thay thế hoàn

toàn cho lòng tin vào thượng đế và cuộc sống sau khi chết sẽ là lòng tin lạc quan vào sức mạnh rất thực của nhân loại ở trần gian.

d/ Đạo đức xã hội chủ nghĩa đề cao hạnh phúc đích thực, hạnh phúc chân chính của con người, là sự thừa nhận những giá trị cao quý của con người. Đạo đức xã hội chủ nghĩa khuyến và tạo điều kiện để con người thông qua lao động sáng tạo của mình xây dựng một xã hội mà ở đó con người sống trong mối quan hệ công bằng và hạnh phúc. Vì vậy những lí tưởng đạo đức xã hội chủ nghĩa hoàn toàn khác biệt với ảo tưởng tôn giáo.

Đạo đức và khoa học

5.1. Khái niệm khoa học :

Khoa học là hệ thống tri thức đúng đắn và chân thực về thế giới khách quan. Nói đến khoa học cũng đồng thời nói đến chân lý. Vì vậy quan hệ giữa đạo đức và khoa học là quan hệ giữa cái Thiện và cái Chân.

5.2. Đạo đức và khoa học khác nhau :

a- Phán đoán của khoa học là phán đoán về sự kiện, phản ánh trạng thái đơn thuần của đối tượng, khẳng định chân lý hoặc sai lầm. Ví dụ: “vũ trụ là vô tận” diễn đạt trạng thái và bản chất của đối tượng thực tại.

b- Phán đoán đạo đức là phán đoán đánh giá và yếu tố đánh giá là đặc trưng của phán đoán đạo đức. Nó chứa đựng cảm xúc trách nhiệm của con người đối với con người và xã hội . Ví dụ: phán đoán “xu nịnh là đáng xấu hổ” diễn đạt sự kiện xu nịnh, hàm ẩn hoặc mô tả những đặc trưng của thói xấu này và thái độ phủ định đối với sự kiện ấy.

5.3. Đạo đức và khoa học quan hệ chặt chẽ nhau:

a- Nếu thiếu yếu tố đối tượng thực tại, thiếu yếu tố mô tả thì không thể có sự đánh giá.

b- Xét ảnh hưởng của năng lực tư duy, lý trí tới đạo đức thì chân lý là một trong những ngọn nguồn và tiêu chuẩn của cái thiện:

- Con người càng có nhiều tri thức, nó càng hiểu sâu sắc những quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và bản thân mình, thì tình cảm của họ đối đối với cuộc sống ngày càng mãnh liệt, họ càng yêu thiên nhiên, yêu sự sống, yêu đồng loại hơn. Tình yêu thiên nhiên làm tăng cường tình yêu con người và tình yêu này tác động thuận lợi tới sự phát triển của tình cảm đạo đức.

- Tri thức, học vấn mở ra cho con người quang cảnh rộng lớn của thực tế xung quanh, cho con người thấy sự khác biệt căn bản giữa cuộc sống của con người và tồn tại của loài vật. Tri thức đó làm cho con người trở nên tự do và tích cực hơn, chúng giúp con người có năng lực cải tạo thế giới để mưu cầu hạnh phúc cho toàn nhân loại. Vì vậy tri thức là một điều kiện của đạo đức, chân lý là cơ sở của cái thiện.

c- Bản thân đạo đức chức dụng chân lý khoa học và ngược lại. Lý tưởng của khoa học và đạo đức thống nhất nhau nhằm phục vụ tiến bộ của nhân loại. Đạo

đức đòi hỏi con người sống phù hợp với quy luật của sự tiến bộ xã hội. Tính chân lý của cái thiện là ở chỗ nó phù hợp với đời sống hiện thực, với xu hướng có tính quy luật của sự tiến bộ xã hội. Cái thiện không tồn tại trong tưởng tượng mà có thể kiểm nghiệm trong thực tiễn.

d- Cái Thiện là mục đích của cái Chân:

Đạo đức có vai trò thúc đẩy các quá trình tìm tòi tới chân lý khoa học. Nhân loại càng đi xa trên con đường tới những đỉnh cao của tri thức thì đạo đức của nhân loại càng phát triển cao hơn. Khoa học chẳng có mục đích nào khác ngoài sự phục vụ cho nhân loại. Vì vậy một hệ thống xã hội mà trong đó khoa học bị lợi dụng để phục vụ cho những ý đồ đi ngược với ích chân chính của con người sẽ không thể tồn tại.

Trong mỗi con người, quan hệ giữa đạo đức và khoa học biểu hiện quan hệ giữa Đức và Tài.

Chương III : Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học

Bản chất, đặc điểm của phạm trù đạo đức học

- Phạm trù đạo đức phản ánh những quan hệ phổ biến nhất, căn bản nhất của đạo đức, là lý tưởng của các quan hệ đạo đức được thực hiện trong những điều kiện lịch sử - cụ thể.
- Phạm trù đạo đức là bậc thang trong quá trình nhận thức về quy luật hình thành và phát triển của đạo đức. Phạm trù đạo đức học là sự phân tích khoa học các giá trị đạo đức, là cơ sở để hiểu rõ các qui luật của đạo đức. Thế nên đạo đức học muốn phát triển phải xây dựng được hệ thống phạm trù đạo đức một cách khoa học.
- Phạm trù đạo đức không phải chỉ là vấn đề khoa học mà nó còn là vấn đề nhân sinh quan. Khi tiếp nhận một hệ thống nhất định các giá trị đạo đức, con người sử dụng chúng để định hướng mọi hoạt động của mình trong các quan hệ xã hội. Vì vậy phạm trù đạo đức có tác dụng giáo dục, định hướng cho quan niệm của con người về đạo đức.
- Phạm trù đạo đức có tính phổ biến và tính lịch sử vì phạm trù đạo đức đề cập đến những vấn đề mà trong xử sự thực tiễn con người luôn luôn phải đụng chạm tới. Trong quá trình phát triển của xã hội, những chuẩn mực đạo đức cũng biến đổi và phát triển phù hợp với những đòi hỏi của cuộc sống.
- Các phạm trù đạo đức học có tính khách quan như các phạm trù khoa học khác, nhưng nó luôn gắn với những cảm xúc, trách nhiệm của con người, gắn với sự lựa chọn của con người, nên thường biểu hiện ra như những phán đoán chủ quan. Chẳng hạn quan niệm về “thiện” và “ác” khác nhau trong những thời đại khác nhau, ở những giai cấp khác nhau.

- Những phạm trù chủ yếu của đạo đức học là: Thiện và Ác; nghĩa vụ, lương tâm, nhân phẩm, danh dự, lễ sống và hạnh phúc.

Thiện và Ác

2.1. Khái niệm Thiện và Ác :

Thiện là tất cả những gì tích cực, phù hợp với đạo lý, có tác động thuận lợi trong đời sống của con người và của toàn xã hội. Ngược lại là Ác.

a/ “Thiện” là tính chất của hành vi, của ý thức, của nhân cách con người phù hợp với đạo lý. Ác, ngược với thiện, là tư tưởng hành vi, lối sống, cuộc đời một con người đối lập với những yêu cầu của xã hội về đạo đức thậm chí cố tình, ngang nhiên phá hoại, chà đạp lên những nguyên tắc, những chuẩn mực đạo đức mà xã hội đã đề ra .

Phù hợp với đạo lý là phù hợp với những yêu cầu về lợi ích có thực và khách quan của xã hội, tức là phù hợp với những nguyên tắc, chuẩn mực, quy tắc đạo đức của xã hội.

Phù hợp với đạo lý còn có nghĩa là đem lại lợi ích cho người khác, cho xã hội. Lợi ích là tất cả những gì có thể thỏa mãn nhu cầu của con người và con người có quyền được hưởng theo lẽ phải, theo sự công bằng của xã hội. “Lợi ích” là những giá trị có sẵn do tự nhiên đem lại hoặc do xã hội sáng tạo ra. Có lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần; lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể ; lợi ích xã hội .v.v... Mỗi cá nhân, tập thể, xã hội cần và có quyền mưu cầu, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình nhưng không được vì thế mà làm tổn hại đến lợi ích hoặc chiếm đoạt lợi ích của người khác. Trái lại, nếu có thể thì mỗi cá nhân, mỗi tập thể, mỗi xã hội còn đem lại và bảo vệ lợi ích cho cá nhân khác, tập thể khác và xã hội khác bằng cách hy sinh một phần hay tất cả lợi ích của mình. Thái độ và hành động tốt như thế đối với lợi ích của người khác, của tập thể, của xã hội chính là cái “thiện” còn ngược lại là ác. Như vậy cái thiện và cái ác nảy sinh trong quá trình con người hoạt động để mưu cầu, thụ hưởng và bảo vệ những lợi ích của mình. Trong quá trình đó, hành vi của con người là thiện hay ác tùy theo hành vi đó có tôn trọng, bảo vệ và phục vụ lợi ích chính đáng của người khác, tập thể, của xã hội hay không, có chiếm đoạt lợi ích chính đáng của người khác, của tập thể, của xã hội hay không.

b) Với tư cách là những phạm trù đạo đức học, “Thiện” có ý nghĩa khái quát tất cả những gì tích cực về mặt đạo đức, bất kể là quy mô lớn hay nhỏ, mức độ cao hay thấp của cái tích cực. Cho nên từ những hành vi đơn giản như một lời nói thật, một lời thăm hỏi động viên cho đến sự hy sinh tính mạng của mình để cứu nước hay cứu một người khác cũng đều là thiện. Tương tự như vậy “Ác” không phải chỉ có nghĩa là độc ác, hung ác, tội ác mà một lời nói dối, một cử chỉ xúc phạm đến nhân phẩm của người khác cũng là Ác.

2.2. Biểu hiện của “Cái thiện”:

“Cái thiện” được thể hiện qua tư tưởng và hành vi:

a/ Thiện tâm (thiện ý, thiện cảm, thiện chí): Đó là ý thức đạo đức về thiện của hành vi. Để thực hiện một hành vi đạo đức con người phải lựa chọn giữa cái thiện và cái ác. Một người muốn lựa chọn một cách có ý thức và tự do giữa cái thiện và cái ác thì người đó phải hiểu được thế nào là thiện, thế nào là ác. Khi nào người đó biết yêu cái thiện và ghét cái ác, đồng thời người đó muốn thực hiện điều thiện và có đủ những điều kiện và khả năng khách quan để thực hiện điều thiện, thì người đó mới làm được điều thiện.

b/ Hành vi thiện: cái thiện không phải chỉ là cái thiện của ý thức mà cái thiện phải thể hiện trong thực tế bằng lời nói, cử chỉ, việc làm. Xem xét hành vi là thiện hay ác phải xem cả 3 phương diện: động cơ của hành vi, kết quả của hành vi và phương thức thực hiện hành vi . Cho nên cái thiện mà chúng ta quan niệm là sự thống nhất giữa động cơ, kết quả và phương tiện của hành vi.

Hành vi thiện cũng có những mức độ khác nhau:

- Chống lại cái ác, hành vi này khó thực hiện nhất.
- Làm điều thiện, so với chống cái ác thì dễ làm hơn.
- Không làm điều ác cũng bao hàm cái thiện nhưng đó là cái thiện mức độ thấp nhất.

2.3. Thiện là giá trị đạo đức có tính lịch sử cụ thể:

a/ Thiện và ác là cái dùng để đánh giá về mặt đạo đức. Thiện là giá trị, Ác là phản giá trị. Tiêu chuẩn của Thiện, Ác là sự phù hợp hay không phù hợp với tiến bộ xã hội, nhưng trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, Thiện có nội dung không giống nhau.

Theo quan điểm đạo đức học Mác - Lênin, ý thức con người về thiện và ác không phải là sản phẩm của sự trừu tượng thuần túy mà nó là kết quả phản ánh những điều kiện kinh tế - xã hội của một thời đại và phụ thuộc vào vị trí của một giai cấp nhất định. Ph.Ăngghen chỉ ra rằng: Tự giác hay không tự giác, rốt cuộc người ta đều lấy những quan điểm đạo đức từ trong những quan hệ thực tế đã tạo thành cơ sở cho địa vị giai cấp của họ, tức là những mối quan hệ kinh tế, trong đó người ta tiến hành sản xuất và trao đổi.

Môi trường và hoàn cảnh sống của mỗi người có ảnh hưởng nhất định đến hành vi và lối sống thiện hay ác của người đó. Mặt khác con người không phải là sản phẩm thụ động của hoàn cảnh sống. Con người có thể tác động vào hoàn cảnh, làm cho hoàn cảnh trở nên thuận lợi cho việc thực hiện những điều thiện, tức là làm cho hoàn cảnh trở nên có tính người như cách nói của Mác.

b/ Trong xã hội ta hiện nay. Thiện trước hết phải là giải phóng con người khỏi chế độ người bóc lột người và xây dựng một xã hội mới trong đó có những điều kiện kinh tế- xã hội để con người được phát huy mọi năng lực cống hiến cho xã hội đồng thời mang lại hạnh phúc cho chính mình. Trong xã hội đó, mọi giá trị thuộc về con người được đề cao, phẩm giá con người được tôn trọng. Đó là xã hội công bằng, dân chủ và văn minh

2.4. Những kết luận cho việc giáo dục đạo đức:

a/- Giáo dục đạo đức là phải làm cho đối tượng giáo dục hiểu những hành vi nào được đánh giá thiện và tại sao; ngược lại những hành vi nào là ác và tại sao. Giáo dục đạo đức là luyện tập cho đối tượng giáo dục biết yêu người tốt, việc tốt, làm điều tốt, ghét cái xấu, cái ác và đấu tranh chống cái xấu, cái ác.

b/- Cái phức tạp, khó khăn của việc hình thành ý thức, tình cảm và thói quen làm điều thiện ở mỗi người là ở chỗ sự hình thành đó không diễn ra trong phòng thí nghiệm mà trong cuộc sống phức tạp của gia đình và xã hội. Để khỏi bị cái Ác cám dỗ làm hư hỏng nhân cách của mình, mỗi người phải nâng cao năng lực tự giáo dục, chủ động làm điều thiện và phải đấu tranh chống cái ác, không được thờ ơ hay dửng dưng đối với cái ác.

Lẽ sống

3.1. Những quan niệm khác nhau về lẽ sống:

Có hai khuynh hướng chủ yếu về lẽ sống: phủ định lẽ sống và thừa nhận có lẽ sống.

a/ Khuynh hướng phủ định lẽ sống:

Khuynh hướng này cho rằng con người sinh ra là ngẫu nhiên cho nên cuộc sống là phi lý, cuộc sống với tha nhân làm con người đau khổ, bị ràng buộc, mất tự do. Từ đó họ cho rằng đời không có tương lai nên cứ sống cho hiện tại, quy ước của xã hội cũng chỉ là phi lý mà thôi

b/ Khuynh hướng thừa nhận lẽ sống cũng có nhiều tư tưởng khác nhau.

- Tôn giáo cho rằng lẽ sống ở ngoài đời sống hiện thực. Cuộc sống hiện tại là phương tiện để đạt hạnh phúc ở cuộc sống sau khi chết.
- Ở phương Đông, đạo đức của Khổng Mạnh cho rằng lẽ sống là tu thân, phải chăm lo về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
- Ở phương Tây, người đầu tiên nêu lý thuyết về ý nghĩa cuộc sống là Epicur (Hilạp cổ đại). Theo Epicur, cuộc sống có ý nghĩa nhất là làm sao cho con người có được niềm vui do sự thanh thản đem lại. Chính trí thông minh giúp con người lựa chọn đúng lẽ sống của mình.
- Đến thời kỳ phục hưng và thế kỷ ánh sáng, cùng với quá trình ra đời của chủ nghĩa tư bản, giá trị con người được đề cao. Các nhà khoa học, triết học cho rằng lẽ sống cao nhất của con người là tìm kiếm và trau dồi tri thức khoa học.
- Giữa thế kỷ 19 trở đi, chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, lẽ sống vì cá nhân tư sản, vị kỷ bao trùm toàn xã hội. Đồng tiền trở thành giá trị đạo đức và lẽ sống của nhiều người.
- Những quan niệm về lẽ sống nói trên thường rơi vào 2 cực là tuyệt đối hóa nghĩa vụ hoặc tuyệt đối hóa hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu của sự hạn chế này là do họ quan niệm cá nhân tách rời xã hội, do đó thường dẫn đến sự lựa chọn lẽ sống đi lệch lẽ sống chân chính.

3.2. Quan điểm của đạo đức học Mác - Lênin về lẽ sống:

a/ Lẽ sống là gì:

Lẽ sống đạo đức chính là ý nghĩa cuộc sống mà con người tự nhận thức được và tự giác hành động vì một lý tưởng đạo đức cao cả dựa trên một quan niệm nhân sinh tiến bộ.

Lẽ sống đạo đức khác ước muốn thông thường ở chỗ con người nhận ra được ý nghĩa cuộc sống của mình, hướng tới những giá trị đích thực, tự giác làm điều lợi cho xã hội, tự giác sống vì người khác, dù trong hoàn cảnh nào con người đều có ý thức giữ gìn phẩm giá và nhân cách của mình.

b/ Vai trò của lẽ sống:

- Trong đạo đức học lẽ sống là một trong những phạm trù trung tâm của đạo đức học, nó có tác động đến các phạm trù khác của . Chẳng hạn “lẽ sống” chẳng những chi phối mà còn quyết định nội dung và tính chất của phạm trù hạnh phúc và nghĩa vụ.
- Đối với mỗi người, lẽ sống là cơ sở, là nền tảng để hướng con người xác định đúng mục đích cuộc sống, giúp cho con người tìm thấy hạnh phúc. Khi con người đã xác định sống phải có lý tưởng để cống hiến tài năng cho xã hội, để hoàn thành tốt những nghĩa vụ đạo đức xã hội thì mọi người sẽ tích cực tự giác làm việc, đem lại những thành quả có ích cho xã hội, và cũng chính lúc đó con người tạo ra giá trị thu nhập cao cho chính mình.
- Lẽ sống chân chính còn giúp con người giữ gìn phẩm giá, danh dự, sống cao cả, biết hòa nhập, gắn bó với tập thể; tránh tư tưởng bè phái, cục bộ, vị kỷ, cá nhân và những thói đạo đức giả. Lẽ sống đem lại cho con người có niềm lạc quan yêu đời, nó phát huy và khơi dậy ở con người tính tích cực tự giác, kiên trì khắc phục khó khăn, khát khao vươn tới chân, thiện, mỹ.
- Lẽ sống giúp cho con người hoàn thành tốt nghĩa vụ đạo đức, vì con người tự ý thức được trách nhiệm của mình đối với gia đình, cộng đồng và dân tộc.

c/ Nội dung của lẽ sống cao đẹp:

- Đạo đức học Mác - Lênin cho rằng sống là tồn tại khách quan như sự tồn tại khách quan của vũ trụ nên không đặt vấn đề “sống để làm gì”. Giải quyết vấn đề ý nghĩa cuộc sống không phải trả lời câu hỏi “sống để làm gì” mà trả lời câu hỏi “sống như thế nào”. Cuộc sống có ý nghĩa là cuộc sống không những đáng sống cho một con người mà có giá trị cho nhiều người, cho xã hội. Khi con người nhận thức được mối quan hệ giữa mình và xã hội, là lúc con người tìm thấy lẽ sống của mình. Cuộc sống có ý nghĩa là cuộc sống có lý tưởng, cuộc sống có ích cho xã hội, sống không chỉ có giá trị thấy mình góp phần vào sự tiến bộ của xã hội chứ không phải đợi đến khi thấy lý tưởng được thực hiện.
- Đạo đức học Mác - Lênin xem lẽ sống là quá trình thống nhất biện chứng giữa nghĩa vụ và hạnh phúc. Nghĩa là con người thật sự chỉ có hạnh phúc khi làm tròn nghĩa vụ đối với xã hội, và khi thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội thì cũng là quá trình đem lại hạnh phúc cho bản thân. Những người chỉ tuyệt đối hóa mặt hạnh phúc thì họ tìm mọi cách để thỏa mãn cuộc sống hạnh phúc. Họ chỉ nghĩ đến nhận, không bao giờ nghĩ đến cho và cống hiến. Đó là điều kiện để nảy sinh chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, vụ lợi. Hạnh phúc là thực hiện tốt nghĩa vụ với người khác và xã hội. Cơ sở để làm nên lẽ sống của con người là quá trình lao động. Đây là một nhận thức có tính khoa học và cách mạng, nó đối lập hoàn toàn với thế giới quan phong kiến và các quan điểm của chủ nghĩa cá nhân tư sản. Chính

lao động là một trong những điều kiện, hành vi đầu tiên sáng tạo ra con người và xã hội loài người. Chẳng những lao động đã tạo ra giá trị vật chất bảo đảm cho sự tồn tại của con người, mà nhờ quá trình lao động đã làm nảy sinh nhu cầu mới, những khát vọng hướng tới cuộc sống cao đẹp của con người. Quá trình lao động cũng là quá trình con người thể hiện năng lực sáng tạo và phẩm chất tốt đẹp của mình. Một khi con người đạt được nhiều thành tích trong lao động thì cảm thấy giá trị và ý nghĩa công việc của mình, đồng thời phải trau dồi công việc mình làm ngày một hoàn thiện để đáp ứng với đòi hỏi của sự phát triển xã hội.

Đấu tranh cho hạnh phúc cá nhân hay hạnh phúc của cả dân tộc là ranh giới, là tiêu chuẩn để phân biệt người có lẽ sống cao cả, với kẻ sống tầm thường, ích kỷ, thấp hèn. Người có quan niệm đạo đức chân chính bao giờ cũng hướng lẽ sống của mình phù hợp với yêu cầu tiến bộ và quy luật phát triển của xã hội.

d/ Lẽ sống mang tính lịch sử-xã hội và tính giai cấp:

- Cùng với quá trình phát triển của sản xuất, vì tiến bộ của xã hội nên nhu cầu của con người ngày càng tăng lên; lẽ sống của con người cũng không ngừng được nâng cao và mở rộng về nội dung. Đó là một quá trình thống nhất biện chứng giữa hành động và khát vọng của con người.

- Trong xã hội có giai cấp, quan niệm về lẽ sống cũng mang tính giai cấp. Giai cấp thống trị thường xuyên tìm mọi cách chạy theo danh vọng, quyền lợi, địa vị và mọi tính toán của chúng đều đi đến cái đích là mưu cầu lợi ích riêng. Tuy nhiên cũng có những quan niệm sống vì dân, sống nhân nghĩa, yên dân, hoặc đề cao tính chất dân chủ cũng đã tồn tại ở một số người có tư tưởng tiến bộ trong giai cấp thống trị.

Đối lập với những quan điểm đó, quần chúng nhân dân lao động trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ở xã hội nào, họ cũng đều có ý thức và quan niệm sống đúng đắn. Lẽ sống của họ là lao động sáng tạo và nuôi dưỡng ước mơ, hy vọng về một xã hội lý tưởng, không có sự bất công, người lao động được hưởng hạnh phúc và tự do. Tình thương người lao động với nhau, cần cù lao động, đấu tranh cho tự do, đòi quyền dân chủ, dân sinh là nét chủ đạo trong lẽ sống nhân dân lao động.

- Ngày nay lý tưởng sống của nhân dân lao động vẫn mãi là lý tưởng đẹp. Nhưng lý tưởng đó của nhân dân muốn thành sự thật thì phải gắn với sự nghiệp thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, với sự phồn vinh của đất nước và nền văn minh của nhân loại.

Hơn lúc nào hết, con người sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, chẳng những phải xây dựng cho mình có lẽ sống đúng đắn, mà còn phải tự giác rèn luyện mình để thực hiện mọi nghĩa vụ đối với xã hội.

Hạnh phúc

4.1. Những quan niệm khác nhau về hạnh phúc :

Hạnh phúc là một phạm trù cơ bản của đạo đức học, là mục đích chung của nhân loại.

Trong lịch sử tư tưởng trước Mác, đại diện cho phái duy tâm về hạnh phúc là Socrate, Platon và những người theo chủ nghĩa khắc kỷ. Đại diện cho phái duy vật về hạnh phúc là Democrit, Epicur và các nhà duy vật thế kỷ 17 - 18

Phái duy tâm từ xưa cho rằng hạnh phúc là sự yên tĩnh, thanh thản trong tâm hồn. Hạnh phúc hay bất hạnh là do thiên định. Sự sai lầm của quan niệm này thường đưa con người đến thái độ yên phận. Theo cách suy nghĩ đó thì muốn có hạnh phúc, con người phải làm sao cho không có gì là sung sướng hay đau khổ, cam chịu cuộc sống hiện tại như một sự an bài của định mệnh. Các giai cấp bóc lột cũng lợi dụng quan niệm này để ru ngủ nhân dân nhằm bảo vệ sự thống trị của họ. Phái khắc kỷ cho rằng khát vọng, ham muốn, nhu cầu của con người là nguyên nhân gây ra nỗi bất hạnh, đau khổ và chiến tranh. Vì vậy con người hãy sống khắc kỷ, cấm dục, vô vi, phải chế ngự những khát vọng để có được sự yên tĩnh tuyệt đối của tâm hồn. Như vậy hạnh phúc hay bất hạnh, theo chủ nghĩa khắc kỷ là hoàn toàn do chủ quan, phụ thuộc vào từng cá nhân con người có hạn chế được tối đa những nhu cầu của bản thân hay không. Các quan niệm duy tâm nêu trên về hạnh phúc đều không thấy được bản chất xã hội của con người, không giải thích đúng nguồn gốc đạo đức từ đời sống xã hội. Thế nên những người duy tâm đã phủ nhận cuộc sống hiện thực, coi hiện thực chỉ toàn là bất hạnh còn hạnh phúc của họ thực chất cũng chỉ là tưởng tượng mà thôi.

Phái duy vật giải thích hạnh phúc xuất phát từ đời sống thực của con người, đưa con người về với hạnh phúc trần thế. Chẳng hạn Democrit cho rằng hạnh phúc là cảm giác dễ chịu. Epicur cho rằng hạnh phúc là ở chỗ con người không sợ hãi cái chết. Sự hiểu biết của con người sẽ đem lại cho con người sự yên tĩnh và sự thanh thản trước cái chết. Đến thế kỷ 17-18, những nhà duy vật cho rằng hạnh phúc là lý tưởng tối cao và ý nghĩa của cuộc sống con người. Họ hướng hạnh phúc con người đến sự thoả mãn những nhu cầu về vật chất và tinh thần rất tự nhiên của con người. Nhưng theo họ bản chất tự nhiên của con người là vị kỷ, trạng thái tự nhiên của con người được điều khiển bởi dục vọng và lợi ích cá nhân. Với trạng thái tự nhiên đó thì con người sẽ sống thù địch với nhau, như vậy con người chỉ có thể hạnh phúc khi lợi ích cá nhân phải tuân thủ lợi ích của xã hội. Một số nhà duy vật khác quan niệm hạnh phúc là nhận thức được quy luật tự nhiên và sống hợp quy luật tự nhiên, nghĩa là khi con người đạt trạng thái tự do. Hầu hết các nhà duy vật thời này đều cho rằng hạnh phúc phụ thuộc vào điều kiện xã hội. Một trong những điều kiện quan trọng đảm bảo hạnh phúc con người là chế độ chính trị. Như vậy những quan niệm này có nhiều điểm tiến bộ và đầy tính nhân đạo, đã đặt ra vấn đề mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong việc mưu cầu hạnh phúc và đưa ra những cách khác nhau để giải quyết mâu thuẫn này vào giai đoạn lịch sử lúc bấy giờ. Thậm chí có quan điểm cho rằng nhiệm vụ chính của đạo đức học là vạch rõ những điều kiện trong đó lợi ích cá nhân là cơ sở tất yếu của hành vi con người có thể dung hợp với lợi ích xã hội. Tuy nhiên chưa có ai nêu lên được con đường khả dĩ tìm được sự hài hoà giữa hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc chung của xã hội.

4.2. Quan điểm đạo đức học Mác - Lênin về hạnh phúc:

Đạo đức học Mác-xít lý giải một cách khoa học về hạnh phúc.

a/ Hạnh phúc là tâm trạng hài lòng về cuộc sống thực tại của mình :

- Hạnh phúc là tâm trạng hài lòng, sự hài lòng ấy không có tính mơ hồ mà có nội dung và hình thức xác thực. Đó là khi con người được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của mình đồng thời không ngừng sáng tạo ra những giá trị mới.
- Nhu cầu của con người rất đa dạng bao gồm nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần như :
 - Nhu cầu ăn uống, đi lại, duy trì nòi giống.v.v..Đây là những nhu cầu tất yếu của sự tồn tại của con người .
 - Nhu cầu về môi trường sống : Với tư cách là một sinh thể, con người có nhu cầu được sống trong môi trường tự nhiên phù hợp và ngày càng đẹp đẽ,ổ chảnh hạn như nhu cầu duy trì nhiệt độ bình thường, thuận lợi cho hoạt động của cơ thể bằng việc sưởi ấm nhà ở hoặc làm cho nhà ở mát mẻ, chọn quần áo thích hợp.v.v...Con người còn cảm thấy hạnh phúc nếu được sống trong môi trường xã hội tốt, ở đó con người được phát triển toàn diện. Đó là môi trường có “tính người”.
 - Nhu cầu thẩm mỹ: Con người không những chỉ bằng lòng với sự thưởng thức cái đẹp của tự nhiên, của người và vật ở xung quanh mình mà còn sáng tạo ra cái đẹp bằng màu sắc, âm thanh, hình ảnh...qua hội họa, âm nhạc, kiến trúc, văn học.v.v...
 - Nhu cầu nhận thức: Con người là một sinh thể có tư duy, có nhu cầu nhận thức hiện thực và có xu hướng làm giàu vốn tri thức của mình. Nhu cầu nhận thức nâng con người lên trên mọi sinh thể khác, là nhu cầu đặc trưng của con người.
 - Nhu cầu tương trợ: không có sự tương trợ thì con người và xã hội không thể tồn tại được. Con người sống trong xã hội thì nhất định có ý thức và có nhu cầu giao tiếp, giúp đỡ lẫn nhau.

Các nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần đó tồn tại trong mối liên hệ tác động qua lại lẫn nhau. Xã hội càng tiến bộ, nhu cầu tinh thần càng chiếm vị trí quan trọng trong đời sống con người .

b/ Hạnh phúc là sự đánh giá chung nhất đời sống con người, là tổng hợp những yếu tố xã hội và cá nhân:

- Hạnh phúc bao hàm sự đánh giá về ý nghĩa và giá trị của cuộc đời con người. Sự đánh giá đó vừa có yếu tố cảm nhận của cá nhân đồng thời có sự đánh giá và thừa nhận của xã hội. Cho nên hạnh phúc có mặt cá nhân và mặt xã hội, còn gọi là mặt chủ quan và mặt khách quan.
- Mặt cá nhân của hạnh phúc biểu hiện ở năng lực, ý chí, sự nỗ lực của cá nhân để thỏa mãn được nhu cầu của mình và giá trị của hạnh phúc của mỗi người cũng tùy thuộc vào sự nhận thức về giá trị ở từng cá nhân.
Mỗi người khác nhau về lợi ích, nhu cầu và khát vọng cụ thể. Sự khác nhau đó được giải thích bằng những phẩm chất và thiên hướng cá nhân ảnh hưởng bởi di truyền, những nhân tố dân tộc, xã hội và những điều kiện giáo dục, sinh hoạt.v.v...Do những khát vọng và lợi ích của mỗi người hết sức đa dạng nên niềm vui, hạnh phúc cũng khác nhau. Rất khó xác định người nào hạnh phúc và người nào không có hạnh phúc, người nào hạnh phúc nhiều còn ai hạnh phúc ít

hơn. Nhưng có thể nhận định về hạnh phúc của mỗi cá nhân căn cứ vào tương quan giữa nhu cầu tinh thần và nhu cầu vật chất ở người đó và mức thỏa mãn những nhu cầu ấy; nghĩa là xem coi những lợi ích, nhu cầu nào được người đó quan tâm nhiều nhất. Đối với những người mà nhu cầu vật chất chiếm ưu thế thì tiêu chuẩn chủ quan của họ về hạnh phúc sẽ là mức độ thỏa mãn những nhu cầu vật chất. Đối với kẻ phàm tục như Gorky đã nói: Hạnh phúc chẳng qua chỉ là “làm rất ít, nghĩ rất ít và ăn rất nhiều”.

- Mặt xã hội của hạnh phúc là xã hội đánh giá và thừa nhận giá trị của cuộc sống của một con người.

Ở những trình độ xã hội khác nhau, những nhu cầu về hạnh phúc và những tiêu chuẩn giá trị để đánh giá hạnh phúc của con người cũng khác nhau. Xã hội càng phát triển thì việc tạo ra những điều kiện để con người hưởng thụ và cống hiến ngày càng đòi hỏi cao hơn. Nhưng trong bất kỳ xã hội nào thì tiêu chuẩn khách quan của hạnh phúc đều là sự thống nhất lâu bền giữa sự khỏe mạnh, sự dồi dào về đời sống vật chất và sự phong phú về tinh thần. Sự thống nhất và sự tương quan hợp lý giữa các lợi ích là tiêu chuẩn khách quan cho hạnh phúc chân chính của con người. Đạo đức chính thống của mọi xã hội bao giờ cũng thừa nhận ưu thế của những nhu cầu tinh thần so với những nhu cầu vật chất. Kẻ chỉ thấy hạnh phúc ở sự thỏa mãn những nhu cầu vật chất khó mà có được hạnh phúc bởi vì nhu cầu vật chất là nhu cầu tất yếu để tồn tại và duy trì khả năng tổ chức của một sinh thể. Sự thỏa mãn nhu cầu vật chất bao hàm sự bảo hoà, nó thường ngắn ngủi và có hạn. Nhu cầu tinh thần có giá trị dài lâu và sự thỏa mãn nhu cầu tinh thần bao hàm sự sáng tạo nhu cầu mới. Tuy nhiên khi nói đến ưu thế của nhu cầu tinh thần so với nhu cầu vật chất, ở đây chỉ muốn nói đến sự xác định cụ thể ý nghĩa và giá trị của các nhu cầu với mục đích chỉ ra tiêu chuẩn khách quan của hạnh phúc chân chính.

Mặt xã hội và mặt cá nhân của hạnh phúc quan hệ chặt chẽ nhau vì những nhu cầu phát triển của xã hội chi phối nhu cầu của mỗi cá nhân, định hướng cho mọi hoạt động và nỗ lực của cá nhân để thỏa mãn nhu cầu của mình.

c/ Hạnh phúc vừa là lý tưởng tối cao vừa là sự thực hiện nghĩa vụ:

- Hạnh phúc không chỉ là sự thụ hưởng những niềm vui của cuộc sống, mà còn bao gồm sự cống hiến, sự đấu tranh tích cực giành lấy niềm vui, giành hạnh phúc cho mọi người và cho chính mình. Vì vậy, hạnh phúc chân chính của con người phụ thuộc vào hành động, hành động sáng tạo. Hạnh phúc chân chính của con người là phần đầu không mệt mỏi cho việc sáng tạo ra những giá trị mới cho mình, cho người khác và cho xã hội.
- Hạnh phúc không có sẵn, cũng không do ai ban tặng. Muốn có hạnh phúc phải tích cực và kiên trì đấu tranh vượt qua mọi trở lực để chống cái ác, thậm chí khi cần phải dám chịu đựng những mất mát, hy sinh. Đạt đến hạnh phúc, mỗi người có khi phải chấp nhận sự đau thương, gian khổ trước mắt đối với riêng mình để mưu cầu hạnh phúc lâu dài và lớn lao của xã hội. Điều đó không có nghĩa là lảng tránh hay chấp nhận sự đau khổ tiêu cực do khát vọng thấp hèn mà đòi hỏi con người phải biết bằng hành động tích cực sáng tạo của mình để vượt lên trên sự đau khổ, sự dằn vặt. Con người còn phải chia sẻ sự khổ đau của người khác,

của cộng đồng để suy nghĩ và hành động cho hạnh phúc của người khác và cho tiến bộ xã hội.

d/ Hạnh phúc có tính tương đối và có tính lịch sử- xã hội :

- Trong xã hội nhu cầu của con người luôn phát triển cho nên sự thỏa mãn nhu cầu không có ý nghĩa tuyệt đối. Thỏa mãn nhu cầu và không thỏa mãn nhu cầu luôn tác động lẫn nhau tạo nên sự tiến bộ lịch sử. Ở mỗi người, sự cảm nhận về hạnh phúc cũng mang tính riêng tư. Đối với cùng một giá trị nhưng ở người này thì hạnh phúc trở nên tuyệt vời nhưng ở người khác có khi chỉ là bình thường thậm chí là đau khổ. Chính vì vậy hạnh phúc có tính tương đối.

- Hạnh phúc có tính lịch sử- xã hội vì mỗi thời đại lịch sử, nhu cầu xã hội khác nhau và sự tạo điều kiện để thỏa mãn những nhu cầu ấy cũng khác nhau cho nên quan niệm hạnh phúc của con người là rất khác nhau ở những thời đại, những giai đoạn lịch sử khác. Mỗi một con người trong những hoàn cảnh khác nhau, có quan niệm về hạnh phúc khác nhau. Mỗi lứa tuổi khác nhau quan niệm về hạnh phúc một cách khác nhau.v.v...

Tóm lại : Hạnh phúc là tâm trạng hài lòng về cuộc sống thực tại của mình ; là sự đánh giá chung nhất đời sống con người, là tổng hợp những yếu tố xã hội và cá nhân ; là lý tưởng tối cao đồng thời là sự thực hiện nghĩa vụ ; là hiện tượng có tính tương đối và tính lịch sử - xã hội.

Nghĩa vụ

5.1. Những quan niệm khác nhau về nghĩa vụ :

Nghĩa vụ là phạm trù cơ bản của đạo đức học. Nó quan hệ với phạm trù hạnh phúc như là phương tiện và cứu cánh. Hạnh phúc và nghĩa vụ làm tiền đề cho nhau và quy định lẫn nhau. Nghĩa vụ được nhận thức phụ thuộc vào thế giới quan khác nhau.

a/ Chủ nghĩa duy tâm cho rằng nghĩa vụ là sự bắt buộc trước “mệnh lệnh tuyệt đối”. Kant, một nhà triết học cổ điển Đức cho rằng mệnh lệnh tuyệt đối thúc đẩy, sai khiến con người hành động. Tuân theo mệnh lệnh tuyệt đối tức là con người đã thực hiện nghĩa vụ. Nói một cách khác, đạo đức học của Kant đòi hỏi con người hành động theo cái phải làm, chứ không phải cái muốn làm. Hành vi đạo đức như vậy được thể hiện như là sự bắt buộc, không có tính tự giác. Chính Hegel, nhà triết học cổ điển Đức cũng đã phê phán quan điểm đó của Kant là Kant đã giải thích một cách sai lầm về giá trị của nghĩa vụ và đã hạ thấp con người.

b/ Tôn giáo quan niệm nghĩa vụ là ý thức trách nhiệm trước thần linh, trước thượng đế. Nghĩa vụ thiêng liêng của con người là hy sinh mọi lợi ích cá nhân, nhu cầu bản thân để phụng sự ý nguyện của đấng tối cao và các thánh thần. Có như vậy khi về thế giới bên kia con người sẽ được hưởng hạnh phúc trọn vẹn.

c/ Các nhà duy vật thế kỷ 17 - 18 đã giải thích phạm trù nghĩa vụ gắn liền với sự thực hiện lợi ích cá nhân. Tuy nhiên, trong số các nhà duy vật Pháp thế kỷ 18 đã có quan niệm tiến bộ của Holbach thừa nhận rằng nghĩa vụ đạo đức là cái tất yếu đối với tất cả mọi người, là cái không tách rời hạnh phúc của cá nhân và xã hội.

d/ Các nhà đạo đức tư sản hiện đại giải thích phạm trù nghĩa vụ mang tính chủ quan, không có nội dung khách quan. Họ chủ trương giáo dục đạo đức chỉ dạy cho con người biết hành động, không cần giáo dục cho họ ý thức về nghĩa vụ. Họ có ý định áp dụng thành tựu của khoa học tác động vào thần kinh con người để dễ điều khiển theo ý muốn của người lãnh đạo. Như vậy là họ đang biến con người thành cái máy, làm mất đi tính tích cực, chủ động, sáng tạo của con người.

5.2. Quan điểm đạo đức học Mác-xít về nghĩa vụ đạo đức:

a/ Nghĩa vụ là ý thức trách nhiệm của con người, là ý thức cần phải làm và mong muốn làm vì lợi ích người khác và vì lợi ích chung của xã hội.

Nghĩa vụ đạo đức là một trong những nét đặc thù của tính người. Ở con vật, mỗi hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu được thực hiện theo bản năng. Ở con người thì sự phát sinh nhu cầu và hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu không giới hạn ở lĩnh vực bản năng. Con người là một sinh thể có ý thức. Con người biết xác định những hành động nào là cần thiết để thỏa mãn nhu cầu. Để thỏa mãn được những nhu cầu của mình trước hết con người phải lao động. Lao động bao giờ cũng mang tính xã hội. Tính chất xã hội của lao động quy định bản tính xã hội của con người. Trong lao động, con người ý thức được sự cần thiết phải hợp tác, từ đó con người có xu hướng tương trợ nhau, có quan hệ đoàn kết và công bằng đối với nhau. Con người quen dần với sự tất yếu phải hòa hợp những nhu cầu và ham muốn của mình với những nhu cầu và ham muốn của người khác, đem lợi ích của mình phục tùng lợi ích của người khác và của xã hội. Như vậy nghĩa vụ đạo đức được hình thành và được thực hiện thông qua lao động của con người.

b/ Nghĩa vụ đạo đức được thực hiện một cách tự giác và tự do :

Nghĩa vụ đạo đức khác với nghĩa vụ pháp lý. Nghĩa vụ pháp lý bao hàm sự trừng phạt, sự cưỡng chế bên ngoài. Nghĩa vụ đạo đức phát sinh do sự ý thức được trách nhiệm trước người khác và xã hội, từ sự tự nguyện mong muốn được làm của chủ thể. Nghĩa vụ đạo đức được thực hiện và điều chỉnh chủ yếu bằng sức mạnh bên trong của lương tâm mỗi người. Do vậy thực hiện nghĩa vụ đạo đức là tự do.

c/ Nghĩa vụ đạo đức có tính xã hội và khách quan :

Lợi ích của mỗi cá nhân, của mỗi tập thể và của toàn xã hội chỉ có thể thực hiện, bảo vệ được trong mối quan hệ tôn trọng và phục vụ lợi ích của nhau giữa cá nhân này với cá nhân khác, giữa cá nhân và tập thể, giữa cá nhân và xã hội. Mối quan hệ 2 chiều giữa hai chủ thể như thế đem lại điều thiện cho cả 2 chủ thể, nó làm cho quan hệ đạo đức mang tính công bằng vì vậy nghĩa vụ có tính khách quan.

d/ Nghĩa vụ đạo đức được cụ thể hoá trong những hoàn cảnh, đối tượng cụ thể thành nhiệm vụ, bổn phận.

Bổn phận là nghĩa vụ cụ thể mà một người nào đó đã biết, đã nhận thức được và tự nguyện làm chẳng hạn như bổn phận làm con, bổn phận của một công dân.v.v...

Lương tâm

6.1. Những quan niệm khác nhau về lương tâm :

Nghĩa vụ và lương tâm là 2 phạm trù có nội dung liên quan, hỗ trợ cho nhau và có chức năng thúc giục con người làm điều thiện, tránh điều ác. Bằng cách đó nó góp phần điều chỉnh và củng cố những quan hệ xã hội. Các nhà tư tưởng trong lịch sử có nhiều quan niệm khác nhau về phạm trù lương tâm.

a/ Quan niệm duy tâm :

- Platon cho rằng lương tâm là sự mách bảo của thượng đế, nó tồn tại vĩnh cửu.
- Kant cho rằng lương tâm là sự “thao thức của tinh thần” nó gắn liền với con người như bẩm sinh. Ông viết: “Cảm giác lương tâm ở mỗi cá nhân không phụ thuộc vào điều kiện họ sống. Lương tâm không phải là cái gì có thể tìm kiếm được. Một con người mang trong mình cảm giác lương tâm từ lúc mới sinh ra. Lương tâm như là người làm chứng của chúa trời để phán xử chúng ta”. Như vậy, theo Kant cảm giác lương tâm là tiên nghiệm, bẩm sinh.
- Hêghen cho rằng lương tâm là sản phẩm của tinh thần khách quan. Ông là người đầu tiên đặt vấn đề về nội dung khách quan của lương tâm. Theo Hegel, tiêu chuẩn của lương tâm phụ thuộc vào đạo đức của những xã hội khác nhau, còn hình thức của nó phụ thuộc vào các cá nhân khác nhau. Hai cái đó có thể ăn khớp hoặc mâu thuẫn với nhau.

b/ Quan niệm duy vật :

Các nhà duy vật thế kỷ 17-18 khẳng định lương tâm là một phạm trù đạo đức học, là yếu tố quan trọng cấu thành đạo đức và chú ý đến vai trò của lương tâm trong đời sống đạo đức. Đặc biệt Spinoza và Lock và nhấn mạnh cần phải giáo dục lương tâm. Tuy nhiên chưa có quan niệm nào lý giải đúng bản chất của lương tâm

6.2. Quan niệm về lương tâm của đạo đức học Mác-xít :

a/ Bản chất của lương tâm :

Lương tâm là sự tự đánh giá, sự tự phán xử và giải quyết đúng đắn các hành vi của chính mình trong toàn bộ các quan hệ xã hội.

- Lương tâm vừa là chức năng của tình cảm đạo đức, vừa là chức năng tự đánh giá của lý trí đạo đức:
Lương tâm là một cấu trúc tâm lý, là thể thống nhất giữa tình cảm và lý trí về cái thiện mà hạt nhân là ý thức nghĩa vụ. Lương tâm là tình cảm tích cực trước nghĩa vụ đạo đức. Đồng thời lương tâm làm chức năng tự đánh giá nên nó còn là một hành động trí tuệ, nó chứa đựng yếu tố lý trí. Chức năng đặc trưng của lương tâm là sự kiểm soát của chủ thể đối với hành vi của chính mình, là sự tự phê phán, tự lên án, tự trừng phạt của chủ thể đối với chính mình khi dự định hoặc đã thực hiện một hành vi trái với những nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức.

Lương tâm biểu hiện ở 2 trạng thái khẳng định và phủ định. Giá trị của sự khẳng định được biểu hiện bằng sự thanh thản của lương tâm, còn sự phủ định được biểu hiện bằng sự cắn rứt của lương tâm. Xấu hổ với bản thân là biểu hiện ban

đầu của lương tâm cắn rứt. Từ cảm giác đó dẫn đến sự phán xử các suy nghĩ và hành vi của mình. Sự cắn rứt của lương tâm còn có sự trách móc của lý trí đối với ý chí “Đã biết sai sao vẫn cứ làm”. Đây là sự trách móc của lương tâm làm cho chủ thể đau khổ.

- Đối tượng của sự tự đánh giá và xét xử của lương tâm:
Đặc trưng của lương tâm là sự tự đánh giá hành động. Lương tâm lên tiếng không chỉ khi hành động đã xảy ra mà ngay cả từ trong dụng ý: Con người cảm thấy sự cắn rứt của lương tâm không những đối với những hành động tiêu cực mà cả với những dụng ý xấu .

b/ Tiêu chuẩn khách quan của lương tâm :

- Sự tự đánh giá của lương tâm phải dựa trên tiêu chuẩn khách quan chứ không thể dựa trên tiêu chuẩn chủ quan. Bởi vì sự vững tâm, sự tin tưởng ở bản thân mình có thể là đúng và làm cơ sở cho điều thiện. Nhưng sự tự ý thức cũng có thể sai, trường hợp đó thường người ta làm điều ác mà lương tâm vẫn cứ thanh thản, giống như kiểu lương tâm trong sạch của bọn phát xít!
- Tiêu chuẩn khách quan của lương tâm là nghĩa vụ và sự công bằng. Chính nghĩa vụ và sự công bằng là nội dung khách quan làm cơ sở cho tình cảm lương tâm. Công bằng xã hội là yêu cầu phân phối các giá trị phù hợp với giá trị mà người ta đã tạo ra, nó đòi hỏi sự tương xứng giữa hành vi với sự đền bù (lao động và thù lao, công và tội, thưởng và phạt) . Nghĩa là mỗi người phải lấy những điều chính đáng, phù hợp với những lợi ích chân chính của con người làm tiêu chuẩn của lương tâm
Vì lương tâm là tình cảm trách nhiệm trước nghĩa vụ nên nó cũng có những sắc thái như nghĩa vụ: Lương tâm khoa học, lương tâm nghệ thuật, lương tâm nghề nghiệp.v.v...

c/ Vai trò của lương tâm trong đời sống đạo đức của con người:

- Lương tâm là ngọn nguồn bên trong của hạnh phúc. Lương tâm trong sạch làm cho ta ý thức được nhân phẩm của mình, cảm thấy sự khoan khoái của tâm hồn còn sự vô lương tâm là nguồn của sự bất hạnh. Lương tâm là điều kiện của hạnh phúc vừa theo chiều khẳng định vừa theo chiều phủ định.
- Lương tâm với chức năng tự đánh giá nên nó là một động lực thúc đẩy chủ thể làm điều thiện, làm tròn nghĩa vụ của mình, dững cảm tự thú sai lầm, kiên quyết sửa chữa sai lầm. Lương tâm là động cơ của mọi điều thiện.
- Lương tâm giám sát hành vi con người xem có hợp đạo lý không. Lương tâm trừng phạt con người nếu con người có ý nghĩ và hành vi ác. Lương tâm có tác dụng ngăn ngừa tội ác. Sự hổ thẹn có vai trò uốn nắn định hướng hành vi của con người.

Những người theo chủ nghĩa Kant mới và những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản hiện đại cho rằng lương tâm chỉ có vai trò tiêu cực. Nếu lương tâm xuất hiện vào lúc dự kiến hành vi, thì theo họ, chỉ có tác dụng dẫn đến sự thiếu quyết đoán. Nếu lương tâm xuất hiện vào lúc hành vi đã chấm dứt thì chỉ làm cho con người mất yên tĩnh mà không có tác dụng gì, vì hành vi đã được thực hiện rồi. Chính vì vậy, họ đòi vứt bỏ lương tâm.

Đạo đức học Mác - Lênin, ngược lại, nhấn mạnh rằng lương tâm xuất hiện trong suốt toàn bộ hành vi đạo đức, từ lúc dự định đến lúc kết thúc. Nó xuất hiện cả lúc con người hành động phù hợp với những tiêu chuẩn đạo đức cũng như xa rời những tiêu chuẩn đạo đức. Ở đây, cả mặt phủ định- mặt cản rứt của lương tâm, lẫn mặt khẳng định - sự thanh thản của lương tâm, đều có vai trò điều chỉnh và nâng cao tính tích cực của con người. Trong hai mặt đó sự thanh thản của lương tâm góp phần quan trọng vào đời sống đạo đức của cá nhân và xã hội.

6.3. Kết luận về giáo dục đạo đức :

a/ Lương tâm là hạt nhân đạo đức của nhân cách. Lương tâm không phải do Thượng đế ban cho mà là sản phẩm của quá trình giáo dục và tự giáo dục. Nếu không thường xuyên rèn luyện đạo đức thì lương tâm có được ở mỗi người có thể bị suy thoái, xơ cứng hoặc thậm chí mất đi trở thành kẻ “bất lương”. Lương tâm được rèn luyện trong lao động của con người.

b/ Trong công tác giáo dục đạo đức, người ta luôn chú ý đến vai trò của xấu hổ trong việc uốn nắn, định hướng hành vi suy nghĩ của con người. Nó có tác dụng hình thành dư luận xã hội, uốn nắn hành vi đạo đức của con người. Tất nhiên sử dụng vai trò xấu hổ của lương tâm trong giáo dục là một nghệ thuật, phải biết sử dụng đúng mức và phù hợp với từng đối tượng.

Danh dự và nhân phẩm

7.1. Nhân phẩm

a/ Khái niệm nhân phẩm :

Nhân phẩm chỉ nhân cách của một con người như là đối tượng của sự đánh giá về mặt đạo đức, là toàn bộ phẩm chất của một cá nhân, là bản chất người trong một con người, là giá trị làm người của một con người.

b/ Những yếu tố của ý thức tự tôn nhân phẩm :

Ý thức tự tôn nhân phẩm là ý thức được giá trị của mình với tư cách là một con người. Trong ý thức tự tôn nhân phẩm có sự tác động biện chứng giữa lòng trung thành đối với nghĩa vụ, ý thức tự do và sự nhìn nhận kính trọng xã hội.

- Lòng trung thành với nghĩa vụ:

Con người càng có ý thức cao về lòng tự trọng bao nhiêu thì con người càng trung thành với nghĩa vụ trước người khác và xã hội, càng yêu con người bấy nhiêu. Người nào biết quý trọng danh dự và nhân phẩm của mình, biết tự trọng thì người đó mới biết xem trọng trách nhiệm mình đối với xã hội, biết thương yêu con người và muốn làm mọi việc để phục vụ cho hạnh phúc của con người.

- Ý thức tự do:

Ý thức tự tôn nhân phẩm có được khi tự mỗi người ý thức được rằng mình là một thành viên có ích cho xã hội. Đồng thời ý thức được rằng mình làm điều có ích cho xã hội không bị một sự cưỡng bức nào mà do chính ý chí của riêng mình quyết định. Sự ý thức được rằng mình không bị cưỡng bức tức là ý thức được mình tự do. Đây là nội dung quan trọng bậc nhất của lòng tự trọng và của ý thức tự tôn nhân phẩm.

- Sự nhìn nhận và kính trọng của xã hội:

Khái niệm “nhân phẩm” bao hàm yếu tố đánh giá, giá trị. Không có sự đánh giá thì không có giá trị. Cần có sự đánh giá về mặt khách quan và chủ quan của hành vi để khẳng định nhân phẩm của một con người. Phải có sự nhìn nhận của xã hội hoặc ít ra là của một người khác về cái thiện ở một con người để khẳng định ý nghĩa của nhân phẩm trong xã hội. Với ý nghĩa này khái niệm ý thức nhân phẩm nhất thiết gắn liền với những khái niệm: nhìn nhận, kính trọng, tôn kính, danh giá và quang vinh. Sự đánh giá của cá nhân và của người khác về nhân phẩm của cá nhân là nội dung của danh giá và danh dự.

Mục đích đạt được sự nhìn nhận của xã hội và có được tiếng tốt chỉ có giá trị đạo đức trong trường hợp nó là một động lực bổ sung, không phải là động cơ chủ yếu của hành vi. Nếu động cơ của hành vi không phải là khát vọng vươn tới bản thân điều thiện, khát vọng thực hiện nghĩa vụ mà là việc chạy theo quang vinh và sự nhìn nhận của xã hội thì đây là sự hiếu danh.

Sự quý trọng của người khác và xã hội là một trong những điều kiện phát triển của đạo đức, nó đảm bảo cho sự tiến bộ đạo đức của xã hội. Vì vậy cần có sự khuyến thiện, khen thưởng của xã hội.

Lòng tin vào sự nhìn nhận của xã hội là một yếu tố kích thích đối với hành vi đạo đức và sự giữ gìn nhân phẩm, nhất là trong trường hợp đối với người trung thực, trung kiên mà bị bức hại. (Các chiến sĩ Cộng Sản bị tù đày, bị tra tấn dã man, thậm chí chấp nhận cả sự hy sinh tính mạng của mình để bảo vệ tổ chức cách mạng và đồng đội với niềm tin vào các giá trị của xã hội. Ông Nguyễn Minh Tánh ở Bình Thuận (năm 1998) dù bị bức hại nhưng ông vẫn kiên trì tìm cách tổ cáo bọn phá rừng Tánh Linh với niềm tin vào cái thiện sẽ thắng cái ác

Đạo đức học Mácxít dựa vào nguyên tắc hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội nên coi trọng cả 3 yếu tố: ý thức tự do, nghĩa vụ và sự nhìn nhận của xã hội . Các yếu tố này tác động qua lại lẫn nhau không thể thiếu được nhưng trước hết phải là lòng trung thành với nghĩa vụ.

7.2. Danh dự :

a/ Khái niệm danh dự :

Danh dự là lòng tôn trọng và ý thức bảo vệ gìn giữ những gì tốt đẹp mà bản thân chủ thể lấy làm tự hào và được xã hội nhìn nhận.

Danh dự của một con người là nhân phẩm tốt đẹp của người đó thể hiện trong một vai trò, vị trí của mình và được xã hội nhìn nhận. Danh dự con người là một mặt của nhân phẩm. Ví dụ: danh dự là người Việt Nam, danh dự làm cha, danh dự làm thầy...Cái cốt lõi của danh dự là nhân phẩm .

b/ Ý nghĩa của danh dự và ý thức tự tôn nhân phẩm trong đời sống con người :

- Ý thức tự tôn nhân phẩm gắn liền với tính người: Ai không có ý thức về nhân phẩm thì người đó không biết tự trọng. Ở đâu không có tự trọng thì ở đó không thể có tình cảm nghĩa vụ và đạo đức cao quý. Không có ý thức nhân phẩm không thể có con người chân chính. Điều đó giải thích vì sao có những người “thà chết vinh hơn sống nhục” .

- Ý thức tự tôn nhân phẩm làm cho con người cảm thấy hạnh phúc: Sự thực hiện nghĩa vụ bao giờ cũng kèm theo sự thích thú, niềm vui đạo đức, nhưng nghĩa vụ không phải được thực hiện vì niềm vui mà vì bản thân nghĩa vụ, vì hạnh phúc của xã hội. Spinoza: “hạnh phúc chân chính, hạnh phúc cao nhất ở bản thân đạo đức, tức là ở cuộc sống lương thiện, trung thực”.
- Danh dự và nhân phẩm tạo nên uy tín của con người. Người có uy tín là người có danh dự và nhân phẩm được xã hội thừa nhận chứ không phải là sự tự thừa nhận của bản thân. Trong cuộc sống có nhiều người muốn tạo uy tín cho mình bằng nhiều cách như: tạo khoảng cách với những người xung quanh, vuốt ve, xu nịnh, mị dân, ô dù cấp trên. Uy tín thật cho con người tình cảm tự hào. Tự cao, ngạo mạng và hiểu danh hoàn toàn xa lạ với uy tín của con người. Các phạm trù Thiện - Ác, lẽ sống, hạnh phúc, nghĩa vụ, lương tâm, danh dự quan hệ chặt chẽ nhau. Chúng là lý tưởng đạo đức có vai trò định hướng cho các chuẩn mực đạo đức của xã hội. Nội dung đạo đức học Macxit về các phạm trù đạo đức đem lại cho con người những định hướng đúng đắn trong đời sống đạo đức.

Chương IV : Một số nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa

Quan niệm của đạo đức học Mác xít về nguyên tắc đạo đức

1.1 Khái niệm nguyên tắc đạo đức (ntđđ):

- Ntđđ là những tiêu chuẩn căn bản nhất làm nền tảng, là sự khái quát, tổng hợp các tiêu chuẩn đạo đức.
- Nguyên tắc đạo đức là những giá trị, những lý tưởng đạo đức. Những nguyên tắc này chi phối hành vi hằng ngày và định hướng cho cả cuộc sống của con người. Với tư cách là những giá trị đạo đức, những nguyên tắc đạo đức vừa có tính lịch sử đồng thời có tính kế thừa.
- Nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa (ntđđ XHCN) phản ánh nhu cầu đạo đức xã hội phù hợp với xu thế phát triển lịch sử của xã hội. Đó là những giá trị đạo đức tiến bộ nhất, khác về chất với những nguyên tắc đạo đức của các xã hội trước đó.

1.2 Những đặc điểm của nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa:

- Một là : ntđđ XHCN được hình thành và phát triển trên cơ sở yêu cầu đạo đức của xã hội xã hội chủ nghĩa và quan niệm tiến bộ của giai cấp công nhân.
- Hai là: ntđđ XHCN có tác động hướng dẫn hành động con người và xây dựng con người mới.
- Ba là: ntđđ XHCN đòi hỏi lấy lợi ích nhân dân lao động làm mục tiêu cao nhất.
- Bốn là: ntđđ XHCN tác động tích cực đến pháp luật xã hội chủ nghĩa và được thiết lập vững chắc khi nhà nước giai cấp vô sản thực hiện tốt chức năng xây dựng xã hội mới của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

Đó là một nguyên tắc có tính chất định hướng cho mọi suy nghĩ, hoạt động của từng con người và xã hội để tự giác thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.1 Trung thành với sự nghiệp xây dựng CNXH là một nguyên tắc của đạo đức XHCN :

Lòng trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trở thành một nguyên tắc của đạo đức mới bởi vì:

- Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội phù hợp với xu thế phát triển khách quan của lịch sử, đồng thời nó phù hợp với ước mơ và nguyện vọng của đông đảo quần chúng lao động.
- Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội tốt đẹp nhất, tiến bộ nhất trong lịch sử xã hội loài người và đang trở thành hiện thực. Chế độ xã hội chủ nghĩa là một chế độ dân chủ nhất, bình đẳng nhất, nhân đạo nhất trong lịch sử xã hội loài người.

Do đó, trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng chính là trung thành với lợi ích của nhân dân, là góp phần biến ước mơ của nhân dân thành hiện thực.

- Ngày nay sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng như trên thế giới đang gặp phải những khó khăn và thử thách nghiêm trọng. Điều đó càng đòi hỏi mỗi người phải củng cố và tăng cường hơn nữa lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội

2.2. Những yêu cầu của nguyên tắc trung thành với CNXH :

a/ Yêu cầu của lòng trung thành đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là mỗi người phải xây dựng cho mình một niềm tin khoa học vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội.

Để có được niềm tin, mỗi người cần trang bị cho mình một thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật, thường xuyên củng cố, xây dựng cho mình có lẽ sống vì mọi người, phấn đấu hết sức mình vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

b/ Đối với mỗi người, lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội phải gắn với việc hoàn thành những nhiệm vụ lịch sử - cụ thể. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể đạt được trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, trên cơ sở mỗi người tự nguyện, tự giác phấn đấu đóng góp sức mình vì lợi ích chung của xã hội. Phải tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất, xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, củng cố nhà nước, phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn những nhu cầu về vật chất và văn hóa ngày càng tăng cho nhân dân lao động. Mỗi người phải luôn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước công việc, phải giữ gìn và bảo vệ truyền thống tốt đẹp và những thành quả lao động sáng tạo của xã hội, phải quản lý chặt chẽ mọi tài sản của nhà nước cũng như của nhân dân.

Người công nhân phải hoàn thành vượt mức kế hoạch; nông dân phải hăng say sản xuất để mùa màng bội thu. Người trí thức phải hăng say miệt mài, sáng tạo; người chiến sĩ phải dũng cảm chiến đấu, chắc tay súng giữ gìn an ninh, bảo vệ lãnh thổ của Tổ quốc. Người sinh viên, học sinh phải học giỏi để đạt được những thành tích xuất sắc, trở thành những người con ưu tú, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội

c/ Lòng trung thành đối với chủ nghĩa xã hội yêu cầu phải có ý chí quyết tâm và kiên quyết xoá bỏ chế độ người bóc lột người. Vì thực chất của chế độ xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự tăng trưởng về kinh tế mà còn phải thực hiện công bằng xã hội. Việc đấu tranh xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột cũng đòi hỏi phải kiên quyết ngăn chặn những hiện tượng tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp, trù dập nhân dân.

d/ Muốn có được lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội thì chủ thể đạo đức phải được giáo dục có hệ thống và phải được rèn luyện thông qua hoạt động thực tiễn cách mạng.

Khi biết kết hợp giữa giáo dục và quá trình hoạt động thực tiễn sẽ giúp cho chủ thể đạo đức có được nhận thức sâu sắc và củng cố thêm niềm tin đối với công việc mình làm. Chỉ có thông qua thực tiễn con người mới được thử thách, rèn luyện và trưởng thành. Trong hoạt động thực tiễn, con người càng tích cực bao nhiêu thì càng biểu hiện lòng trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa bấy nhiêu.

Chủ nghĩa nhân đạo

3.1. Khái niệm chủ nghĩa nhân đạo :

a. Chủ nghĩa nhân đạo là sự tổng hợp tất cả những quan điểm, hành vi đạo đức khẳng định giá trị và phẩm chất của con người, tôn trọng tự do của con người, nhằm thỏa mãn những nhu cầu và nguyện vọng chân chính của con người.

b. Chủ nghĩa nhân đạo khác với lòng nhân đạo. Lòng nhân đạo ở mỗi con người là ý thức, tình cảm mang tính nhân đạo. Lòng nhân đạo là sản phẩm của sự cá nhân hóa, nhân cách hóa, nội tâm hóa chủ nghĩa nhân đạo. Như vậy dưới ánh sáng chung của chủ nghĩa nhân đạo thì mỗi người có lòng nhân đạo của riêng mình. Lòng nhân đạo ấy có nội dung và hình thức như thế nào tùy điều kiện sinh hoạt, sự tiếp thu chủ nghĩa nhân đạo, và hoạt động xã hội của mỗi người. Lòng nhân đạo thể hiện ra là thái độ tốt và tình yêu đối với con người.

3.2. Những hình thức biểu hiện chủ nghĩa nhân đạo:

a/ Về mặt xã hội: Chủ nghĩa nhân đạo không chỉ là quyền con người được công nhận trong hiến pháp. Điều chủ yếu là những quyền này được thực hiện trong đời sống như : quan tâm đến giáo dục và học tập, bảo đảm cho mọi người có việc làm, nhà ở và những phương tiện sinh sống khác, quan tâm đến sức khỏe của con người. Đặc biệt xã hội phải quan tâm đến đời sống tinh thần của con người, bảo vệ phẩm giá của con người.

b/ Người với người là bạn, là đồng chí, anh em. Mỗi người không thể yêu mọi người như nhau nhưng nhất định phải yêu ở mỗi con người cái được gọi là tính người. Tính người chỉ biểu hiện ở nơi nào bắt đầu có sự quan tâm đến người khác, có sự giúp đỡ và thông cảm lẫn nhau.

c/ Kính già, yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ.

d/ Yêu thiên nhiên, thương con vật có ích.

3.3. Đặc điểm của chủ nghĩa nhân đạo XHCN:

Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa là một bước phát triển cao nhất về chất so với các học thuyết nhân đạo khác.

a/ Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa có quá trình phát triển lịch sử lâu dài và trở thành truyền thống cao quý của đạo đức:

- Chủ nghĩa nhân đạo XHCN có nguồn gốc sâu xa từ trong toàn bộ kho tàng tư tưởng của loài người. Những giá trị nhân đạo, khát vọng tự do và hạnh phúc, tư tưởng xoá áp bức bóc lột, xây dựng một xã hội trong đó mọi người sống bình đẳng, ấm no hạnh phúc đã có từ xa xưa. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ và phong kiến, những giá trị nhân đạo bắt nguồn từ nhân dân lao động dù có những biểu hiện rục rịch nhưng vẫn chưa xuất hiện dưới hình thức lý luận như một trào lưu tư tưởng xã hội.
- Khi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời thì chủ nghĩa nhân đạo thực sự trở thành trào lưu tư tưởng, đó là chủ nghĩa nhân đạo tư sản. Giai cấp tư sản nêu một thế giới quan mới, lấy con người làm trung tâm để chống lại thế giới quan của giáo hội lấy “thần” làm trung tâm. Nó đòi hỏi phải tin tưởng, tôn trọng con người, quan tâm đến hạnh phúc của con người trần gian. Đó là những tư tưởng đấu tranh đòi tự do, hạnh phúc, chống chủ nghĩa khổ hạnh của tôn giáo, tư tưởng yêu thiên nhiên, yêu những nét đẹp của thân thể con người .v.v... Với khẩu hiệu đấu tranh cho “tự do - bình đẳng - bác ái”, chủ nghĩa nhân đạo tư sản có tác dụng tiến bộ trong lịch sử loài người. Nhưng với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên cơ sở bóc lột lao động thì “tự do - bình đẳng - bác ái” về cơ bản là không thể thực hiện được.
- Đến giữa thế kỷ 19, khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã bộc lộ trong lòng nó những mâu thuẫn thì chủ nghĩa nhân đạo xuất hiện trong thời kỳ này mang nội dung mới. Họ lên án, tố cáo mặt xấu của xã hội tư bản chủ nghĩa và nêu hình ảnh về một xã hội tốt đẹp ở tương lai, đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa trong đó không còn người bóc lột người. Tuy nhiên chủ nghĩa nhân đạo của họ không vượt quá khuôn khổ của chế độ tư hữu cho nên biện pháp và con đường để thực hiện chủ nghĩa nhân đạo trở nên không tưởng.
- Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa là sự kết tinh những giá trị nhân đạo đã có từ trước, khắc phục những hạn chế của chủ nghĩa nhân đạo tư sản, của chủ nghĩa nhân đạo không tưởng và phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa nhân đạo hiện thực
- b/ Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa là chủ nghĩa nhân đạo hiện thực vì chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa đã giải quyết vấn đề con người trên cơ sở khoa học. Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa đề cập đến con người hiện

thực, con người trong sản xuất và đời sống thực, con người với bản chất là tổng hòa những mối quan hệ xã hội. Vì vậy muốn giải phóng con người phải giải phóng những quan hệ xã hội đang kìm hãm, trói buộc con người, phải tạo ra quan hệ xã hội bình đẳng, bác ái. Trong toàn bộ những quan hệ ấy, quan hệ kinh tế chi phối có tính quyết định đối với các quan hệ khác của con người về chính trị, xã hội... Cho nên, khác với các học thuyết nhân đạo khác, chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa không xuất phát từ thiện chí hoặc tư tưởng mà xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội để giải quyết vấn đề con người. Xã hội thực sự nhân đạo là xã hội mà cơ sở kinh tế của nó đủ khả năng cho phép bộ phận này làm giàu còn bộ phận khác phải nghèo khổ, là xã hội con người được bình đẳng trước hết về kinh tế. Được bình đẳng về kinh tế là cơ sở thực tế của mọi sự bình đẳng khác

c/ Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa là chủ nghĩa nhân đạo hành động:

Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa là chủ nghĩa nhân đạo hành động vì chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa không phải là tình thương chung chung của tôn giáo mà nó bao hàm sự đấu tranh chống lại cái ác; cũng không phải là những cảm nhận bi thương về thân phận con người mà vấn đề cơ bản là cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình biến lý tưởng nhân đạo thành hiện thực.

Như vậy chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa là chủ nghĩa nhân đạo cao cả nhất, là bản chất đạo đức của nền đạo đức xã hội chủ nghĩa

Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa Quốc tế

4.1. Chủ nghĩa yêu nước:

a/ Khái niệm :

- Chủ nghĩa yêu nước là toàn bộ tư tưởng và hành vi thể hiện tình yêu đối với Tổ quốc .

Khái niệm “Tổ quốc” rộng lớn và sâu sắc hơn khái niệm “quốc gia, dân tộc”. Tổ quốc mà chúng ta thường nói đến gồm môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, truyền thống dân tộc, tình cảm cộng đồng, tinh thần độc lập tự chủ, tự cường .v.v.. của nhân dân.

- Lòng yêu nước là sự tiếp thu và thể hiện chủ nghĩa yêu nước ở mỗi con người.

b/ Cơ sở của chủ nghĩa yêu nước:

- Thứ 1 - Tình yêu quê hương xứ sở, tình yêu đối với nơi mình sinh ra lớn lên với bao kỷ niệm vui buồn của đời người.
- Thứ 2 - Trong lòng yêu nước có tình yêu truyền thống, bản sắc văn hóa, vẻ đẹp của dân tộc. Chính lòng tự hào, tình yêu truyền thống dân tộc đem lại cho lòng yêu nước một nội dung phong phú, sâu sắc.
- Thứ 3 - Cơ sở của chủ nghĩa yêu nước là công sức lao động sáng tạo của con người cống hiến cho quê hương đất nước của mình để bồi đắp và làm giàu những giá trị vật chất và tinh thần, tạo ra những điều kiện sống còn cho đất nước

và nhân dân. Chính quá trình này là cơ sở chủ yếu hình thành nên con người những quan niệm đúng đắn : "Tổ quốc là tài sản vô giá của mình, nên mọi người sống trong đó phải đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau ; đồng thời có trách nhiệm xây dựng và vun đắp cho Tổ quốc mình ngày càng phát triển giàu mạnh." Ý thức được điều đó nên nhiều người đã tự giác ra đi chiến đấu, để bảo vệ và giải phóng đất nước dù phải hy sinh tính mạng của mình

c/ Nội dung đạo đức của chủ nghĩa yêu nước:

- Thứ nhất : Yêu nước là yêu nhân dân lao động . Chủ nghĩa yêu nước là nguyên tắc đạo đức đòi hỏi mọi người phải biến lòng tự hào dân tộc, lòng yêu kính nhân dân...thành ý thức trách nhiệm trước vận mệnh của tổ quốc, trước hạnh phúc của nhân dân, sẵn sàng cống hiến cuộc đời mình vì độc lập, tự do của tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.
- Thứ hai : Yêu nước ngày nay gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội . Yêu nước ngày nay phải trên cơ sở lập trường của giai cấp công nhân.
- Thứ ba : Yêu nước gắn liền với Chủ nghĩa Quốc tế vô sản. Nghĩa là yêu đất nước mình nhưng không xâm phạm đến lợi ích của các dân tộc khác. Yêu đất nước quê mình nhưng không rơi vào những biểu hiện cực đoan như chủ nghĩa dân tộc nước lớn, chủ nghĩa chủng tộc.

4.2. Chủ nghĩa Quốc tế XHCN :

a/ Khái niệm chủ nghĩa Quốc tế XHCN :

Chủ nghĩa Quốc tế xã hội chủ nghĩa là ý thức, tình cảm kính trọng các dân tộc khác, là tinh đoàn kết nhân dân lao động trên toàn thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

b/ Cơ sở của chủ nghĩa Quốc tế XHCN :

Chủ nghĩa Quốc tế xã hội chủ nghĩa xuất phát từ quan điểm coi mọi quốc gia, dù lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu, giàu hay nghèo, văn minh hay lạc hậu.v.v...đều bình đẳng và đều có quyền tự do sống theo cách của mình.

c/ Nội dung của chủ nghĩa Quốc tế XHCN.

- Thứ 1 : Đoàn kết với các nước, các dân tộc khác để bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia. "Vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới đoàn kết lại".
- Thứ 2 : Ngày nay trong xu thế khách quan toàn cầu hóa, yêu cầu chủ nghĩa quốc tế phải có nội dung mới :
- Thực hiện quan hệ quốc tế đồng thời giữ vững nguyên tắc bình đẳng và đôi bên cùng có lợi, không can thiệp nội bộ của nước khác.
- Đối với Việt Nam , ta hòa nhập về kinh tế chứ không hòa nhập về chính trị, Việt Nam thực hiện nguyên tắc mỗi quốc gia dân tộc có quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của dân tộc mình.

Chủ nghĩa tập thể

5.1. Khái niệm

a/ Chủ nghĩa tập thể là tổng hợp tư tưởng và hành vi đạo đức thể hiện quan điểm về quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng (lợi ích cộng đồng có 2 loại : lợi ích tập thể mà cá nhân đó là thành viên, lợi ích xã hội với tư cách là toàn thể các thành viên), là xu hướng kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội.

b/ Tinh thần tập thể : Chủ nghĩa tập thể được từng cá nhân tiếp thu hình thành tinh thần tập thể ở mỗi cá nhân.

5.2. Cơ sở đạo đức của chủ nghĩa tập thể:

Chủ nghĩa tập thể có cơ sở ở sự hợp tác và tương trợ :

a/ Chủ nghĩa tập thể bao gồm sự hợp tác được quy định bởi sự phân công lao động xã hội. Sự hợp tác do phân công lao động xã hội là tiền đề của đạo đức, là cơ sở của sự phát triển xã hội, nhưng tự nó không phải là chủ nghĩa tập thể.

b/ Ngoài sự hợp tác có ý nghĩa tất yếu khách quan lại có thêm sự tương trợ về vật chất và tinh thần tự nguyện trong chủ quan và được quy định bởi ý thức về sự thống nhất lợi ích giữa những lao động. Hợp tác và tương trợ không những là hình thức tương quan kinh tế, chúng còn là hình thức đạo đức giữa người và người.

5.3. Nội dung của chủ nghĩa tập thể XHCN:

Chủ nghĩa tập thể biểu hiện ở sinh hoạt cộng đồng và cả ở sinh hoạt cá nhân :

a/ Trong sinh hoạt động đồng, chủ nghĩa tập thể yêu cầu :

- Tương trợ trên tinh thần đồng chí, đồng nghiệp giữa tập thể và cá nhân, giữa cá nhân và cá nhân, giữa tập thể này và tập thể kia.
- Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể và tập thể đối với cá nhân. Cá nhân tôn trọng tập thể và tập thể quan tâm đến cá nhân.
- Luôn tìm cách kết hợp hài hòa 3 lợi ích: cá nhân, tập thể và xã hội.
- Chống lại chủ nghĩa cá nhân và chống lại chủ nghĩa "phường hội"

b/ Đối với chính mình, một người có tinh thần tập thể chân chính khi người đó lo lắng cho bản thân mình không chỉ đơn thuần để cho riêng mình có thể sinh sống đàng hoàng mà cốt là để sống cho xứng đáng làm người tức là phục vụ con người, phục vụ tập thể và phục vụ xã hội. Đối với người như thế, sự quan tâm đến hạnh phúc riêng vừa là phương tiện vừa là mục đích. Xã hội do những cá nhân hợp thành nên xã hội không thể có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của những cá nhân. Lợi ích cá nhân được hiểu một cách đúng đắn bao giờ cũng là sự hài hòa với lợi ích xã hội. Mác, Anghen viết trong "Tuyên ngôn Đảng Công sản": "Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của mọi người", "sự giải phóng xã hội là điều kiện cho sự giải phóng cá nhân". Chúng ta mong muốn xã hội được giải phóng. được ấm no và hạnh phúc là để cho cá nhân được no ấm và hạnh phúc. Không đấu tranh cho hạnh phúc của toàn thể xã hội thì không đạt được hạnh phúc cho mỗi cá nhân. Chỉ trong tập thể, cá nhân mới có thể tiếp nhận được những phương tiện tạo cho họ khả năng phát triển toàn diện. Do đó chỉ trong tập thể tốt thì tự do chính đáng của cá nhân mới có thể thực hiện được.

5.4 Hình thức quan hệ giữa những thành viên trong tập thể :

Tình bạn và tình đồng chí là những tình cảm tự nhiên bắt nguồn từ tình yêu đối với lao động và người lao động.

a/ **Tình đồng chí:**

Các thành viên của tập thể, cùng làm chung công việc với nhau coi nhau là đồng chí. Tình đồng chí là hình thức cơ bản trong quan hệ tập thể. Nó đòi hỏi lòng thông cảm và tinh thần giúp đỡ.

b/ Tình bạn :

- Đạo đức của chúng ta yêu cầu quý trọng người lao động. Nhưng con người do những đặc điểm cá tính và những điều kiện sinh hoạt cụ thể riêng nên không thể yêu quý mọi người như nhau. Có những đồng chí mình thích nhiều, có những đồng chí mình thích ít hơn. Với những người mình thích hơn, hợp với tính tình của mình thì quan hệ gần gũi và đầm ấm hơn, trong trường hợp này phát sinh một loại tình cảm đối với đồng chí, người ta gọi là tình bạn.

- Những nhân tố sau đây có thể là nguồn gốc của tình bạn chân chính:
- Thống nhất về những xu hướng và lợi ích căn bản.
- Gần nhau về điều kiện sinh hoạt và lao động.
- Phù hợp về tính tình.
- Cảm tình chủ quan cá nhân.
- Yêu cầu đạo đức của tình bạn chân chính :

Tình bạn chân chính có cơ sở ở sự công bằng và điều thiện. Yêu cầu đạo đức của tình bạn là thông cảm, tận tình và lòng yêu mến nhau. Lòng thông cảm phải biểu hiện trong khi buồn cũng như trong khi vui, càng đặc biệt đáng quý trong cảnh hoạn nạn. Tình bạn chân chính còn yêu cầu phải tôn trọng và trung thành với nhau. Tôn trọng và trung thành với nhau là cơ sở để hy sinh cho bạn.

Yêu lao động

6.1. Khái niệm lao động:

Lao động là hoạt động có ý thức và có mục đích của con người nhằm cải biến tự nhiên, xã hội ra tạo sản phẩm đáp nhu cầu của con người.

6.2. Lao động là điều thiện cao nhất :

a/ Lao động là điều thiện có giá trị bậc nhất bởi vì lao động hầu như bao quát toàn bộ cuộc sống con người. Lao động đem lại cho con người phương tiện để tồn tại cũng như hạnh phúc cao nhất. Những yếu tố khác chẳng hạn như thời gian nhàn rỗi, nghỉ ngơi, giải trí... đều phục vụ cho lao động và chỉ có ý nghĩa trong lao động sáng tạo. Không lao động thì mọi hạnh phúc khác đều không bền vững hoặc không thể đạt được. Những người lười biếng sẽ không bao giờ biết là chỉ ở trong hoạt động mới có nghỉ ngơi. Mọi việc nếu ta muốn thành công đều phải trả bằng cái giá lao động.

b/ Lao động còn là điều thiện bậc nhất vì lao động thể hiện bản chất người. Nhờ lao động và thông qua lao động con người từng bước hoàn thiện cả về thể chất lẫn tinh thần của mình. Lao động với tính cách là lao động sản xuất, là cơ sở hình thành xã hội và đảm bảo sự tồn tại của xã hội. Trong lao động con người chẳng những sáng tạo những giá trị vật chất và tinh thần mà còn hình thành và phát triển các quan hệ xã hội tương ứng. Đời sống cộng đồng được phát triển trong lao động, con người trong cộng đồng cảm thụ được những giá trị đạo đức

của sự thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, lòng biết ơn, sự kính trọng, ý nghĩa cao đẹp của phẩm giá con người.

c/ Lao động là phương thức nhờ đó con người kế thừa và thể hiện lòng biết ơn một cách thiết thực đối với thế hệ đã qua và thái độ trách nhiệm đối với thế hệ tương lai. Điều đó làm cho lịch sử nhân loại hiện ra như lịch sử lao động sáng tạo và hoàn thiện bản thân con người.

d/ Ngoài ra giá trị lao động còn thể hiện ở những mặt khác như giá trị kinh tế, giá trị trí tuệ, giá trị thẩm mỹ.

Với toàn bộ những giá trị do lao động tạo ra. Lao động mang giá trị đạo đức cao đẹp.

6.3. Biểu hiện của yêu lao động :

Vì lao động là điều thiện có giá trị bậc nhất nên chỉ người nào yêu lao động, người ấy mới có thể trở thành người tốt và lương thiện. Đặc trưng thứ nhất, đặc trưng cụ thể và sơ đẳng nhất của đạo đức là thái độ yêu lao động. Yêu lao động thể hiện:

a/ Lao động tự giác, hăng say và sáng tạo .

b/ Đạo đức mới trong lao động bao hàm thái độ tự giác của những người lao động biết quý trọng, giữ gìn, thành quả lao động của mình, biết bảo vệ của công. Người yêu lao động không phải chỉ yêu thích sự lao động như một quá trình sáng tạo mà còn yêu quý thành quả lao động. Thái độ yêu lao động và thái độ quý trọng của công liên quan mật thiết với nhau. Đồng thời tình cảm hay thái độ tôn trọng của công là tôn trọng sự sáng tạo của con người.

c/ Thái độ xã hội chủ nghĩa đối với lao động là lao động cần cù, tiết kiệm và lao động với năng suất, hiệu quả cao.

d/ Thái độ biết yêu quý người lao động. Yêu lao động cũng bao hàm việc tích cực đấu tranh xoá bỏ bóc lột bởi vì trong xã hội còn người bóc lột người thì lao động của con người bị tha hóa, tính sáng tạo của người lao động bị hạn chế.

Chủ nghĩa Mác - Lênin dự báo rằng lao động là điều kiện phát triển bản thân con người, lao động trở thành nhu cầu của con người khi xã hội không còn người bóc lột người . Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội dựa trên cơ sở kinh tế xã hội không còn người bóc lột người. Đó là xã hội vừa tạo điều kiện vừa đòi hỏi lao động là một nghĩa vụ, là tiêu chuẩn để khẳng định và hoàn thiện nhân cách của con người.

Yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên.

7.1. Yêu Thiên nhiên là một nguyên tắc quan trọng của đạo đức :

a/ Thiên nhiên là một phần tất yếu của sự sống con người :

Yêu thiên nhiên là một nguyên tắc quan trọng của đạo đức. Bởi vì thiên nhiên là kho tàng chứa đựng mọi cái cần thiết cho đời sống con người, cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Vì lợi ích của con người, của xã hội, của nhân loại mà

chúng ta phải có thái độ yêu quý và bảo vệ thiên nhiên chứ không chỉ đơn giản vì vẻ đẹp của nó. Chính vì vậy yêu thiên nhiên cũng vừa là nội dung, vừa là biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo.

b/ Vấn đề môi trường - dân số và phát triển là ba vấn đề có tính toàn cầu. Dân số - môi trường là chìa khoá của sự phát triển nếu chúng ta biết tác động vào chúng đúng qui luật.

c/ Vấn đề bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường không chỉ là vấn đề của nhà nước, của pháp luật mà còn là vấn đề đạo đức. Hiện nay toàn thế giới đang phải đối phó với các nguy cơ lớn: suy giảm tầng Ozon, khí hậu thay đổi, mực nước biển dâng cao, nạn khô kiệt tài nguyên do quá nhiều chất thải, do mất rừng.v.v....Khẩu hiệu: “Hãy cứu lấy hành tinh chúng ta” là một khẩu hiệu hành động đạo đức cho mỗi người chúng ta.

Do vậy đạo đức xã hội chủ nghĩa coi thái độ yêu quý thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên là một nguyên tắc không thể thiếu được trong đời sống đạo đức con người.

7.2. Yêu cầu đạo đức của việc bảo vệ thiên nhiên :

- Bảo vệ môi trường yêu cầu phải chống lại tình trạng phá hoại thiên nhiên, gây ô nhiễm gây suy thoái môi trường
 - Phải cải thiện và phát triển, tôn tạo môi trường.
- Hai yêu cầu cơ bản này kết hợp chặt chẽ với nhau.

*** MÃY KẾT LUẬN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC**

- Giáo dục học sinh thành con người mới xã hội chủ nghĩa thì phải giáo dục họ các nguyên tắc chủ yếu của đạo đức xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên nội dung đó phải được trình bày dưới những hình thức phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh theo từng lứa tuổi theo một chương trình giảng dạy, giáo dục phù hợp với trình độ.
- Việc giáo dục những nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa bao gồm trong bản thân nó cả sự giáo dục những truyền thống đạo đức nhân bản và dân tộc phù hợp với truyền thống tâm lý và văn hóa Việt Nam cũng như với điều kiện và trình độ phát triển hiện tại của xã hội ta. Nếu không nh thõ sự giáo dục đó chỉ là sự giáo dục lý tưởng, xa vời, chung chung, kém hiệu quả.
- Năm điều Bác Hồ dạy cũng là sự diễn đạt những nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa dưới một hình thức giản dị nhất và phù hợp với lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Chương V : Phẩm chất đạo đức trong đời sống

*** Ý nghĩa của phẩm chất đạo đức trong đời sống hằng ngày:**

Tính chất ổn định và mức độ thành thực của một nền đạo đức nhất định phải được thể hiện trong nếp sống hằng ngày. Đạo đức của mỗi người như thế nào thường in dấu qua nếp sống hằng ngày của họ. Lý tưởng sống cao đẹp ở con người phải đi liền với một nếp sống hằng ngày trong sáng và lành mạnh. Tin vào lý tưởng cũng có nghĩa là sống sao cho xứng đáng với lý tưởng ấy. Không có một sự đứt đoạn nào giữa giữ vững phẩm chất đạo đức trong đời sống hằng ngày với giữ vững nguyên tắc đạo đức cơ bản ở một con người. Do tính nhất quán như vậy của đời sống đạo đức nên trách nhiệm giữ vững phẩm chất đạo đức trong đời sống hằng ngày gắn liền với những trách nhiệm đạo đức khác.

Đạo đức mới trong chiến đấu

1.1. Khái niệm chiến đấu :

Khi đất nước có chiến tranh, cần phân biệt chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa. Theo quan niệm mới chiến tranh không chỉ mang nội dung chính trị - xã hội mà còn hàm chứa nội dung đạo đức sâu sắc. Theo ý nghĩa đó “chiến đấu” dùng để chỉ hoạt động của các chiến sĩ, những lực lượng, những đội quân tiến hành chiến tranh vì mục đích chính nghĩa.

1.2. Yêu cầu đạo đức mới trong chiến đấu :

a/ Chiến tranh chính nghĩa bao giờ cũng là những cuộc chiến tranh vô cùng gian khổ, khốc liệt và đòi hỏi sự hy sinh to lớn của những người chiến sĩ, của giai cấp bị áp bức.

b/ Cuộc chiến đấu sẽ không thể thắng lợi được nếu nó tách rời sức mạnh của nhân dân. Muốn chiến thắng kẻ thù, các chiến sĩ cách mạng phải tiêu biểu cho xu hướng tiến bộ nhất, tiêu biểu cho ý chí kiên định, lòng dũng cảm, mưu lược và những phẩm chất đạo đức cao đẹp. Bác Hồ vẫn thường căn dặn cán bộ, chiến sĩ phải làm sao cho “dân tin”, “dân phục”, “dân yêu”.

c/ Trong quân đội người cán bộ chỉ huy, người lãnh đạo có vị trí cực kỳ quan trọng. người sĩ quan quân đội cách mạng không thể chỉ “tinh thông binh pháp” mà còn phải thực sự là tấm gương trong đời sống. Nhiều cán bộ chỉ huy trong quân đội nhân dân chúng ta đã trở thành những anh hùng, những nhà quân sự lỗi lạc. Ở họ, chúng ta không chỉ thấy tài thao lược mà cả lòng nhân ái, thương yêu chiến sĩ, đồng đội, tính khiêm tốn trong đời sống và sự nỗ lực không ngừng trong học tập. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh đến tư cách của người cán bộ lãnh đạo. Người nói “Trong quân đội, nhiệm vụ của người tướng là: Trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung”

d/ Trong thời kỳ hòa bình, đấu tranh là cảnh giác, bảo vệ thành quả của cách mạng, bảo vệ an ninh quốc phòng. Ngay cả trong thời kỳ hoà bình, khi xã hội còn giai cấp thì cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp cách mạng để xây dựng một xã hội mới cũng là cuộc đấu tranh giai cấp để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng

xã hội mới là cuộc đấu tranh không chỉ riêng cho những chiến sĩ quân đội mà là cuộc đấu tranh với sự tham gia của toàn thể nhân dân lao động. Người có đạo đức phải có dũng khí đấu tranh, cuộc đấu tranh tuy thẳm lạng nhưng đòi hỏi lòng trung thành với nhân dân, sự dũng cảm cao độ và đầy mưu trí mới có thể vượt qua được những thử thách đôi khi phức tạp nhiều lần hơn so với cuộc đấu tranh chống kẻ thù bằng súng đạn.

Đạo đức mới trong học tập

2.1. Học tập tốt là đạo đức :

a/ Học tập chẳng những là nhu cầu khách quan, nhu cầu của xã hội đối với con người mà còn là nhu cầu của mỗi người trong xã hội. Điều đó dễ hiểu vì sao với tri thức nhân loại, sự phong phú của cuộc sống và sức phát triển không ngừng đi lên của xã hội, thì bất cứ tri thức nào của một cá nhân dù đó là cá nhân kiệt xuất của thời đại cũng vẫn là nhỏ bé. Vì vậy mỗi con người cần phải “Học, học nữa, học mãi”. “ Học, không học thì không trở thành người cộng sản”. (Hồ Chí Minh và vấn đề giáo dục, t127).

b/ Học tập là một nghĩa vụ đạo đức gắn liền với nghĩa vụ chiến đấu và lao động. Đó là cuộc chiến đấu hướng vào bản thân nhằm chiến thắng dốt nát, nắm bắt tri thức để phát triển con người toàn diện.

- Trước những yêu cầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, nhiệt tình cách mạng chưa thể biến lý tưởng cách mạng thành hiện thực mà vấn đề quan trọng hơn là năng lực hành động cách mạng. Lênin nhấn mạnh: Người cộng sản phải biết làm giàu trí tuệ của mình bằng tất cả kho tàng tri thức của nhân loại.

c/ Trong hoàn cảnh nước ta, học tập trở thành một nghĩa vụ bức thiết. Thảm thía nỗi khổ của sự dốt nát, nhân dân ta vốn mang nguyện vọng thiết tha là được học hành. Ngay khi cách mạng Tháng tám thành công, Hồ Chủ Tịch đã nêu khẩu hiệu chiến đấu cho toàn quốc “ Chống giặc dốt”. Từ bấy đến nay, học tập trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Phát huy truyền thống hiếu học đó, nhân dân Việt Nam hoàn toàn có thể vươn lên trình độ tiên tiến của loài người để mở ra một thời kỳ mới cho đất nước.

d/ Thời đại chúng ta là thời đại mà khoa học đã đưa con người vào vũ trụ, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, nhân dân ta phải nhanh chóng nắm lấy những thành tựu khoa học và kỹ thuật của thế giới. Tình hình đó yêu cầu mỗi người, đặc biệt là lớp trẻ phải suy nghĩ về trách nhiệm của mình trong việc không ngừng học tập để làm chủ khoa học - kỹ thuật và làm chủ đất nước.

2.2. Yêu cầu đạo đức trong học tập :

a/ Học tập là quá trình lao động gian khổ, đòi hỏi nhiều đức tính của con người mới. Phải rèn luyện những đức tính, tình cảm, tập quán tốt trong học tập. Một trong những yếu tố quan trọng là phải có tinh thần say mê học tập và nghị lực. Sự say mê như một hoài bão, ước mơ cao đẹp của con người phải dựa trên những nhu cầu của thực tiễn xã hội và lịch sử. Ước mơ, hoài bão ấy phải thấm

đượm lòng nhân ái và ý thức nghĩa vụ. Nếu nguyện vọng, hoài bão của việc học tập chỉ xuất phát hoàn toàn từ lợi ích thuần túy cá nhân, thoát ly lợi ích và nhu cầu của xã hội thì ước mơ ấy có khả năng bị chống lại từ mọi phía. Mác đã chỉ ra rằng những con người khổng lồ, những tài năng kiệt xuất có thể ra đời ở thời đại này hoặc thời đại khác thì ngoài phẩm chất cá nhân cần thiết còn là vì họ được sự cổ vũ của thời đại ấy. Chính sự cổ vũ ấy của xã hội, của thời đại là chiếc nôi nuôi dưỡng ý chí quyết tâm, lòng dũng cảm để con người vượt lên khó khăn và đạt đỉnh cao của văn hoá nhân loại.

b/ Yêu cầu đạo đức đối với thanh niên còn bắt nguồn ngay chính từ bản chất của tri thức khoa học. Bản thân khoa học là vấn đề chân lý. Nó là hệ thống tri thức của loài người về các quy luật khách quan. Vì vậy, bản thân việc học tập yêu cầu phải trung thực, không chấp nhận tính vô nguyên tắc, cơ hội, bợ đỡ và những thói xấu đạo đức khác. Thiếu lòng dũng cảm, tính tổ chức kỷ luật, tình đoàn kết, yêu thương, kính trọng và giúp đỡ của bạn bè, đồng chí, thiếu đức tính khiêm tốn thì khó có thể tiến hành học tập có kết quả chứ đừng nói đến trở thành một nhà khoa học chân chính. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn mọi người trong học tập:

- “Phải khiêm tốn, thật thà”, “kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập”.
- “Phải tự nguyện tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cách mạng phải hoàn thành cho được”, do đó “không lùi bước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập”.
- “Phải bảo vệ chân lý, phải có nguyên tắc tính, không được ba phải, điều hòa”.
- “Phải đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau học tập”.

c/ Học tập là một quá trình tiếp nhận và sáng tạo. Học tập chỉ có ý nghĩa khi biết hướng việc nghiên cứu học tập vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn xã hội, thực tiễn đất nước. Lênin nói: Nếu học chủ nghĩa cộng sản chỉ là nắm những cái đã trình bày trong các tác phẩm và sách vở nói về chủ nghĩa công sản thì chúng ta rất dễ tạo ra những tên một sách hay những kẻ khoác lác về chủ nghĩa cộng sản và như thế thì thường nguy hại và tổn thất cho chúng ta.

d/ Đạo đức mới của chúng ta đòi hỏi mọi người phải nêu tấm gương về tinh thần học tập cho con em, đồng thời phải coi việc chăm lo giáo dục và quan tâm đến sự học tập, tiến bộ của thế hệ trẻ là một nghĩa vụ xã hội. Lớp người trước phải tạo nên một động lực thúc giục lớp thanh niên phấn đấu học tập để trở thành những người lao động có phẩm chất tốt, nghề nghiệp giỏi, đóng góp xứng đáng vào công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

e/ Đạo đức trong học tập còn thể hiện ở việc giữ gìn và phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo”, tạo mối quan hệ thầy trò tốt đẹp để đất nước có nhiều thầy giỏi, trò giỏi, tiếp tục truyền thống anh hùng của nhân dân ta trong chiến đấu, lao động và học tập.

Đạo đức mới trong giao tiếp

3.1. Giao tiếp là một nhu cầu đạo đức :

Con người suốt đời có nhu cầu giao tiếp với người khác. Bản năng con người sợ cô độc trong quá trình đấu tranh sinh tồn. Giao tiếp để con người thông tin cho nhau, trao đổi kinh nghiệm, giao lưu văn hóa... Qua giao tiếp, con người hiểu nhau hơn, giúp đỡ hợp tác nhau trong cuộc sống, giao lưu với nhau về vật chất lẫn văn hoá tinh thần. Giao tiếp là sự cụ thể hoá những quan hệ xã hội giữa người và người, nó thể hiện tính người của con người.

3.2. Yêu cầu đạo đức trong giao tiếp :

a/ Đạo đức trong giao tiếp là giản dị, tế nhị và chân thành. Biểu hiện đạo đức trong giao tiếp hằng ngày là phép lịch sự hay phép xã giao. Phép xã giao là những quy ước của xã hội về cách thức biểu lộ thái độ, tình cảm trong quá trình giao tiếp. Phép xã giao nếu vượt quá mức cần thiết trong quan hệ cụ thể giữa người và người thì trở thành một sự bày vẽ khách sáo và nếu phép xã giao không thể hiện mối quan hệ thật lòng thì nó không nâng cao mà trái lại làm hạ thấp nhân cách con người. Xã giao của chúng ta lấy sự chân thành và giản dị làm giá trị. Tuy nhiên giản dị và chân thành không có nghĩa là không cần phải lịch sự, tế nhị.

b/ Đạo đức trong giao tiếp yêu cầu xã giao của chúng ta phải thể hiện truyền thống văn minh, thái độ ân cần, phong cách tế nhị của người Việt Nam. Xã giao phải phản ánh trình độ văn hoá, thẩm mỹ... tiêu biểu cho tính cách con người Việt Nam. Tính dân tộc, khoa học và hiện đại là cơ sở để xây dựng những thể thức tốt đẹp hướng dẫn thái độ và cử chỉ của con người trong giao tiếp.

c/ Giao tiếp thể hiện đậm nét “tính người” nên đạo đức trong giao tiếp không thể thiếu sự kính trọng và tin tưởng nhau. Người cán bộ đi sâu vào nhân dân, nhân viên tiếp xúc với khách hàng, người cảnh sát trông nom trật tự trên đường phố, bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân... nói chung các hoạt động của con người không chỉ là những hình thức của lao động mà còn là đạo đức trong giao tiếp, ở đó phải có thái độ yêu quý và tôn trọng con người. Những cử chỉ thô bạo, lạnh lùng, những tiếng cáu gắt, thô tục, sự phân biệt đối xử tùy theo tiền tài, địa vị, cấp bậc, sang hèn... đều làm xấu đi quan hệ giữa người với người trong giao tiếp, xa lạ với truyền thống nhân ái của người Việt Nam.

Đạo đức trong tình yêu, hôn nhân và gia đình

4.1. Đạo đức trong tình yêu:

Thật khó có thể đưa ra được một khái niệm nào khả dĩ bao hàm được đầy đủ nội dung của tình yêu. Ở đây chúng ta khái quát những nét cơ bản nhất của tình yêu dưới góc nhìn từ góc nhìn của đạo đức học Mác - Lênin.

a/ Ý nghĩa của tình yêu trong đời sống :

Tình yêu chân chính làm cho con người tràn đầy niềm vui và hạnh phúc. Nó thúc đẩy cá nhân sáng tạo, luôn vươn tới cái cao thượng và nhân ái. Tuy nhiên hạnh phúc trong tình yêu cũng mang tính tương đối. Trong tình yêu thường có sự thống nhất giữa niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ.

b/ Cơ sở của tình yêu chân chính :

- Tình yêu nam nữ có cơ sở tự nhiên và xã hội, trong đó yếu tố xã hội là quyết định. Tình yêu là hình thức quan hệ giữa nam và nữ. Tình yêu có yếu tố tự nhiên, bản năng sinh học. Đó là sự khát khao về mặt cơ thể giữa 2 giới. Mặt khác tình yêu còn mang tính xã hội. Đạo đức học Mác-xít không coi thường yếu tố bản năng trong tình yêu. Nhưng bản năng ấy không tồn tại đơn thuần là bản năng sinh học mà được biến đổi mang tính người. Cho nên tình yêu được quyết định bởi những yếu tố xã hội, ý thức xã hội của con người. Tình yêu không tách rời tâm lý, đạo đức, thẩm mỹ... Tình yêu phản ánh lý tưởng xã hội thông qua những ước muốn mang tính xã hội của nam và nữ. Tình yêu là một hiện tượng luôn biến đổi và phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội. Ngay từ thời cổ đại, người ta cho rằng sức hút con người có tâm hồn, trí tuệ và thân xác. Sức hút của thân xác tạo sự ham muốn, đam mê tình dục; sức hút của trí tuệ tạo sự kính trọng ; sức hút của tâm hồn tạo tình bạn. Tình yêu có cả 3 sức hút ấy.
- Sự cảm xúc thẩm mỹ về nhau. Tình yêu có cơ sở từ những cảm xúc phong phú về thẩm mỹ, cao đẹp về đạo đức hòa quyện với nhau. Trong đó có sự thống nhất giữa cái thiện, cái trong sáng thanh cao và cái tuyệt mỹ, cái dũng cảm và cái hùng tráng, cái hài hòa và cái lịch duyệt, tế nhị.v.v..
- Cơ sở tình bạn. Sự thống nhất về đạo đức, thị hiếu và xu hướng phần lớn phụ thuộc vào sự gắn gũi về trình độ văn hoá và trình độ phát triển trí tuệ. tất cả những yếu tố này sẽ biến thành sự tương ứng và sự phù hợp về tính cách. Đây là ngọn nguồn mạnh mẽ nhất của tình yêu. Như vậy một nội dung quan trọng của tình yêu là tình bạn chứ không chỉ là rung động thẩm mỹ. Tình bạn là khởi đầu của tình yêu và cũng là cơ sở lâu bền của tình yêu. Nếu thiếu sự tôn trọng nhau như tình bạn chân chính thì dễ dẫn đến xúc phạm lòng tự trọng, tự ái và ý thức về nhân phẩm của một trong hai bên, dễ dẫn đến sự bội bạc.
- Sự tự nguyện giữa hai chủ thể. Về bản chất, tình yêu là cái không thể san sẻ được nhưng điều đó không có nghĩa là tình yêu là một cái gì độc đoán. Vì thế không ai có thể buộc người khác phải yêu mình. Chúng ta thông cảm với những người yêu mà không được đáp lại, nhưng chúng ta phản đối những thói ghen tương thô bạo, ích kỷ, những thủ đoạn đê hèn trong tình yêu.

c/ Yêu cầu đạo đức của tình yêu chân chính :

- Tình yêu có tính hoàn toàn riêng giữa 2 người, khó mà đem một tiêu chuẩn xã hội nào để giải thích. Nó là sự lựa chọn của con tim. Về phương diện đạo đức, tình yêu chân chính không chỉ là sự ham mê tình dục. Tình yêu là sự say mê nhưng là sự say mê cao quý. Nó mang giá trị đạo đức nếu sự biểu hiện cụ thể của nó không mâu thuẫn với những tập quán lành mạnh và có lợi cho xã hội. Sự say mê tình dục thì ngay từ đầu nó đã mang nguy cơ tiêu vong vì thị hiếu sẽ biến đổi và ham mê tình dục sẽ suy giảm dần dần do kết quả của sự bảo hoà.
- Tình yêu có một yêu cầu khác cốt yếu hơn, đó là sự tôn trọng lẫn nhau và sự thủy chung. Sự tôn trọng nhau và sự thủy chung là những giá trị tinh thần không bao giờ làm người ta chán. Sự tôn trọng và thủy chung không thể có được nếu

giữa 2 người không có lý tưởng đạo đức chung, nhưng thị hiếu và xu hướng chung.

- Đạo đức trong tình yêu đòi hỏi những biểu hiện của tình yêu phải phù hợp với truyền thống văn hoá, tâm lý của dân tộc. Ở Việt Nam, xưa nay quan niệm chung thủy phải trọn vẹn cả về tình cảm và tình dục. Đồng thời chung thủy trong tình yêu bao hàm sự nuôi dưỡng, chăm sóc cho tình yêu.
- Tình yêu bền vững bao giờ cũng chú trọng sự chín chắn về đạo đức, ý thức nghĩa vụ, trách nhiệm trước số phận của nhau, danh dự và lương tâm con người. Sự thống nhất giữa hạnh phúc và nghĩa vụ tạo nên cơ sở đạo đức của tình yêu. Ngay trong quá trình yêu nhau cũng phải đấu tranh để cho người mình yêu khắc phục nhược điểm.
- Trong tình yêu sự thận trọng không phải là thừa vì tình yêu là sự hòa hợp giữa hai tâm hồn trên cơ sở những điểm chung. Nhưng đó không phải là hai tâm hồn hoàn toàn giống nhau. Sự lựa chọn giữa lý trí và con tim không phải lúc nào cũng ăn khớp. Nhất là trong giao đoạn đầu tiên, sự “say đắm” trong tình yêu làm cho con người thường có xu hướng lý tưởng hoá người mình yêu vì vậy sự thận trọng có thể giúp con người tránh được những sai lầm trong tình yêu.

4.2. Đạo đức trong hôn nhân:

a/ Hôn nhân phải dựa trên tình yêu chân chính :

- Sự phát triển tự nhiên của tình yêu sẽ thành hôn nhân. Hôn nhân tạo điều kiện cho tình yêu phát triển đến đỉnh cao. Hôn nhân vì tình yêu là hôn nhân có tình yêu, hôn nhân hợp với quy luật, hợp với đạo lý. Có thể nào có tình yêu mà không cần hôn nhân? Về lý tưởng, tình yêu phải có hôn nhân. Hôn nhân thể hiện sự hợp đồng trách nhiệm trong tình yêu.
- Tình yêu phải có hôn nhân và ngược lại hôn nhân phải có tình yêu. Nếu không, có thể người ta đi tìm tình yêu ngoài hôn nhân và thường dẫn con người đến đau khổ. Hôn nhân không có tình yêu là vô đạo đức vì nó hạ thấp nhân phẩm con người. Đồng thời chỉ có sự kết hôn trong đó tình yêu tiếp tục thì hôn nhân mới có giá trị đạo đức.

b/ Tôn trọng và thủy chung :

Hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu cho nên đạo đức trong hôn nhân đòi hỏi phải có sự tôn trọng và thủy chung. Chung thủy trong hôn nhân là phải giữ cho tình yêu và sự say mê lâu bền giữa vợ chồng. Sự say mê lâu bền gắn liền với sự tôn trọng lẫn nhau : vợ chồng phải coi trọng ý kiến và tính tình của nhau, thường xuyên quan tâm đến việc thoả mãn những nhu cầu lành mạnh và nguyện vọng hợp lý của nhau. Điều chủ yếu không phải là ở chỗ mình làm được gì cho vợ hoặc chồng mình mà vấn đề là ở chỗ mình cố gắng làm và mình muốn làm. Trong tình yêu và hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và tự do nhưng tự do trong tình yêu không có nghĩa là cứ việc chạy theo say mê mới. Tự do lựa chọn một cách tự nguyện trong tình yêu và hôn nhân không có nghĩa là bất chấp luật pháp và buông thả mình theo những khát vọng bản năng. Nói đến tình yêu và hôn nhân là nói đến cái tình cảm nghiêm chỉnh không dính dáng gì đến thói yêu đương giây lát và thay đổi liên tục nhân tình.

4.3. Đạo đức trong gia đình:

a/ Qui luật đạo đức trong quan hệ gia đình :

Trong gia đình, vợ chồng càng gắn bó nhau nhờ đứa con. Đứa con là sự tiếp tục giống nòi của vợ và chồng, là hiện thân của sự liên kết giữa vợ chồng, là sự tổng hợp độc đáo những đặc tính thể chất và tinh thần của cha và mẹ, là cầu nối giữa cha mẹ thông qua việc cha mẹ cùng nghĩa vụ nuôi dạy con, là nhân tố làm cha mẹ yêu nhau hơn vì đứa con yêu cả cha mẹ.

Một quy luật đạo đức trong tình yêu của cha mẹ đối với con là cha mẹ không được coi đứa bé là nguồn vui thú và hạnh phúc của mình mà ngược lại phải coi chính mình là nguồn vui sướng và hạnh phúc của đứa bé.

b/ Yêu cầu đạo đức của những người làm bố mẹ:

- Cha mẹ phải có trách nhiệm giáo dục con về mọi mặt thể dục, trí dục và đạo đức. Việc nuôi dạy con không chỉ là nghĩa vụ đạo đức của cha mẹ mà còn là nghĩa vụ pháp lý nữa.
- Cha mẹ phải quan tâm đến việc đảm bảo đời sống vật chất cho gia đình. Đây là yêu cầu sơ đẳng, cần thiết. Điều chủ yếu cha mẹ phải làm sao cho gia đình là nguồn vô tận của sự phát triển văn hoá, vui thú và hạnh phúc của các thành viên trong gia đình. Cha mẹ không những có trách nhiệm làm hết khả năng để đảm bảo cho con những phúc lợi vật chất và tinh thần mà còn có trách nhiệm xây dựng tình bạn với con. Nếu cha mẹ có một quyền uy quá lớn sẽ làm cho trẻ không dám thổ lộ với cha mẹ những điều thầm kín, niềm vui, nỗi buồn của mình. Trẻ đang lớn lên hay phạm phải sai lầm vì thiếu hiểu biết và tính hiếu kỳ. Đương nhiên những người bạn cùng trang lứa cũng non nớt trong cuộc đời như nó, không thể có một lời khuyên hữu ích. Quan hệ tình bạn với bố mẹ là khả năng tốt nhất để người con có được người bạn trung thành và có kinh nghiệm.
- Cha mẹ phải tạo bầu không khí ấm cúng, yêu thương nhau trong gia đình, vì trẻ lớn lên bao giờ cũng đi tìm nguồn cảm hứng tích cực, nó đi tìm sự ấm cúng và âu yếm của tình người. Nếu gia đình không hạnh phúc, tâm hồn đứa trẻ sẽ hướng ra ngoài và như vậy trẻ dễ đi vào con đường xấu.
- Ly hôn là trường hợp diễn ra khi một khi tình cảm đã cạn dần hoặc nhiều nguyên nhân khác. Đây là trường hợp mà những người làm bố mẹ phải cân nhắc cẩn thận bởi vì hậu quả của ly hôn thường là ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường của đứa con.

c/ Đức hạnh của con - sự đền bù chính cho công lao cha mẹ:

- Nghĩa vụ căn bản và cốt yếu của người con là đem lại hạnh phúc cho cha mẹ. Cha mẹ chỉ thực sự hạnh phúc khi thấy rằng mình đã giáo dục được một người công dân xứng đáng. Những người con đền bù công lao cha mẹ không chỉ bằng vật chất mà còn bằng việc chính mình là những thành viên xứng đáng và có đức hạnh của xã hội. Như vậy cha mẹ mới cảm thấy như chính mình làm tròn nghĩa vụ đối với xã hội.
- Nghĩa vụ của con đối với cha mẹ phải được quan tâm ngay khi cha mẹ còn sống cả khi cha mẹ đã qua đời. "Lòng hiếu thảo của con cái làm rung trời đất" Mạnh Tử.

Chương VI : Một số yêu cầu về giáo dục phẩm chất đạo đức của cá nhân

Trong quá trình xây dựng nền đạo đức mới xã hội chủ nghĩa thì việc định ra những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản cho toàn xã hội, chỉ là một nội dung quan trọng. Mặt khác xã hội mới còn đặt ra yêu cầu phải có những chuẩn mực đạo đức để khẳng định những giá trị và hướng dẫn hành vi đạo đức cho cá nhân trong những điều kiện cụ thể. Bởi vì mỗi cá nhân tồn tại trong xã hội với nhân cách độc đáo rất đa dạng, phong phú. Tuy là phẩm chất đạo đức của cá nhân, nhưng nó bao hàm ý nghĩa xã hội, do đó nó phải tuân thủ những yêu cầu chung của xã hội. Phẩm chất đạo đức cá nhân bao hàm những nguyên tắc, quy tắc đạo đức xã hội đồng thời nó còn bao gồm những tính cách mang ý nghĩa tâm lý, đạo đức riêng của mỗi người. Tuy là phẩm chất đạo đức của cá nhân, nhưng nó bao hàm ý nghĩa xã hội, do đó nó phải tuân thủ những yêu cầu chung của xã hội. Phẩm chất đạo đức của cá nhân là sự tổng hợp những tính cách đáp ứng những yêu cầu chung của nền đạo đức xã hội. Một số phẩm chất đạo đức căn bản của cá nhân là tính trung thực, tính nguyên tắc, tính khiêm tốn, lòng dũng cảm.

Tính trung thực

1.1. Khái niệm và ý nghĩa:

a/ Khái niệm :

Tính trung thực là một phẩm chất đạo đức cơ bản của các cá nhân. Nội dung cơ bản của nó là tôn trọng lẽ phải, sự thật và chân lý trong các quan hệ xã hội; thái độ thiện chí, dũng cảm đấu tranh vì cái thiện, cái tốt đẹp. Nội dung chủ yếu và trước hết của tính trung thực là thái độ khách quan, tình yêu chân lý, dám nói thẳng, nói thật, dám nhìn thẳng vào sự thật, dám đấu tranh cho sự thật. Nó đối lập hoàn toàn với sự dối trá, thói đạo đức giả và khác với tính tò mò, hiếu kỳ. Tính trung thực đòi hỏi con người phải sống thẳng thắn, thực hiện tốt nghĩa vụ của bản thân và xã hội vì lợi ích của con người khác và xã hội. Chân lý và cái thiện gắn bó chặt chẽ nhau trong đức tính trung thực.

b/ Ý nghĩa của tính trung thực đối với con người và xã hội :

- Tính trung thực là một phẩm chất đạo đức cơ bản và đầu tiên đối với cá nhân, là một trong những đặc trưng cơ bản làm nên bản chất đạo đức của con người, là điểm xuất phát ban đầu để hình thành nên các phẩm chất đạo đức khác của cá nhân, là tiêu chuẩn đánh giá đạo đức của một con người. Con người muốn hoàn thiện về nhân cách không thể thiếu tính trung thực.
- Tính trung thực là cơ sở để xây dựng niềm tin, lòng chung thủy và những nội dung đạo đức tốt đẹp khác như cao thượng, khẳng khái, dũng cảm, vị tha.v.v...Nhờ có tính trung thực mà trong quan hệ xã hội con người tạo được niềm tin, dám dũng cảm đương đầu với thử thách và đem lại lợi ích cho xã hội.

- Tính trung thực là một đức tính quý giá, phù hợp với đạo lý làm người, nó trở thành nhu cầu của toàn xã hội, là tinh hoa văn hoá và là truyền thống cao quý của đạo đức xã hội.

Nhân dân ta cũng như nhân dân các dân tộc trên thế giới đều quan niệm làm người phải sống trung thực mới là người tốt. Trong các tiêu chuẩn để đánh giá phẩm hạnh của mỗi người, người ta vẫn đề cao tính trung thực. Trong các quan hệ xã hội, trong giao tiếp, trong sinh hoạt, tính trung thực được coi là tiêu chuẩn rất cần thiết, là một yêu cầu rất cơ bản và phổ biến của xã hội. Vì thế khi chọn vợ, gả chồng cho con, tuyển dụng nhân viên, cất nhắc đề bạt cán bộ, thì tiêu chuẩn để chọn đầu tiên là người có đức tính trung thực.

- Thiếu tính trung thực, con người sẽ bị thoái hoá về phẩm chất đạo đức, sẽ trở thành kẻ dối trá, đạo đức giả, ba hoa, khoác lác. Những thói xấu đó gây thiệt hại cho xã hội và cho chính bản thân người dối trá.

1.2. Yêu cầu giáo dục tính trung thực:

- Trong giáo dục phải nâng cao nhận thức đạo đức cho đối tượng được giáo dục về ý nghĩa của tính trung thực, của việc dũng cảm sửa chữa khuyết điểm và đấu tranh bảo vệ sự thật. Trong quan hệ với thầy giáo, với bạn bè phải thật thà ngay thẳng. Dám nhận khuyết điểm của mình, phê bình thẳng thắn với những khuyết điểm của người khác trong cuộc sống, lao động, học tập để cùng nhau tiến bộ, đem lại sự thanh thản lương tâm và có sự trưởng thành về mặt đạo đức.

- Giáo dục tính trung thực cho học sinh và sinh viên cần chú ý gắn liền với phê phán thói đạo đức giả, thái độ dối trá và sợ nói lên sự thật. Mọi hành vi đạo đức giả và dối trá là những tính xấu cần phải được lên án mạnh mẽ và loại trừ khỏi đời sống con người và xã hội.

- Giáo dục tính trung thực cho cá nhân, cần phải nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức nghĩa vụ đạo đức, ý thức danh dự, lòng nhân ái và tôn trọng lợi ích xã hội, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Vì những phẩm chất đạo đức này có mối quan hệ và tác động hữu cơ đến việc hình thành đức tính trung thực, nó bổ sung và khuyến khích con người sống phù hợp với nhân cách, đạo lý con người.

- Trong giáo dục đức tính trung thực cũng cần chú ý một nguyên tắc không được lừa dối mọi người cả trong hành động và lời nói, đặc biệt là tránh tự lừa dối mình. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi lời nói dối đều là phi đạo đức. Lời nói dối trong những trường hợp nhất định chỉ được chấp nhận khi nó chứa đựng nội dung nhân đạo, nhằm đem lại lợi ích chân chính cho con người, cho dân tộc và cho xã hội.

Tính nguyên tắc

2.1. Khái niệm và ý nghĩa:

a/ Khái niệm:

- Tính nguyên tắc là tổng hợp một loạt những đức tính cao quý của con người: trung thực, trí tuệ, tình cảm và ý thức trách nhiệm của con người trước người khác, trước tập thể và trước xã hội. Nét cốt yếu của tính nguyên tắc là hành động với sự chỉ đạo xuyên suốt của một tư tưởng cơ bản có tính chất định hướng cho cuộc đời của một con người.

- Tính nguyên tắc thể hiện ở hành vi phù hợp với tư tưởng và lương tâm của con người. Tính nguyên tắc mà đạo đức đề cập là hành vi của con người phải phù hợp và tuân theo lẽ phải, theo đạo lý nghĩa là phải bảo đảm được tính khách quan, thực sự trong sáng, không vụ lợi cá nhân.
- Tính nguyên tắc của đạo đức đối lập hoàn toàn với hành vi vô nguyên tắc, bảo thủ, gàn bướng và cơ hội. Tính vô nguyên tắc thường nảy sinh vì non kém về bản lĩnh, về phẩm chất chính trị, kém hiểu biết, hoặc có sự thoả hiệp. Tính cơ hội cũng có nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân, từ động cơ vụ lợi, hiểu danh, ích kỷ và những động cơ hèn kém khác như: xu nịnh, bợ đỡ, hoặc thể hiện sự thiếu năng lực làm việc của con người. Tính gàn bướng, bảo thủ thường có nguồn gốc từ sự chủ quan, kiêu căng, sợ sự thật, sợ người khác giỏi hơn mình. Nói chung, những tính cách trên là đối lập với tính nguyên tắc, cần phải loại bỏ khỏi đời sống xã hội.
- Tính nguyên tắc khác với chủ nghĩa giáo điều. Những biểu hiện của tính nguyên tắc khi cần thiết phải thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh. Chẳng hạn như nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong quan hệ gia đình, bạn bè, xã hội, được thay đổi cho phù hợp với thời kỳ lịch sử. Với những nội dung như trên thì tính nguyên tắc có ý nghĩa rất rộng lớn đối với cuộc sống con người và xã hội.

b/ Ý nghĩa của tính nguyên tắc trong đời sống :

Tính nguyên tắc giúp con người khẳng định được tính tích cực của mình và của xã hội, nó là cơ sở và động lực để giúp con người vươn tới những giá trị đạo đức ngày càng cao.

- Tính nguyên tắc là cơ sở để đạo đức cá nhân phát triển. Điều đó được thể hiện ở chỗ, con người sống có tính nguyên tắc bao giờ cũng giữ được bản lĩnh, cốt cách của mình, dám đương đầu với những khó khăn thử thách, không cơ hội, sống nhiệt tình, chân thực và cống hiến nhiều cho xã hội; đồng thời có tinh thần giúp đỡ người khác một cách tự giác và có trách nhiệm cao trước tập thể và xã hội.

Tính nguyên tắc ở mỗi người không phải ngẫu nhiên hình thành, mà phải trải qua quá trình học tập, rèn luyện và có sự đấu tranh của bản thân trước nhiều tác động tiêu cực để bảo vệ những mặt tích cực, tiến bộ trong các mối quan hệ xã hội. Quá trình rèn luyện, học tập đó giúp cho con người ngày một trưởng thành. Lớn lên và chiến thắng những gì xấu xa, thấp hèn trong cuộc sống để luôn vươn tới cái đẹp và làm những điều có ích lợi cho xã hội.

- Nhờ có tính nguyên tắc mà những chân lý và giá trị cao quý của đạo đức được bảo vệ và phát triển trong xã hội. Trong cuộc sống, con người có nhiều mặt tốt, tích cực và tiến bộ là nhờ có tính nguyên tắc của đạo đức. Những giá trị đạo đức như lương tâm, tính trung thực, tình yêu lao động...là những giá trị đạo đức cao quý, trở thành nguyên tắc sống của những người có đạo đức. Tính nguyên tắc của đạo đức có ý nghĩa rộng lớn như vậy, nên chúng ta cần phải quán triệt đầy đủ trong quá trình giáo dục thế hệ trẻ.

2.2. Những yêu cầu giáo dục tính nguyên tắc đạo đức :

Trong công tác giáo dục con người nói chung và công tác giáo dục học sinh và sinh viên nói riêng, để xây dựng cho họ có được tính nguyên tắc về đạo đức, cần chú ý bảo đảm những yêu cầu cơ bản dưới đây:

- Thứ 1 - Cần trang bị cho họ có được những quan niệm đạo đức đúng đắn, có kiến thức sâu rộng, có tình thương yêu con người, có thái độ và hành động chân thật, kiên định và vững vàng trong mọi tình huống. Đó là những cơ sở và nền tảng để giúp cho con người có tinh thần trách nhiệm trước xã hội và người khác, từ đó giữ vững được những nguyên tắc sống đúng đắn. Không có được những mặt đạo đức cơ bản và tối thiểu đó thì con người dễ bị những tác động xấu của hoàn cảnh sống hoặc những ham muốn bản năng dẫn đến những hành động mù quáng, làm liều, làm ẩu gây nên những hậu quả tai hại cho con người và cho xã hội.
- Thứ 2 - Cần giáo dục và rèn luyện cho mọi người có tinh thần và phong cách làm việc của người công dân dưới chế độ mới: có nề nếp, có kỷ cương, có tình thương và có ý thức trách nhiệm cao. Nguyên tắc này phù hợp với đạo lý làm người, đó cũng là tiêu chí để xây dựng con người xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.
- Thứ 3 - Cần phải kiên quyết chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội như sự hèn nhát, thói bàng quan vô trách nhiệm, vụ lợi. Vì chủ nghĩa cơ hội, thực chất là chủ nghĩa cá nhân, nên bất kỳ ở đâu, lúc nào người cơ hội cũng sẵn sàng hy sinh lợi ích của nhân dân, của cách mạng để bảo vệ quyền lợi và bản thân. Họ rời bỏ trận địa, chạy sang hàng ngũ kẻ thù, hoặc bàng quan trong đấu tranh, lẩn tránh trách nhiệm, hoặc tranh công đổ lỗi cho người khác, nịnh bợ kẻ có chức, có quyền.v.v... Tất cả những hiện tượng đó là biểu hiện sự đánh mất nguyên tắc đạo lý sống “làm người”.
- Thứ 4 - Cần phải chống những hiện tượng vô nguyên tắc đạo đức trong làm việc cũng như trong sinh hoạt. Vô nguyên tắc trong làm việc biểu hiện là sự tùy tiện, thiếu tính khoa học và không có kế hoạch, thường để lại những hậu quả khó lường như tiết lộ bí mật quốc gia, bị kẻ xấu lợi dụng, làm thiệt hại tài sản, tính mạng của Nhà nước và nhân dân, kém tính hiệu quả trong công việc.
- Thứ 5 - Chống sự thỏa hiệp vô nguyên tắc. Trong quá trình hoạt động cách mạng, cũng như trong cuộc sống hàng ngày, có những lúc cần phải có sự thỏa hiệp, nhưng không phải là thỏa hiệp vô nguyên tắc, mà đó là sự thỏa hiệp nhất thời nhằm thực hiện tính nguyên tắc nhất quán trong cuộc sống là bảo đảm lợi ích chính đáng của con người và xã hội.

Tính khiêm tốn

3.1. Khái niệm tính khiêm tốn và ý nghĩa của nó:

a/ Khái niệm :

Đức tính khiêm tốn là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp của con người. Khiêm tốn là một trong những đức tính biểu hiện trực tiếp của tình cảm nghĩa vụ, danh dự, lương tâm; là thái độ tự trọng, thật sự mong muốn có sự công bằng, khách quan trong việc đánh giá bản thân mình và đánh giá người khác.

Người có đức tính khiêm tốn là người biết tôn trọng những thành tích, công lao và ưu điểm của người khác; đồng thời xem thành tích và công lao của mình chỉ là một phần công lao hay thành tích chung của mọi người, của xã hội. Người có

đức tính khiêm tốn thường nhân ái, không tự cao tự đại, họ có phong thái tế nhị, lễ độ, biết tôn trọng lẫn nhau trong cách cư xử. Người có đức tính khiêm tốn là người giàu lòng tốt, luôn luôn quan tâm đến lợi ích của xã hội và người khác.

Sự công bằng trong đánh giá mình và người khác nghĩa vụ khi đánh giá năng lực và phẩm chất đạo đức của mình phải khách quan, trung thực, không theo kiểu tự cho cái gì của mình cũng đúng, cũng là nhất mà coi thường công lao, thành tích của người khác; ngược lại phải biết tự đánh giá đúng thành tích, công lao, phẩm chất đạo đức của mình và của người khác một cách khách quan .

Khiêm tốn cũng không cả nghĩa là đánh giá quá thấp năng lực của chính mình. Nếu “quá khiêm tốn” như vậy sẽ làm cho con người mắc phải bệnh e dè, quá nề nang, tự hạ thấp mình đến mức tự ti, sẽ dẫn đến cái gì cũng cho là đúng, cũng gặt theo kiểu vô nguyên tắc.

Đức tính khiêm tốn đối lập với sự khoác lác, hống hách, kiêu ngạo, mất lịch sự, vô lương tâm và thô bạo. Đó là những đức tính xấu, biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, muốn bắt mọi người phải tôn thờ mình.

b/ Ý nghĩa của tính khiêm tốn :

- Tính khiêm tốn giúp con người hăng hái học tập, chịu khó học hỏi người khác, thường xuyên rèn luyện để trở thành người giỏi, người lương thiện, sống có đạo đức, luôn hướng tới sự công bằng và chống lại mọi sự bất công
- Người khiêm tốn thường có ý thức bảo vệ danh dự và phẩm giá của bản thân mình và mọi người xung quanh vì họ biết bênh vực, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lương thiện, biết tôn trọng nhân phẩm người khác
- Tính khiêm tốn giúp con người tự khẳng định mình để tiến bộ nhanh vì người khiêm tốn biết nhìn nhận đúng đắn và công bằng, hợp lý các hiện tượng xảy ra trong xã hội; biết đúng về chính mình để phát huy ưu điểm và biết ngăn ngừa, khắc phục những khuyết điểm, sai lầm của mình.
- Tính khiêm tốn giúp cho người ta dễ gần gũi, dễ tiếp xúc với mọi người, với bạn bè, tạo cho họ có phong cách sống giản dị, ấm áp tình người. Đồng thời, nó còn giúp cho con người sống thanh thản, nhân ái, vị tha, lành mạnh; khắc phục được những thói ích kỷ, tham lam, thô bạo, coi thường người khác, tự cao tự đại, hống hách.

Đức tính khiêm tốn giúp cho con người luôn vươn tới sự hoàn thiện bản thân cho nên nó thật sự là một động lực cho sự phát triển nhân cách và tài năng của con người.

3.2. Những yêu cầu giáo dục tính khiêm tốn:

a/ Về mặt nhận thức, phải chứng minh cho đối tượng giáo dục thấy được tính khiêm tốn là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp của con người. Người có trình độ học vấn cao, hiểu biết sâu rộng thì càng cần phải khiêm tốn . Chỉ có những kẻ kiêu ngạo mới tự thoả mãn đối với mình. Càng kiêu ngạo thì càng bị mọi người khinh ghét. Những ai tự thoả mãn, tự vỗ ngực cho mình là tài

giỏi không chịu học hỏi người khác thì nhất định sẽ bị tụt hậu, thua kém bạn bè đồng nghiệp. Người kiêu ngạo trước sau gì cũng bị mọi người xa lánh.

b/ Phải xây dựng cho người được giáo dục thái độ và hành động biết tôn trọng lẽ phải, biết trân trọng công lao và thành tích của người khác, phải học hỏi trong nhà trường và ngoài xã hội để có kiến thức cả về lý luận và thực tiễn. Trong cư xử với mọi người, phải có thái độ công bằng, lễ độ, và tôn trọng nhau. Đó là những yêu cầu khách quan khi giáo dục tính khiêm tốn. Muốn có thái độ tốt như thế phải có kiến thức, có văn hoá. Nếu thiếu kiến thức thì người ta không phân định được phải trái, dễ rơi vào chủ quan, quá khích trong nhìn nhận đánh giá người khác, gây sự hiểu lầm hoặc phủ nhận thành tích của người khác. Đức tính khiêm tốn, lễ độ và tế nhị, không làm giảm giá trị của con người, mà có tác dụng giúp cho người ta dễ chan hòa gần gũi với mọi người, tăng uy tín trong xã hội.

c/ Cần phải loại trừ ở con người những biểu hiện xa lạ với tính khiêm tốn như: tính tự cao, tự đại, hống hách, và tự ti. Những người tự cao tự đại không những biểu hiện sự thiếu văn hoá, mà còn thể hiện sự yếu kém, không có nghị lực để vươn tới, suốt ngày sống trong trạng thái ganh tị và tự dằn vò mình bởi ý chí muốn rằng nhất định mình phải hơn tất cả mọi người.

Lòng dũng cảm

4.1. Khái niệm và ý nghĩa của lòng dũng cảm :

a/ Khái niệm :

- Lòng dũng cảm là tổng hợp của những đức tính: yêu chân lý, sáng suốt và dám hành động để đạt đến cái thiện. Lòng dũng cảm đối lập với tính hèn nhát, nhu nhược.

Người có lòng dũng cảm là người dám đương đầu với mọi thử thách, gian nan, dám đối đầu với mọi nguy hiểm để vươn tới cái thiện .

- Khác với những sợ hãi tự nhiên của con người, sự hèn nhát, nhu nhược đối lập với lòng dũng cảm, là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Nhu nhược biểu hiện ở sự thiếu quyết đoán, sợ sự thật, không dám đấu tranh, sợ hy sinh quyền lợi bản thân . Do đó giáo dục lòng dũng cảm phải gắn với việc phê phán sự hèn nhát của chủ nghĩa cá nhân.
- Đức tính dũng cảm khác với sự liều lĩnh. Liều lĩnh thực chất là sự thiếu sáng suốt hoặc sự cùn đường, sự bết tắc . Do vậy sự liều lĩnh thường dẫn con người đi đến những hành động mù quáng, nguy hiểm và khó tránh khỏi thất bại. Trái lại, lòng dũng cảm đòi hỏi phải có sự chín chắn, thông minh, sáng suốt, có nghị lực và có quyết tâm cao.

b/ Ý nghĩa :

- Dũng cảm là một trong những phẩm chất thuộc đỉnh cao của giá trị đạo đức. Dũng cảm biến thiện tâm thành hàng động thiện, nếu thiếu lòng dũng cảm thì lòng tốt của con người chỉ dừng lại trong ý thức, hoặc trong cảm xúc không trở

thành hiện thực. Một con người thiết tha yêu Tổ quốc, ngày đêm xót xa cho vận nước, nhưng không dám xả thân, sợ súng đạn, sợ bạo lực của kẻ thù thì chẳng làm được điều gì có ích cho dân, cho nước.

- Dũng cảm là đỉnh cao của nhận thức lý trí và ý chí. Dũng cảm là đức tính đặc thù của ý chí, dũng cảm giúp con người sống có nghị lực và có khí phách, có hành động anh hùng và cao thượng, không sợ hiểm nguy. Người dũng cảm là người sáng suốt và thông minh, biết tôn trọng lẽ phải, chân lý luôn vươn tới mục đích cao thượng và chân chính
- Lòng dũng cảm là một biểu hiện của chủ nghĩa tập thể cao cả và chủ nghĩa anh hùng trong mỗi con người. Lịch sử đã có biết bao anh hùng, liệt sĩ vì nghĩa lớn, không sợ hy sinh xương máu hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng, cho hạnh phúc của nhân dân. Nhiều tấm gương dũng cảm đấu tranh phòng chống tội phạm nguy hiểm để giữ bình yên cho mọi người.

4.2. Những yêu cầu giáo dục lòng dũng cảm :

a/ Giáo dục lòng dũng cảm là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của giáo dục đạo đức. Sự quan trọng này bắt nguồn từ yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải có những con người dũng cảm, có nghị lực để cống hiến tài năng, trí tuệ của mình cho Tổ quốc và nhân dân. Do đó, việc giáo dục đức tính dũng cảm cho thế hệ trẻ phải được tiến hành thường xuyên để thế hệ trẻ có lý tưởng cao đẹp vì chủ nghĩa xã hội và dũng cảm đấu tranh bảo vệ lý tưởng đó.

b/ Phải giáo dục cho mọi người biết vượt lên mọi khó khăn nguy hiểm, dám xả thân vì nghĩa lớn, hăng say cống hiến tài - đức của mình cho Tổ quốc và nhân dân. Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần đến.

c/ Phải hướng tuổi trẻ tham gia tích cực vào các hoạt động thực tiễn phong phú, vì sự nghiệp cách mạng của đất nước. Thực tiễn cách mạng là môi trường tốt nhất để tuổi trẻ học tập, tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao ý chí, nghị lực và quyết tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Nó giúp tuổi trẻ phát huy trí thông minh, sáng tạo, tôi luyện ý chí, thử thách để nhanh chóng trưởng thành trong cuộc sống.

d/ Phải chống mọi biểu hiện của sự nhút nhát, nhu nhược và liêu lĩnh.

e/ Phải trang bị cho tuổi trẻ có ý chí bền bỉ, kiên trì trong học tập, thường xuyên rèn luyện trong đấu tranh cách mạng và trong cuộc sống hàng ngày.

Chương VII : Học tập đạo đức Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lý luận, bao gồm nhiều lĩnh vực rộng lớn và phong phú. Hiện nay nghiên cứu và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành vấn đề bức xúc đối với công cuộc đổi mới vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước ta.

Hồ Chí Minh là một nhà lý luận, một chiến sĩ cách mạng xuất sắc, một tấm gương nhân đạo - nhân văn cao cả, một nhà văn hóa lớn về đạo đức, tư tưởng và cuộc đời của Người là một. Học tập đạo đức Hồ Chí Minh là học tập tư tưởng và học tập tấm gương sáng ngời về đạo đức của Người. Đây là nhiệm vụ của nhiều thế hệ, nhiều ngành khoa học khác nhau, là phương châm rèn luyện hành động và cũng là niềm vinh dự lớn lao, nguồn hạnh phúc của mỗi chúng ta, nhất là thế hệ trẻ hiện nay và mai sau. Trong phạm vi bài này, chúng ta chỉ nghiên cứu và học tập một số nét cơ bản về đạo đức của Người.

Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội

1.1. Cơ sở hình thành phẩm chất đạo đức của Hồ Chí Minh :

a/ Lòng yêu nước thương dân : Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, dân tộc sống tủi nhục, lầm than dưới ách thống trị của đế quốc, phong kiến Người cảm nhận sâu sắc nỗi đau của dân tộc mất nước.

b/ Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, nên từ thuở nhỏ, Người đã được hưởng một nền giáo huấn “yêu nước thương nòi” của song thân và các chí sĩ yêu nước hồi bấy giờ. Người sớm hấp thụ truyền thống đoàn kết cộng đồng và tình nhân ái của dân tộc, cùng với nền văn hiến Việt Nam vốn thấm đậm tinh hoa văn hoá phương Đông.

c/ Người đã từng được nghe và chứng kiến và rất đau xót trước những cuộc đấu tranh của phong trào Cần Vương, của Tôn Thất Thuyết, của Phan Đình Phùng bị dập tắt trong biển máu. Tiếp theo đó là, các phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh đều lần lượt bị thất bại. Cuộc đấu tranh vũ trang gần 30 năm (1883 - 1913) của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế (Hà Bắc) cũng bị dập tắt bằng lửa, đạn của thực dân, phong kiến.

1.2. Những biểu hiện chủ yếu của phẩm chất đạo đức này :

a/ Khát vọng giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho đồng bào đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước bất chấp mọi khó khăn gian khổ. Người sang Mỹ, Anh, đến các nước đế quốc châu Âu và các nước thuộc địa ở châu Phi, châu Mỹ latin... Cuộc hành trình vạn dặm ấy đã giúp Người nhận ra nguyên nhân sự bần cùng, bất công và đau khổ của nhân loại cần lao. Gần mười năm (1911- 1920) Hồ Chí Minh bôn ba khắp các châu lục, Người đã khám phá ra chân lý: chính chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc thực dân là nguồn gốc gây nên mọi sự đau khổ của công nhân, nông dân và nhân dân lao động cả ở chính quốc và ở các nước thuộc địa. Nhận thức đó là cơ sở quan trọng để Người tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin là ánh sáng soi đường cho Hồ Chí Minh tìm ra con đường cách mạng.

b/ Quyết định quan trọng mà Hồ Chí Minh rút ra từ thực tiễn hoạt động cách mạng của Người là muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường

nào khác con đường cách mạng vô sản. Vì vậy, mục tiêu cách mạng ở các nước thuộc địa là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn, chủ nghĩa xã hội mang trong lòng nó lý tưởng nhân đạo cao cả nhất của con người, đó là sự giải phóng con người khỏi chế độ người bóc lột người.

c/ Đối với Người, trung thành với những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin cũng là trung thành với những lý tưởng cao đẹp của con người, là trung thành với Tổ quốc và nhân dân. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin từ lòng yêu nước. Khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa yêu nước của Người kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đó là sự giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại cần lao.

Người đòi hỏi học tập chủ nghĩa Mác - Lênin không phải chỉ để giác ngộ cách mạng, biết hành động cách mạng, mà còn làm cho tinh người thêm tốt đẹp, vun đắp tình đồng chí, nghĩa bạn bè, xây dựng tinh đoàn kết gắn bó keo sơn.

d/ Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kết hợp hài hòa giữa chính trị và đạo đức, giữa lý tưởng chính trị và lý tưởng đạo đức, Người tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin sự hài hòa ấy. Vì thế, ngày từ buổi ban đầu của cuộc cách mạng lúc nào Người cũng đem hết tinh thần và nghị lực để bồi dưỡng lý tưởng chủ nghĩa xã hội cho các thế hệ cách mạng Việt Nam. Đối với Đảng và Nhà nước, Người đòi hỏi phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

Lòng nhân ái Hồ Chí Minh

2.1. Cơ sở hình thành lòng nhân ái Hồ Chí Minh:

a/ Lòng nhân ái của Hồ Chí Minh là sự kết tinh truyền thống nhân ái tiến bộ của dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Tiếp thu nền văn hóa của dân tộc Việt Nam, văn hóa của phương Đông và tiếp thu có chọn lọc nền văn minh nhân loại, tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh chứa đựng lòng nhân ái bao la.

b/ Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh bắt nguồn từ đời sống thực tế ở Việt Nam, ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, từ nhu cầu giải phóng đất nước được hoàn toàn độc lập, con người được tự do và hạnh phúc.

c/ Lòng nhân ái của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ lòng kính trọng, tin yêu và biết ơn nhân dân. Người thấy quần chúng nhân dân lao động không phải chỉ là đối tượng của sự thương cảm, mà còn thấy ở họ sức mạnh của sự sáng tạo ra những giá trị cao đẹp. Người dạy cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập nhân dân để tiến bộ, phải xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Khi viết thư cảm ơn đồng bào chúc thọ mình, Người đã viết: “Đồng bào yêu mến tôi, chúc thọ tôi, tôi biết lấy gì để báo đáp lại lòng nhân ái ấy?”.

2.2. Những nội dung cơ bản của lòng nhân ái Hồ Chí Minh:

a/ Thương người :

- Điều nổi bật đầu tiên của đạo đức Hồ Chí Minh là lòng thương người, là tình thương trước nhất đối với những người bị áp bức, bị bóc lột. Người đã từng khóc trước cảnh những người da đen bị hành hạ ở bến tàu Đa Ka (châu Phi) hay khi nhìn thấy những người bị hành hình ở châu Mỹ.v.v...Không có lòng thương người, không có sự nhân đạo với đồng loại thì không có đạo đức, không trở thành người cách mạng chân chính. Ở Hồ Chí Minh, lòng nhân ái không phải là lòng thương người siêu giai cấp, trừu tượng. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện rõ bản chất giai cấp và chứa đựng chủ nghĩa nhân đạo bao la. Người thương yêu giai cấp vô sản, nhân dân lao động, những người nô lệ và những người cùng khổ, bởi họ là tầng lớp chịu đựng nhiều bất công trong xã hội; những người bao giờ cũng nhận rõ sứ mệnh lịch sử to lớn của giai cấp vô sản trong đấu tranh xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

- Chăm lo cho hạnh phúc của nhân dân : phải làm cho ai cũng có cơm ăn, ai cũng có áo mặc, ai cũng được học hành.

Người dạy cán bộ và chiến sĩ quân đội phải “hiếu với dân”.

Người dạy các chiến sĩ công an nhân dân:

“Đối với nhân dân phải kính trọng lễ phép”

Người phê bình nghiêm khắc những cán bộ có thái độ hống hách với nhân dân, lên mặt “quan cách mạng” với nhân dân.

- Người luôn dành cho các cháu thiếu niên, nhi đồng một tình thương đặc biệt. Người gửi gắm lòng tin cậy vào thế hệ trẻ, luôn căn dặn: Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu

- Lòng nhân ái của Hồ Chí Minh thấm đượm tư tưởng vì nhân loại. Lý tưởng mục tiêu phấn đấu của người không chỉ là hoà bình, độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho mọi người Việt Nam mà còn vì hạnh phúc nhân dân lao động trên thế giới. Lý tưởng đạo đức của Người có sức thuyết phục, đánh thức lương tâm của cả kẻ thù, thức tỉnh lương tri của nhân loại tiến bộ. Người nói rõ: chúng ta chỉ đòi quyền độc lập, tự do, chứ chúng ta không vì tư thù, tư oán. Chúng ta phải làm cho thế giới biết rằng, chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp của.

- Thương người phải bằng hành động cách mạng. Với Hồ Chí Minh, đạo đức không phải là một lý thuyết trừu tượng, không phải bằng cầu trời, khẩn phật để mong được ban phước lành. Càng không phải là chủ nghĩa nhân đạo chung chung, mà lòng nhân ái của Người được thể hiện bằng hành động cách mạng, bằng việc làm cụ thể. Thương người phải lấy chính nghĩa thắng bạo tàn, suốt đời kiên trì đấu tranh cách mạng, xóa bỏ ách thống trị của đế quốc, giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Chỉ thương dân chưa đủ mà phải làm cho dân được tự do, hạnh phúc. Người viết: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân rét Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”.

Đó là tư tưởng, hành vi đạo đức thương người rất thiết thực của Hồ Chí Minh.

- Tình thương yêu nhân dân, suốt đời vì nước, vì dân, vì hạnh phúc của con người đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng đạo đức và hành động của Người trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Người viết: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Cho đến lúc sắp đi xa, Người còn để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

b/ Vun trồng tình đoàn kết toàn dân, tăng cường sức mạnh dân tộc:

- Hồ Chí Minh là biểu tượng, là trung tâm đoàn kết các lực lượng yêu nước của cả dân tộc và quốc tế. Được sự dìu dắt của Người, nhân dân ta đã đoàn kết một lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sát vai nhau chiến đấu lật đổ chế độ đế quốc, phong kiến, giành độc lập, tự do, thống nhất nước nhà, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Bí quyết thành công của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công”.

- Lòng nhân ái của Hồ Chí Minh đã trở thành sức mạnh thấm sâu vào chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước ta, đã có tác dụng cảm hóa hàng vạn con người làm đường, lạc lối, theo kẻ thù chống lại nhân dân, đồng bào, làm cho họ trở thành những công dân tốt trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Người luôn luôn nhắc nhở: phải hết lòng thương yêu chăm sóc đến mọi tầng lớp nhân dân, gái, trai, già, trẻ, đồng bào các dân tộc ít người và các tôn giáo, kiều bào ở nước ngoài. Người ân cần chăm lo đến các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; các cháu thiếu niên và nhi đồng; các gia đình thương binh, liệt sĩ; người nghèo, tàn tật; các chị em phụ nữ ... Người luôn luôn nhắc nhở đến họ bằng những lá thư thăm hỏi ân cần, động viên, cổ vũ bằng những huy hiệu của Người và những quà tặng ấm áp tình thương yêu bao la.

Đoàn kết là sức mạnh chính trị, là sức mạnh đạo đức, là chiếc nôi vun đắp tài năng đạo đức con người. Tình đoàn kết đó là sự thương yêu nhau, kính trọng nhau, giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu mai sau. Đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong một mặt trận thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh giành độc lập, tự do và hạnh phúc cho nhân dân lao động là trách nhiệm chính trị; đồng thời là trách nhiệm đạo đức sâu sắc, là biểu hiện lòng nhân ái bao la của Hồ Chí Minh.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính :

Đạo đức của Hồ Chí Minh là đạo đức của người cách mạng rất trong sáng và là biểu hiện cụ thể của lòng nhân ái. Đó là các đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Bài nói chuyện của Bác với anh chị em công chức ở Thủ đô (30.11.1954) (HCM Tuyển tập - sự thật Hà Nội 1960, t505-506)

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư được Bác Hồ giải thích như sau:

a/ “Trước hết, cần tức là tăng năng suất trong công tác, bất kỳ công tác gì”. (HCM và giáo dục, HN 1977, t63)

b/ “Kiệm tức là không lãng phí thời gian, của cải của mình và của dân.

c/ “Liêm tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công của nhân dân”.

d/ “Chính tức là việc phải làm, dù nhỏ cũng làm, việc trái dù nhỏ cũng tránh”.
“Bốn điều đó đi liền với nhau”.

e/ Chí công, vô tư, được người giải thích rằng:

“Đem lòng chí công, vô tư mà đối với người, đối với việc: ham làm những việc ích quốc, lợi dân, không ham địa vị, công danh, phú quý”.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Người đều làm việc có khoa học, tiết kiệm thời gian. Hồ Chí Minh thường nói: “thì giờ là vàng” và Người nhấn mạnh, “tiết kiệm thì giờ đi đôi với tăng năng suất lao động”.

Hồ Chí Minh luôn nghiêm khắc phê bình những hiện tượng lãng phí thời gian hợp kéo dài, hoặc nói và viết dài dằng dặc không cần thiết, chỉ làm mất thời gian người khác.

Bác phê bình lối làm việc “đi muộn về sớm là ăn bớt của nhân dân”. Bởi vậy Người kêu gọi: mọi người, mọi ngành, mọi cấp, phải dùng thì giờ, tiền của nhân dân một cách tiết kiệm.

3.2. Cả cuộc đời của Người là một tấm gương trong sáng tuyệt vời và tiêu biểu về đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Là Chủ tịch nước nhưng Người sống thanh bạch, đem hết tinh thần và nghị lực của mình để cống hiến trọn đời cho cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Sự gương mẫu, trong sáng, cao cả, toàn năng cả về tài và đức của người đã thêm sức mạnh động viên, cổ vũ cán bộ và nhân dân noi theo.

Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về học tập

4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong học tập :

a/ Bác đặc biệt coi trọng đến sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp “trồng người”. Bác nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa”; “vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”.

b/ Người luôn nhắc lại câu nói của Lênin: Học, học nữa, học mãi.

c/ Học để hành, để phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh đã đề ra mục đích và nội dung học tập rất cụ thể. Học ở đâu, học để làm gì? Người nói: “học với hành phải đi đôi, học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”.

d/ Phải học ở nhân dân. Người nhấn mạnh: học ở đâu, học ở trường nào, học sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn.

4.2. Tư tưởng và cuộc đời Người là một :

Cả cuộc đời của Người là không ngừng học tập để phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc và nhân dân.

a/ Trong hơn 30 năm hoạt động ở trong nước, mặc dù hết sức bận rộn công việc, Người vẫn say sưa học tập. Ở Pác bó, Hồ Chí Minh đã dịch cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, dịch các tài liệu về binh pháp của Tôn Tử... để phục vụ cho việc học tập chính trị và quân sự của cán bộ và chiến sĩ. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Người lại dịch cuốn “Tinh uỷ bí mật” của Plêkhanốp để cho đảng viên, cán bộ và chiến sĩ học tập, tham khảo những kinh nghiệm chiến tranh du kích của Hồng quân và nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc (1941 - 1945) chống bọn phát xít xâm lược.

b/ Trong cách nói và viết, Bác chống thói ba hoa, vì theo Bác thói ba hoa, dài dòng, rỗng tuếch, không có ích cho người xem, người nghe, chỉ làm tốn giấy mực, mất công người xem.

Tục ngữ có câu: “học ăn, học nói, học gói, học mở”. Bác khuyên mọi người rằng: nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của quần chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rõ, giản đơn. Người luôn nhắc nhở rằng: Viết điều gì? viết cho ai? viết để làm gì?.

c/ Người dạy rằng: Đạo đức cách mạng của con người mới không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố, rèn luyện đạo đức cần phải học tập không ngừng, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

d/ Trong giáo dục, Bác đặc biệt coi trọng việc nêu gương người tốt, việc tốt. Mỗi người tốt, mỗi việc tốt là những bông hoa đẹp, cả dân tộc ta là một vườn hoa đẹp, muôn sắc, nghìn hương tươi tốt. Nêu gương cũng là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới.

Tám gương của Bác Hồ kính yêu đã tỏa ra một sức mạnh tinh thần kỳ diệu cho mỗi chúng ta học tập. Tám gương của Người là một điển hình rực rỡ nhiều mặt mang tầm vóc thế giới và thời đại, nhưng lại rất gần gũi, không trừu tượng xa vời.

“Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”, là khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta hướng tới xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Học tập đạo đức Hồ Chí Minh ngày nay phải gắn liền với việc kiên quyết khắc phục các mặt suy thoái đạo đức cũng như các mặt tiêu cực xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Minh Anh. Chúng ta kế thừa tư tưởng gì của Nho Giáo. Tạp chí Triết học số 8/2001, tr34.
2. Bandzeladze.G. Đạo đức học tập 1 và 2. Hoàng Ngọc Hiến dịch. Viện triết học 1972.
3. Hoàng Thị Bình. “Nhân, nhân, nhân nghĩa, nhân chính” trong “Luận ngữ” và “Mạnh tử”. Tạp chí Triết học số 8/2001, tr38.
4. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Nxb Tp.HCM 1985.
5. Bác Hồ, con người và phong cách. Nxb Lao động 2001.
6. Doãn Chính - Trương Văn Chung. Đại cương lịch sử Triết học Ấn Độ cổ đại. Nxb Tp.HCM 1992.
7. Nguyễn Trọng Chuẩn. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay và những biến động trong lĩnh vực đạo đức. Tạp chí Triết học số 9/2001, tr15.
8. Khái niệm “Chủ nghĩa nhân đạo” trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế - Triết học 1844” của Cac.Mac. Tạp chí số 2/2001, tr14.
9. Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chủ nghĩa và việc giáo dục thế hệ trẻ. Nxb Giáo dục Hà Nội 1973.
10. Phạm Khắc Chương và Hà Nhật Thăng. Đạo đức học. Nxb Giáo dục 1998.
11. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Nxb Quân đội nhân dân năm 2001.
12. E.Côbêlêp. Đồng chí Hồ Chí Minh. Nxb Thanh niên Hà Nội 1985.
13. Vũ Trọng Dung. Quan niệm Thiện - Ác trong lịch sử và trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường. Tạp chí Triết học số 2/2001, tr38
14. Đảng ta bàn về đạo đức. Viện Triết học 1973.
15. Phạm Văn Đồng. Hồ Chí Minh, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại. Nxb Sự thật Hà Nội 1974.
16. Trần Độ. Bàn về lối sống và nếp xã hội chủ nghĩa. Viện Văn Hoá Hà Nội 1985.
17. Nguyễn Thế Giai. Chủ nghĩa Mác-Lênin với vấn đề hôn nhân và gia đình. Nxb Phụ nữ 1987.
18. Hà Huy Giáp. Một vài suy nghĩ về đạo lí làm người của Hồ Chủ Tịch. Nxb Thanh niên 1969.
19. Giáo trình Đạo đức học. Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp - Vụ Mác-Lênin 1985.
20. Phạm Minh Hạc. Hành vi và hành động. Viện khoa học và Giáo dục 1983.
21. Bùi Ngọc Hồ. Đạo đức học tập 1 và 2. Thư viện Đại học Sư phạm 1989
22. Trịnh Duy Huy. Về vai trò của đạo đức kinh doanh và việc xây dựng đạo đức kinh doanh ở nước ta hiện nay. Tạp chí Triết học số 2/2001, tr42.
23. Đỗ Huy. Giá trị truyền thống của Việt Nam trước thách thức của toàn cầu hoá. Tạp chí Triết học số 8/2001, tr15.
24. Trần Hậu Kiêm. Đạo đức học. Nxb Giáo dục 1992.
25. Trần Hậu Kiêm. Giáo trình đạo đức học in lần 2. Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội 1997
26. Đoàn Văn Khiêm. Lý tưởng đạo đức và việc giáo dục lý tưởng đạo đức cho thanh niên trong điều kiện hiện nay. Tạp chí Triết học số 2/2001, tr10.

27. Vũ Khiêu. Lao động, nguồn vô tận của mọi giá trị. Nxb Thanh niên 1975.
Đạo đức mới. Nxb Hà Nội 1984.
28. Tương Lai. Về hệ thống phạm trù đạo đức học. Tạp chí Thông tin KHXH 1982.
29. Nguyễn Hiến Lê. Khổng Tử. Nxb Văn học Hà Nội 1991.
30. Trần Tuấn Lộ. Đạo đức học và lý luận giáo dục đạo đức. Thư viện Trường cán bộ quản lý giáo dục Tp.HCM 1991.
31. Lịch sử Triết học tập 1, 2, 3. Nxb Tư tưởng Văn hoá Hà Nội 1992.
32. CacMac-Ph.Aêngghen. Bàn về đạo đức. Viện Triết học 1973
33. Hồ Chí Minh truyện và ký. Tuyển tập Hồ Chí Minh. Nxb Văn học 1985.
34. Hồ Chí Minh. Đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Nxb Giáo dục 1977.
35. Hồ Chí Minh về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em. Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội 1997.
36. Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục. Nxb Giáo dục 1977.
37. Muôn vàn tình thương yêu. Tập hồi ký về Bác. Nxb Văn hoá 1975.
38. Muôn vàn tình thương yêu. Tập thơ văn tưởng nhớ Bác. Nxb Thanh niên năm 1969.
39. Miền nam trong trái tim tôi. Nxb Tổng hợp Hậu Giang 1985.
40. Mấy vấn đề về đạo đức và thẩm mỹ trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Viện Triết học 1983.
41. Nguyễn Văn Phúc. Vấn đề xây dựng đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Tạp chí Triết học số 7/2001, tr8.
42. Lê Văn Quang. Đạo đức và văn minh - hành trang của Đảng ta bước vào thế kỷ 21. Tạp chí Triết học số 5/2001, tr12.
43. Nguyễn Hồng Sơn. Vấn đề đạo đức và thử xác định giá trị đạo đức trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Tạp chí Thông tin lý luận số 10, 1992.
44. Sáng ngời đạo đức Hồ Chí Minh. Nxb thanh niên 2001.
45. Vũ Minh Tâm. Lão Tử và Chân-Thiện- Mỹ. Tạp chí Triết học số 7/2001, tr7.
46. Thanh Tịnh - Vũ Tình. Đạo đức học Mác-Lênin. Thư viện quốc gia Tp.HCM 1985.
47. Đảng Hữu Toàn. Hướng các giá trị đạo đức truyền thống theo hệ chuẩn giá trị Chân-Thiện-Mỹ trong bối cảnh toàn cầu hoá và phát triển kinh tế thị trường. Tạp chí Triết học số 4/2001, tr27.
48. Đinh Ngọc Thạch. Đại cương lịch sử Triết học phương tây. Khoa Đông phương Đại học Tổng hợp Tp.HCM 1993.
49. Tập bài giảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội 2001.
50. Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh. Nxb Sự Thật Hà Nội 1970.
51. Thư Bác Hồ gửi các cháu thiếu nhi. Nxb Kim Đồng 1970.
52. Thơ ca Hồ Chí Minh. Tác phẩm chọn lọc dùng trong nhà trường phổ thông.
53. Lê Sĩ Thắng (chủ biên). Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và về chính sách xã hội. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội 1996.

54. Vũ Tình. Đạo đức học Phương Đông cổ đại. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội 1998.
55. Trích tham luận của đại biểu Quốc tế trong Hội thảo Quốc tế về Hồ Chí Minh. Nxb Khoa học xã hội 1990.
56. Đoàn Minh Tuấn - Bác Hồ cây đại thọ. Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội 1998.
57. Nguyễn Đức Tước, Dương Văn Sợi. Bác Hồ với Người cao tuổi. Nxb Văn hoá thông tin An Giang 1999.
58. Tình yêu, hôn nhân và gia đình trong xã hội ta. Viện xã hội học 1986.
59. Đào Tùng. Thanh niên với đạo đức cộng sản. Nxb Thanh niên 1962.
60. Lê Xuân Vũ. Chủ nghĩa nhân đạo của chúng ta. Nxb Sự Thật Hà Nội.